SỰ HÌNH THÀNH
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TỪ 1890 ĐẾN 1930

Sách chuyên khảo

NGUYỄN VĂN ĐẠO

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sự hình thành

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

từ 1890 đến 1930

Sự hình thành
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
từ 1890 đến 1930

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỞNG MINH

Biên tập : **LÊ THỊ HỒNG LAM**
Sửa bản in : **PHẠM DUY DANH**
Trình bày : **MỘNG LÀNH**
Bìa : **LINH VŨ**
Ảnh bìa 1 : Lược đồ hành trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1941)
Nguồn : Internet

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38 225 340 - 38 296 764 - 38 247 225 - Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** / Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh • **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh • **ĐT: 39 433 868**

Thực hiện liên kết:
Nguyễn Văn Đạo - Học viện Chính trị khu vực 2
Địa chỉ: 99 Man Thiện, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP.HCM

In lần thứ 1, số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm.
Tại: Xí nghiệp in FAHASA - 774 Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình, TP. HCM
XNĐKXB số: 282-2016/CXBIPH/01-21/THTPHCM cấp ngày 26/01/2016
QĐXB số: 164/QĐ - THTPHCM - 2016 ngày 19/02/2016
ISBN: 978 - 604 - 58 - 4929 - 3
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2016.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC KHI XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nguyễn Văn Đạo

Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1890 đến 1930 / Nguyễn Văn Đạo. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016

200 tr. ; 21 cm

ISBN 978-604-58-4929-3

1. Hồ Chí Minh,1890 - 1969--Tư tưởng I. Ts.

1. Hồ Chí Minh,1890 – 1969 -- Political and social views

335.4346 -- ddc 23

N573-Đ21

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Sự hình thành
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
từ 1890 đến 1930

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời giới thiệu

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (tháng 01/2011) khẳng định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh… là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi". Theo đó, việc kiên trì, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề có tính nguyên tắc số một của Đảng. Chính vì vậy, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh *luôn luôn được đặt ra với một yêu cầu bức thiết*, nhằm làm cho tư tưởng của Người thực sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc ta.

Sau 20 năm, từ khi đẩy mạnh nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh (1991 - 2011), dù có nhiều bài viết, hội thảo về Người được diễn ra cả trong và ngoài nước, song các

nhà khoa học đều cho rằng: "Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ hết sức to lớn, mới mẻ và đầy khó khăn, bởi tư tưởng của Người vô cùng vĩ đại và phong phú, mà tầm với của chúng ta lại còn quá thấp trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu về Người". Đặc biệt trong những năm gần đây, cùng với sự ra đời chưa lâu ngành *Hồ Chí Minh học*, thì những thành quả trước đây rất cần được tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Chính vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu những vấn đề thuộc lịch sử tư tưởng Hồ Chí Minh đang *là yêu cầu khách quan và có vị trí quan trọng* trong giai đoạn hiện nay khi nghiên cứu về Người.

Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là một vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu lịch sử tư tưởng của Người, vì để trở thành một hệ thống hoàn chỉnh, tư tưởng Hồ Chí Minh phải trải qua quá trình hình thành và phát triển. Do vậy, việc nêu rõ, đúng và chính xác sự phân chia các thời kỳ lịch sử tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp chúng ta "nắm được những nội dung tư tưởng cơ bản của Người trong từng thời kỳ, phản ánh khách quan hiện thực lịch sử và tài năng, trí tuệ của Hồ Chí Minh".

Những năm cuối thế kỷ XIX và ba thập niên đầu thế kỷ XX là giai đoạn đầy biến động của cách mạng dân tộc và thời đại. Với tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn này là giai

đoạn từng bước hình thành và hình thành những quan điểm cơ bản về cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng ở một nước thuộc địa nói chung. Vì vậy, nghiên cứu giai đoạn này có ý nghĩa to lớn trong toàn bộ quá trình nghiên cứu sự hình thành, phát triển và hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh.

Xuất phát từ yêu cầu cấp thiết và ý nghĩa quan trọng của những vấn đề trình bày trên, Thạc sĩ Nguyễn Văn Đạo, hiện đang công tác tại Học viện Chính trị khu vực II thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cho ra mắt bạn đọc cuốn sách chuyên khảo ***Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1890 đến 1930.***

Nội dung cuốn sách đã đi sâu vào phân tích, luận giải một cách khoa học quá trình Hồ Chí Minh hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân, chí hướng cứu nước và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin; quá trình hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1921 - 1930) và những đặc điểm của sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn này. Những giá trị khoa học trình bày trong cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích giúp cho các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và đông đảo bạn đọc quan tâm có được cách nhìn tổng quát nhất về sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1890 đến 1930. Nội dung cuốn sách trình bày một vấn đề lớn, viết về một khoảng thời gian có nhiều tác động đến tư tưởng, cuộc đời, sự nghiệp

của Người, cho nên khó tránh khỏi những thiếu sót về tư liệu, cách nhìn, tiếp cận, đánh giá khác nhau. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để khi có điều kiện tái bản, cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 02 năm 2016
Tác giả
Nguyễn Văn Đạo

Chương 1

HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC, THƯƠNG DÂN, CHÍ HƯỚNG CỨU NƯỚC VÀ ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN (1890 - 1920)

I. VẤN ĐỀ PHÂN KỲ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đã từ lâu trong nghiên cứu về Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, các nhà lý luận *một mặt* làm rõ khái niệm, các nội dung cụ thể của tư tưởng Hồ Chí Minh, *mặt khác* còn chia sự hình thành và phát triển tư tưởng của Người thành những giai đoạn khác nhau. Đây là mặt rất quan trọng trong việc nắm bắt được tiến trình phát triển tư tưởng của Người, để từ đó giúp cho việc hiểu sâu sắc các mốc phát triển chính, cũng như nắm được nội dung tư tưởng cốt lõi của Người trong từng thời kỳ. Song,

sự phân chia và đặt tên cho mỗi giai đoạn là một công việc không hề đơn giản và còn có sự chưa thống nhất giữa các nhà nghiên cứu. Có điều này, vì một lý do không nhỏ là chưa có một tiêu chí đúng đắn, cụ thể trong việc phân kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Tiêu chí phân kỳ

Việc phân kỳ các giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là sự phân chia đứt đoạn, bởi tư tưởng của Người được xác lập qua một quá trình phát triển liên tục, nhất quán, có kế thừa, phát triển, để cuối cùng thành một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Song đồng thời, ta cũng thấy ở mỗi giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh có những đặc trưng riêng khác biệt với những giai đoạn trước, bởi tư tưởng của Người ra đời từ nhu cầu thực tiễn (bao hàm cả bản thân Hồ Chí Minh, của dân tộc và thời đại), trên cơ sở của thực tiễn, góp phần soi sáng và chỉ đạo thực tiễn cách mạng. V.I.Lênin cũng nói: Điều quan trọng nhất của một sự nghiên cứu khoa học là "… không nên quên mối liên hệ lịch sử căn bản, là xem xét mỗi vấn đề theo quan điểm sau đây: Một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như

thế nào"[1]. Nên khác với việc phân kỳ và trình bày tiểu sử Hồ Chí Minh, khi dựa vào các sự kiện gắn với thời gian hoạt động của Người, việc phân kỳ quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh theo chúng tôi cần và nên dựa *vào tiêu chí cơ bản là sự chuyển biến về nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể*. Ngoài ra, vì tư tưởng Hồ Chí Minh có quá trình vận động phát triển phù hợp với quá trình vận động phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới. Do đó, chúng ta nhận thấy, có những quan điểm không phù hợp được Hồ Chí Minh loại bỏ, nhưng cũng có những luận điểm tư tưởng của Người được hình thành, bổ sung suốt đời. Điều này nói lên tư tưởng của Người vừa vận động có tính quy luật, vừa rất phong phú, đa dạng.

Như vậy, căn cứ vào tiêu chí cơ bản trên, cũng như xem xét toàn diện quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, các nhà khoa học bước đầu nêu lên được những tiêu chí để phân kỳ, thông qua sự vận động của tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Thứ nhất, sự vận động theo chiều rộng: Mở rộng chủ đề, đối tượng, lĩnh vực phản ánh; giai đoạn sau nhiều hơn, đa dạng và phong phú hơn giai đoạn trước.

Thứ hai, sự vận động theo chiều sâu: Một quan điểm, tư tưởng được luận chứng sâu sắc hơn, toàn diện hơn, đầy đủ căn cứ hơn ở giai đoạn sau so với giai đoạn trước,

---

1 V.I.Lênin, *Toàn tập,* tập 42, Nhà xuất bản Tiến bộ, M, 1977, tr. 78

tính cách mạng, khoa học rõ hơn, triệt để hơn nhưng vẫn đảm bảo sự nhất quán, thống nhất của logíc thực tại khách quan.

Thứ ba, sự hiện thực hóa tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam; khả năng hiện thực hóa các tư tưởng biểu hiện tính chân lý đúng đắn, năng lực cải tạo, biến đổi hiện thực cuộc sống, khẳng định trên thực tế vai trò chọn đường, dẫn đường, soi đường của tư tưởng Hồ Chí Minh[1].

Sự phân kỳ quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh theo các tiêu chí trên buộc các nhà nghiên cứu khi phân tích, trình bày các giai đoạn của một tiến trình phát triển nhất quán, hệ thống của tư tưởng Hồ Chí Minh, phải nhận thấy được bước chuyển biến của giai đoạn sau so với giai đoạn trước đó, hay nói cách khác là phải chỉ ra được những điểm mới thể hiện sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh qua mỗi giai đoạn hình thành.

2. Khái quát các quan điểm phân kỳ

Việc phân kỳ lịch sử nói chung, phân chia các thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng là một vấn đề khoa học còn đang được tiếp tục tranh luận nhằm tìm ra tiếng nói chung. Xuất phát từ những cơ sở,

1 GS.TS. Mạch Quang Thắng - Chủ biên (2009), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 97.

tiêu chí khác nhau, nên có nhiều cách phân chia và cách hiểu, tên gọi khác nhau trong mỗi giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo thống kê của tác giả, đến nay có khoảng *mười ba quan điểm* phân chia quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trước hết, chia sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thành hai thời kỳ. Đây là quan điểm của PGS. TS. Đức Vượng. *Giai đoạn phát sinh* là "giai đoạn Người tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước. Giai đoạn này đánh dấu sự biến đổi về chất trong tư tưởng của Người". *Giai đoạn phát triển* là "giai đoạn nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và ngày càng hoàn thiện trong quá trình hình thành đường lối cách mạng Việt Nam. Giai đoạn này đánh dấu sự biến đổi về lượng trong tư tưởng của Người"[(1)].

Thứ hai, chia sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thành ba thời kỳ. Có năm quan điểm khác nhau trong sự phân kỳ này. *Một là* của nhà nghiên cứu Hoàng Tùng, khi cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, có ba giai đoạn hình thành và phát triển: Giai đoạn thứ nhất: từ khi ra đi tìm đường cứu nước đến lúc tìm được tư tưởng khoa học của chủ nghĩa Mác, qua V.I.Lênin và Cách mạng Tháng Mười. Giai đoạn thứ hai: Xác định con đường giải

---

1 Đức Vượng (1993), *Quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 52.

phóng dân tộc, giải phóng xã hội, lãnh đạo cách mạng và thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám. Giai đoạn thứ ba: Xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân, tiến hành hai cuộc kháng chiến cứu nước và xây dựng xã hội mới ở miền Bắc[1]. *Hai là* của PGS. TS. Thành Duy cũng chia làm ba thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất là cả quãng đời niên thiếu đến lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước; Thời kỳ thứ hai bắt đầu từ năm 1911 đến lúc Người gặp *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin; Thời kỳ thứ ba là thời kỳ Người coi chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động của mình[2]. *Ba là,* với quan điểm cho rằng "từ 1920 trở về trước… là thời kỳ tạo tiền để cho sự ra đời của tư tưởng, chứ không phải giai đoạn hình thành của chính tư tưởng", PGS. TS. Phạm Ngọc Anh chia ba thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là: 1. Thời kỳ hình thành những nội dung cơ bản (1920 - 1930), 2. Thời kỳ thử nghiệm và tiếp tục phát triển (1930 - 1954), 3. Thời kỳ mở rộng và hoàn chỉnh (1954 - 1969)[3]. *Bốn là* quan điểm của PGS. TS. Trần Tuấn Lộ chia quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh theo tên mà Người

---

1 Xem (1992), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 59.

2 Xem (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 1, tr. 98 - 109.

3 Xem (1994), *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trung tâm Thông tin - tư liệu thuộc Học viện Chính trị quốc gia xuất bản, Hà Nội, tr. 25 - 34.

đã mang trong mỗi giai đoạn. Đó là giai đoạn Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành (1890 - 1920); giai đoạn Nguyễn Ái Quốc (1920 - 1941); giai đoạn Hồ Chí Minh (1941 - 1969)[1]. *Năm là* quan điểm mới đây (năm 2010) của GS.TS. Phùng Hữu Phú, chia quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thành ba mốc: Từ thuở ấu thơ đến năm 1920 là thời kỳ tìm tòi, chọn lọc các cơ sở lý luận, thực tiễn để hình thành tư tưởng cứu dân, cứu nước. Từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930 là thời kỳ tiếp tục bổ sung các cơ sở lý luận, thực tiễn và từng bước xây dựng hệ thống các luận điểm về giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới. Từ năm 1930 đến năm 1969 là thời kỳ thử nghiệm, kiểm chứng, phát triển tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, xây dựng, bảo vệ chế độ mới[2].

Thứ ba, TS. Lê Văn Lực phân chia quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh làm bốn thời kỳ: Thời kỳ nung nấu tình yêu quê hương đất nước, lòng tự tôn dân tộc. Thời kỳ khảo sát tìm tòi con đường cứu nước. Thời kỳ tham gia Đảng Xã hội Pháp, trở thành thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ Quốc tế Cộng sản, tiếp cận Cách mạng Tháng Mười Nga, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thời kỳ kiên trì con

---

1 Xem (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh,* Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 2, tr. 163.

2 Phùng Hữu Phú (2010), *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 12.

đường giải phóng dân tộc, giành chính quyền để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc[1].

Thứ tư, quan điểm phân chia quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thành năm thời kỳ. Đây là quan điểm được đa số các nhà nghiên cứu tán đồng, nhưng việc đặt tên và xác định mốc thời gian của mỗi giai đoạn vẫn còn nhiều điểm khác biệt, nhất là ở việc chọn mốc thời gian 1941 hay 1945. Chính vì vậy, chia ra năm thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, đã có bốn quan điểm khác nhau. *Một là* quan điểm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*: 1. Thời kỳ ấu thơ đến lúc ra đi tìm đường cứu nước (1890 - 1911). 2. Thời kỳ khảo sát, tìm tòi và đến với chủ nghĩa Lênin (1911 - 1920). 3. Thời kỳ hoạt động với tư cách cán bộ Quốc tế Cộng sản và chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1921 - 1930). 4. Thời kỳ gặp những thử thách gay go và kiên trì quan điểm, tư tưởng của mình (1931 - 1940). 5. Thời kỳ về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 - 1969). Cách phân chia này cũng được thấy trong *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản

1 Đinh Xuân Lý - Chủ biên (2003), *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 31 - 57.

lần đầu năm 2003. Đây cũng là quan điểm của một số nhà nghiên cứu như: PGS. TS. Nguyễn Khánh Bật, PGS. TS. Hoàng Trang và gần đây nhất, năm 2005, là ở công trình *Nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới*, do TS. Nguyễn Văn Sáu làm chủ biên. *Hai là*, những quan điểm dừng lại ở năm 1945 trong giai đoạn thứ tư của quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể các thời kỳ ở quan điểm thứ hai này là: Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân; xác định chí hướng cứu nước (trước năm 1911). Thời kỳ nghiên cứu, khảo sát thực tế và đến với chủ nghĩa Mác - Lênin (1911 - 1920). Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1921 - 1930). Thời kỳ thử thách, khó khăn, kiểm nghiệm tiến tới giành thắng lợi đầu tiên trong thực tiễn cách mạng Việt Nam (1930 - 1945). Thời kỳ tiếp tục bổ sung, phát triển và hoàn thiện (1945 - 1969). Đây là quan điểm được trình bày trong cuốn *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo* do GS. TS. Mạch Quang Thắng làm chủ biên, và cũng là quan điểm của: PGS. Lê Mậu Hãn, PGS. TS. Phạm Hồng Chương, TS. Đặng Văn Lợi v.v.. *Ba là* quan điểm của giảng viên Cao cấp Triệu Vũ, cũng chia làm năm thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh như ở quan điểm thứ hai, nhưng có sự khác nhau ở mốc thời gian bắt đầu của thời kỳ thứ nhất là năm 1906[1]. *Bốn là*, quan điểm của GS. Nguyễn Anh Thái khi chia tư

1 Xem (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh,* Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 2, tr. 80 - 86.

tưởng Hồ Chí Minh thành năm giai đoạn hình thành và phát triển với những mốc thời gian, tên gọi cụ thể như sau: Giai đoạn trước khi ra đi tìm đường cứu nước (trước 1911). Giai đoạn tìm đường cứu nước, tiếp thu tinh hoa tư tưởng phương Tây và chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch đường lối và trở thành lãnh tụ cách mạng Việt Nam (1911/1925). Giai đoạn xây dựng chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam, lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1925 - 1945). Giai đoạn xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân và tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Giai đoạn thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Bắc - Nam (1954 - 1969) [1].

Thứ năm, chia sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thành sáu thời kỳ. Có hai quan điểm trong sự phân chia này. *Một là,* theo PGS. TS. Nguyễn Bá Linh thì: Thời kỳ thứ nhất, từ trước khi ra đi tìm đường cứu nước đến tháng 6 năm 1911; thời kỳ thứ hai (1911 - 1920); thời kỳ thứ ba (1920 - 1930); thời kỳ thứ tư (1930 - 1941); thời kỳ thứ năm (1941 - 1945); thời kỳ thứ sáu (1945 - 1969)[2]. Năm 2009, trong sách *Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, PGS. TS. Nguyễn Bá Linh cũng chia quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh thành sáu thời kỳ, nhưng

---

1 Nguyễn Anh Thái (1993), "Một vài suy nghĩ góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh", Tạp chí *Lịch sử Đảng* (2), tr. 4.

2 Mạch Quang Thắng - Chủ biên (1996), *Một số chuyên đề về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 31 - 42.

có sự thay đổi từ thời kỳ thứ tư với mốc thời gian là từ 1930 đến 1945, và thời kỳ thứ năm (1945 - 1969), thời kỳ thứ sáu (từ 1969 đến nay). *Hai là,* theo PGS. Lê Doãn Tá, sáu thời kỳ hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là: Thời kỳ 1911 - 1920; thời kỳ 1920 - 1930; thời kỳ 1931 - 1940; thời kỳ 1941 - 1945; thời kỳ 1945 - 1954 và thời kỳ 1954 - 1969[1].

Như vậy, mỗi cách phân kỳ đều có cơ sở và ý nghĩa riêng, song tất cả đều dựa trên những cột mốc thời gian, sự kiện tiêu biểu trong hoạt động của Người, cũng như sự chuyển biến về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở tiêu chí phân kỳ nêu trên, kế thừa quan điểm phân kỳ của các nhà nghiên cứu đi trước, tác giả cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua năm thời kỳ hình thành và phát triển như sau:

1. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân và chí hướng cứu nước (trước tháng 6/1911).

2. Thời kỳ nghiên cứu, khảo sát thực tiễn, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản (1911 - 1920).

3. Thời kỳ hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam (1921 - 1930).

---

1 Phân viện Hà Nội - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (tập bài giảng), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 24 - 47.

4. Thời kỳ thử thách, khó khăn và kiên trì tư tưởng, tiến tới giành thắng lợi đầu tiên trong thực tiễn cách mạng Việt Nam (1930 - 1945).

5. Thời kỳ bổ sung, phát triển và hoàn chỉnh tư tưởng (1945 - 1969).

Bên cạnh đó, qua nghiên cứu sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rằng, giai đoạn từ năm 1890 - khi Người sinh ra - đến thời điểm kết thúc Hội nghị thành lập Đảng (tháng 2/1930) là giai đoạn đầu tiên, có tính chất cơ sở, nền tảng, định hình cho sự phát triển cả về nhân cách và tư tưởng của Người. Do vậy, việc nghiên cứu giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1890 - 1930 là yêu cầu tất yếu trong quá trình tìm hiểu tư tưởng của Người. Đó là lý do và cũng là nội dung mà tác giả sẽ trình bày trong cuốn sách: *Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1890 đến 1930.*

II. BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Mỗi học thuyết, tư tưởng đều hình thành trong những hoàn cảnh, điều kiện nhất định. Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người không chỉ là sản phẩm của dân tộc, của cách mạng Việt Nam, mà còn là con đẻ của thời đại, của nhân loại tiến bộ. Do đó, khi nghiên cứu tư tưởng của Người, không thể không gắn với việc nghiên cứu bối cảnh thế giới và trong nước.

1. Tình hình thế giới

Mỗi thời đại khắc sâu dấu ấn vào những nhân vật lịch sử vĩ đại và ngược lại, mỗi nhân vật lịch sử vĩ đại đều góp phần cống hiến, làm tỏa sáng những giá trị tiêu biểu trong thời đại của mình. C. Mác nói: "Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó, và nếu không có những con người như thế thì thời đại sẽ sáng tạo ra những con người như thế"[1].

Từ nửa sau thế kỷ XIX, *chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa)*. Các nước đế quốc, bên trong thì tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài thì xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Đến năm 1914, về cơ bản, lãnh thổ thế giới đã được các nước đế quốc phân chia xong và hầu hết các dân tộc ở châu Á, Phi và Mỹ Latinh đều bị biến thành thuộc địa hoặc phụ thuộc chủ nghĩa đế quốc. Điều đó đã được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chỉ rõ trong tham luận của Người đọc tại diễn đàn Đại hội V, Quốc tế Cộng sản (năm 1924): 9 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha, Ý, Nhật Bản, Bỉ, Bồ Đào Nha, Hà Lan) với tổng số dân 320.657.000 người, và với diện tích 11.407.600 km^2 bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 560.193.000 người và với diện tích 55.637.000 km^2. Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính

1 C. Mác, Ph. Ăngghen (1962), *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tập 1, tr. 28.

quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa[1].

Như vậy, đến giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, hệ thống thuộc địa được hình thành và mở rộng có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là sau Cách mạng Tháng Mười Nga. Do vậy, cùng với mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản là mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản, *chủ nghĩa đế quốc đã làm nảy sinh thêm một mâu thuẫn mới: Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với các nước tư bản chính quốc*. Mâu thuẫn này trở thành điều kiện khách quan vừa cho phép, vừa đòi hỏi bên cạnh sự đoàn kết giữa công nhân trong các nước tư bản cần có sự đoàn kết giữa công nhân ở chính quốc với nhân dân các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Bên cạnh đó, khi chủ nghĩa tư bản bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa thì trong phong trào công nhân ở các nước tư bản, *một mặt*, đã đẻ ra một xu hướng thích nghi, cải lương, coi chủ nghĩa tư bản như là một hiện tượng vĩnh viễn, *mặt khác*, nó đẻ ra xu hướng ngược lại, đó là xu hướng cách mạng trong phong trào giai cấp công nhân quốc tế, mà xu hướng này mới có tính chất quy luật tất yếu, bởi vì nó là do mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển

1 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 1, tr. 299.

mà nảy nở ra, và khi mà chủ nghĩa tư bản đã đến thời kỳ diệt vong, thời xu hướng đó tất nhiên trở thành chân lý phổ biến của thời đại[1].

Sang đầu thế kỷ XX, bối cảnh quốc tế còn được đánh dấu bằng hai sự kiện nổi bật là sự thức tỉnh của các dân tộc châu Á và phong trào cách mạng dân chủ tư sản ở Đông Âu, bắt đầu từ Cách mạng 1905 ở Nga, tạo thành một cao trào thức tỉnh của các nước phương Đông. Năm 1913, V.I.Lênin đã chỉ ra rằng: Chủ nghĩa tư bản thế giới và phong trào cách mạng Nga 1905 đã dứt khoát thức tỉnh châu Á. Nội dung của sự thức tỉnh đó là gì? Có rất nhiều vấn đề, nhưng theo V.I.Lênin, một trong những nội dung quan trọng nhất là "phương Đông dứt khoát đứng lên theo con đường của phương Tây, rằng hàng trăm, hàng trăm triệu quần chúng đã tham gia vào cuộc đấu tranh "vì những lý tưởng mà trước đây phương Tây đã đạt tới", là "phong trào cách mạng sâu sắc của hàng trăm, hàng trăm triệu quần chúng ngày nay đã dứt khoát "bị lôi cuốn vào dòng chảy của nền văn minh của chủ nghĩa tư bản toàn thế giới""[2]. Điều này cho thấy sự kiện Nguyễn Tất Thành xuất dương năm 1911 chính là từ sự

---

1 Trung tâm khoa học và nhân văn quốc gia (2003), *Nguyễn Khánh Toàn - Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 119.

2 V.I.Lênin (1978), *Toàn tập* (bản tiếng Nga), Nhà xuất bản Tiến Bộ, Mátxcơva, tập 23, tr. 142.

thức tỉnh của bản thân, của dân tộc trong sự thức tỉnh chung của châu Á và phương Đông khi ấy. Đó là một hiện tượng hoàn toàn hợp quy luật và có cơ sở xã hội rộng lớn.

Giữa thế kỉ XIX, đáp ứng đòi hỏi bức thiết phải có hệ thống lý luận khoa học dẫn đường trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác ra đời với *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, *V.I.Lênin đã phát triển chủ nghĩa Mác* trên nhiều phương diện. Dưới sự lãnh đạo của Người, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga làm nên cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, mở ra thời đại mới trong lịch sử thế giới.

Thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 soi đường cho phong trào cách mạng thế giới. Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức, "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"[1]. Đồng thời, Cách mạng Tháng Mười còn tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa. *Một mặt*, nó đã phá vỡ 1/6 hệ thống đế quốc chủ nghĩa, *mặt khác* Nhà nước Xô - viết - con đẻ của cách mạng là chỗ dựa chắc chắn và là bạn đồng minh tin

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 11, tr. 164.

cậy của các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Hơn nữa, V.I.Lênin và Đảng Bônsêvich về mặt tổ chức, còn tạo mọi điều kiện để phong trào cách mạng ở các nước đi đúng đường, đó là *thành lập Quốc tế Cộng sản* năm 1919. Sự ra đời Bộ Tổng tham mưu của cách mạng thế giới có một ý nghĩa rất lớn trong việc ra đời những đảng chân chính cách mạng của giai cấp công nhân, đủ sức lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Đối với cách mạng nước ta, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ sớm đã nhấn mạnh: "An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế"[1].

Một hoàn cảnh quốc tế khác có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX mà chúng ta cũng cần phải nhắc đến, đó là *tác động của những biến chuyển ở Đông Á* như cuộc vận động duy tân ở Trung Quốc, Nhật Bản, hay chiến thắng trước Nga Hoàng của Nhật Bản.

Tình hình quốc tế nói trên đã tác động, chi phối rất lớn đến bước đường hoạt động thực tiễn cũng như sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 312.

2. Tình hình trong nước

Việt Nam là một nước thuộc khu vực Đông Nam Á, một vùng đất được hình thành từ thời cổ sinh trong lịch sử.

Quá trình dựng nước và giữ nước đã tạo nên dân tộc Việt Nam là một dân tộc thống nhất, gồm nhiều thành phần cùng chung sống trên một lãnh thổ. Vì vậy, cùng với ý thức quốc gia, dân tộc, ý thức làm chủ đất nước sớm hình thành, dân tộc Việt Nam đã hun đúc nên những truyền thống tốt đẹp như: truyền thống yêu nước, truyền thống nhân văn, nhân ái, nhân nghĩa, đoàn kết v.v..

Từ thế kỷ XVI, chế độ phong kiến nước ta bắt đầu khủng hoảng và đến thế kỷ XIX đã ở thời kỳ nghiêm trọng. Trong khi đó, trên thế giới lúc này, chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu và Bắc Mỹ phát triển với tốc độ rất nhanh, ngày càng uy hiếp các nước chậm phát triển. Sau khi bị thực dân Anh hất ra khỏi thị trường Ấn Độ (năm 1763), tư bản Pháp lập tức xúc tiến âm mưu xâm lược Việt Nam. Từ năm 1858, thực dân Pháp bắt đầu tiến công quân sự để chiếm Việt Nam. Đến năm 1884, bằng Hiệp ước Patơnốt (ký ngày 6/6/1884), triều đình nhà Nguyễn thừa nhận nước Pháp "bảo hộ" cả Trung Kỳ và Bắc Kỳ, đất nước rơi vào tình trạng chia ba bởi chính sách "chia để trị" của thực dân Pháp. *Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập tự chủ trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến*. Mặc dù thực dân còn duy trì một phần tính chất phong kiến, song khi đã thành thuộc địa thì

tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giai cấp ở Việt Nam đều bị đặt trong quỹ đạo chuyển động của xã hội đó.

Về chính trị, thực dân Pháp áp đặt chính sách chuyên chế cai trị thực dân điển hình, tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn và không cho dân ta một chút tự do, dân chủ nào. Chúng nắm giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy chính quyền, đồng thời tạo nên một cơ sở xã hội làm chỗ dựa cho hệ thống cai trị thuộc địa, bao gồm giai cấp địa chủ phong kiến và tầng lớp tư sản mại bản. Chúng biến bộ máy cai trị của giai cấp phong kiến thành hệ thống tay sai giúp chúng bóc lột, đàn áp người dân thuộc địa. Để làm suy yếu lực lượng đoàn kết dân tộc, đế quốc Pháp chia nước ta ra ba kỳ: Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ. Hơn nữa chúng còn lập ra Xứ Đông Dương thuộc Pháp nhằm xóa tên ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia khỏi bản đồ thế giới.

Về kinh tế, thực dân Pháp thi hành chính sách kinh tế thực dân bảo thủ và phản động: Duy trì phương thức sản xuất phong kiến dưới quyền điều khiển và khống chế của tư bản thực dân, đồng thời kết hợp với việc thiết lập một cách hạn chế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Biểu hiện rõ nhất của chính sách kinh tế này là chế độ thuế khóa vô cùng nặng nề và hết sức vô lý. Nguyễn Ái Quốc sau này từng nhận xét: "Thuế má không những

nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi"[1]. Ngoài ra, để bóc lột được lợi nhuận tối đa, chính quyền thực dân thi hành thủ đoạn độc quyền kinh tế, kết quả tất yếu là kinh tế Việt Nam mất độc lập, phải phụ thuộc vào kinh tế "chính quốc" và không thể phát triển toàn diện. Nhân dân Việt Nam bị bần cùng hóa; nông dân, thợ thủ công phá sản, tư sản bản xứ bị chèn ép và phá sản.

Về văn hóa, thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa, giáo dục thực dân, văn hóa nô lệ, gây tâm lý tự ti, vong bản. Chúng bưng bít, ngăn cản mọi ảnh hưởng của nền văn hóa dân chủ tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam, trong khi khuyến khích và phát triển tôn giáo, mê tín dị đoan, đem văn hóa phản động, trụy lạc, đồi phong bại tục nhồi sọ nhân dân ta. Chúng thực hành chính sách ngu dân triệt để dễ bề thống trị. Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: *"Làm cho u mê để thống trị"*, đó là phương pháp mà nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất"[2].

Dưới tác động của chính sách cai trị thực dân nói trên, một *cơ cấu giai cấp và xã hội mới* ở Việt Nam đã được tạo ra. Ngoài những giai cấp cũ, xã hội Việt Nam xuất hiện hai giai cấp mới: giai cấp công nhân và giai cấp tư sản. Nhưng trừ một số rất ít người có xu hướng thích nghi, "hợp tác" với chế độ thuộc địa, còn hầu hết mọi giai tầng trong xã hội Việt Nam lúc này đều bị ách

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 82.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 173.

thực dân đè nặng, đều mang thân phận người dân bị mất nước. Điều này giải thích tại sao trong lòng chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã hình thành những mâu thuẫn đan xen nhau. Ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến, đã nảy sinh mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu và ngày càng sâu sắc, đó là *mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động.* Vì vậy, nhiệm vụ chống đế quốc, giành lại độc lập dân tộc trở thành nhiệm vụ hàng đầu, là đòi hỏi khách quan, cấp bách của cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Để giải quyết mâu thuẫn trên, nhiều phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi với mục tiêu "quyết chống cả Triều lẫn Tây" suốt những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Trong đó phong trào Đông Du, Đông kinh Nghĩa thục, Duy tân, Nghĩa hưng Đảng, Việt Nam Quang phục Hội... do các sĩ phu yêu nước chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản như: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh lãnh đạo hay khởi nghĩa nông dân Yên Thế dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám kéo dài hơn 30 năm, là những trang sử vẻ vang của dân tộc trên con đường đấu tranh giành độc lập. Mặc dù diễn ra sôi nổi, rộng khắp, nhưng tất cả các cuộc đấu tranh cuối cùng đều thất bại. Tình hình trên đã tác động không nhỏ đến tư tưởng, tình cảm của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành. Nhớ

lại đoạn lịch sử bi tráng này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Trong suốt gần một thế kỷ thống trị của thực dân Pháp, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam không ngừng phát triển, kẻ trước ngã, người sau đứng dậy. Nhưng tất cả những cuộc khởi nghĩa yêu nước ấy đã bị dìm trong máu"[1].

Nhiều công trình nghiên cứu xưa nay thường nhận định về sự thất bại của các cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đứng đầu, là do thiếu một *giai cấp tiên tiến* đủ sức lãnh đạo phong trào. Nhưng theo tác giả, trong điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, khi các mầm mống của chủ nghĩa tư bản mới chỉ bắt đầu phát triển, và cho đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) cũng chỉ có "độ 6 vạn công nhân có tính chất tập trung"[2], thì việc đòi hỏi phải có một giai cấp tiên tiến đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng là giai cấp công nhân - một giai cấp để đảm đương được sứ mệnh lịch sử của chính bản thân mình, thì phải trải qua một quá trình phát triển tiếp tục để đi từ "tự phát" đến "tự giác" - là không thực tế. Đến cả sau này, ở ngay Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đã "hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba", đã thừa nhận học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, thì phải gần 6 năm sau đó, khi tổ chức ra Việt

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 30.

2 Trần Văn Giàu (1958), *Giai cấp công nhân Việt Nam sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp "tự mình" đến giai cấp "cho mình"*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 88 - 89.

Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, Người cũng mới chỉ xác định "nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản)"[1].

Một nhận định khác nữa đã khẳng định rằng, sự thất bại của các cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh chủ trương những năm đầu thế kỷ XX là *sự thất bại* của con đường cứu nước trong phạm trù của hệ tư tưởng tư sản. Quan điểm này, theo tác giả là không hoàn toàn thỏa đáng. Chúng ta biết rằng, Nguyễn Tất Thành xuất dương tìm đường cứu nước năm 1911, thì năm 1912, sau khi phong trào Đông Du thất bại, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục Hội dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911. Cuộc Cách mạng Tân Hợi dù có những hạn chế nào đi chăng nữa, vẫn là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình theo kiểu phương Đông trong điều kiện lịch sử cụ thể khi đó. Cộng thêm việc năm 1913, V.I.Lênin đưa ra luận điểm về "Sự thức tỉnh của châu Á" (ở trên đã nói) thì càng cho thấy, Phan Bội Châu và Việt Nam Quang phục Hội do cụ thành lập năm 1912, về cơ bản vẫn đi đúng xu thế phát triển khách quan của lịch sử khi đó. Theo tác giả, phải đến đầu năm 1930 - khi cuộc đấu tranh giữa các trào lưu tư tưởng và đảng phái trong cả lý luận và thực tiễn của phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã chứng minh sự đúng đắn, tính tất thắng của con đường cách mạng vô sản cũng như sự bất lực

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 14.

hoàn toàn của con đường cứu nước trong phạm trù của hệ tư tưởng tư sản (với việc ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và sự thất bại của Quốc dân Đảng trong khởi nghĩa Yên Bái) - mới có thể kết luận về *sự thất bại hoàn toàn* của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trong phạm trù của hệ tư tưởng tư sản.

Tóm lại, dù không thành công, và cách mạng Việt Nam vẫn lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước, nhưng các phong trào yêu nước thời kỳ này đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, đặc biệt là thúc đẩy lớp thanh niên trí thức có được những kinh nghiệm để chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam.

Trước những đòi hỏi của dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh xuất hiện. Đó là sự giải đáp và là sản phẩm tất yếu của cách mạng Việt Nam và thế giới trong điều kiện lịch sử mới.

III. THỜI KỲ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC, THƯƠNG DÂN VÀ CHÍ HƯỚNG CỨU NƯỚC (1890 - 1911)

Lý luận nhân cách mácxít chỉ rõ: Sự hình thành nhân cách là kết quả tác động phức hợp, biện chứng giữa tính quyết định xã hội và tính tích cực của cá nhân. *Tính quyết định của xã hội* bao gồm những nhân tố khách quan ở bên

ngoài chủ thể hành động, gắn liền với thời đại, dân tộc, quê hương, gia đình và môi trường hẹp mà nhân vật đã quan hệ, tiếp xúc. *Tính tích cực của chủ thể hành động* bao gồm những nhân tố thuộc về cơ chế tâm lý bên trong của cá nhân: Định hướng giá trị, nhu cầu, lợi ích, hệ thống, các thuộc tính đạo đức và phẩm chất riêng tư khác. Cái khó và cũng là điều cần phải đạt tới trong việc nghiên cứu lịch sử các vĩ nhân, là phải lý giải được sáng tỏ biện chứng của quá trình nội tâm hóa các điều kiện lịch sử khách quan, và quá trình khách quan hóa các năng lực của chủ thể vĩ nhân trong mối quan hệ tích cực với thế giới.

Để dựng lại và lý giải có sức thuyết phục quá trình hình thành nhân cách và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà bước khởi đầu là sự hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân và chí hướng cứu nước của Người, thì những chỉ dẫn trên đây mang ý nghĩa phương pháp luận rất quan trọng.

1. Hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân

Làm rõ những nhân tố tạo thành tính quyết định xã hội đối với sự hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời niên thiếu, trước tiên cần tìm hiểu ảnh hưởng từ gia đình mà hiện thân là người cha - cụ Nguyễn Sinh Sắc, bởi trong khuôn khổ giáo dục phong kiến, vai trò của người cha rất được xem trọng.

Nội dung phần này không nhắc lại cuộc đời cụ Nguyễn Sinh Sắc như phác họa một bức chân dung mà đi sâu vào khía cạnh nghiên cứu những khuynh hướng tư tưởng và hoạt động thực tiễn của cụ, đặc biệt là thời kỳ từ 1890 đến 1911 - khoảng thời gian có vai trò quyết định đến sự hình thành nhân cách và tư tưởng yêu nước, thương dân của Nguyễn Tất Thành.

Theo những tư liệu hiện có, chúng ta có thể chia cuộc đời của cụ Nguyễn Sinh Sắc ra ba thời kỳ: 1. Từ nhỏ đến khi đỗ Phó bảng (1863 - 1901), 2. Từ khi đỗ đạt đến khi bị cách chức (1901 - 1910), 3. Từ khi bị mất chức cho đến cuối đời (1910 - 1929). Theo GS Song Thành, giai đoạn từ 1890 đến 1901 thì "tư tưởng yêu nước của Nguyễn Sinh Sắc chưa có điều kiện bộc lộ, vừa chưa có cơ sở gì để kết luận về ảnh hưởng của ông đối với sự hình thành tư tưởng yêu nước của cậu bé Nguyễn Sinh Cung"[1]. Các tác giả sách *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* cũng xác định: "Khoảng năm 1901 - 1902, Nguyễn Tất Thành bước đầu tiếp thu tư tưởng yêu nước của các bậc cha chú thông qua mối quan hệ giữa cha với các sĩ phu trong vùng"[2]. Như vậy, tư tưởng yêu nước, thương dân ở Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh được hình thành

1 Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), *Âm vang thời Bác Hồ ở Huế*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, tr. 135.

2 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 1 (1890 - 1929), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 15.

từ rất sớm, lúc mới 11, 12 tuổi, trong đó vai trò và ảnh hưởng của người cha là đầu tiên và vô cùng quan trọng.

Cụ Nguyễn Sinh Sắc, trong khoảng 5 năm đầu (1901 - 1906) sau khi đỗ Phó bảng đã không ra làm quan. Cụ dành thời gian cho việc dạy học và đến những nơi có phong trào yêu nước đang hoạt động sôi nổi từ Trung ra Bắc để giao du, tiếp xúc, đàm luận với các sĩ phu yêu nước: Cụ tới quê hương của Bang biện Trần Tấn, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Văn Thân (1874); đến Hương Sơn, hậu cứ cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng; đến Đức Thọ, quê hương của Lê Ninh; đến Võ Liệt, nơi đang sôi nổi luận bàn "Tân thư"; đến Diễn Châu, quê của một tri huyện Thanh Hóa đã treo ấn từ quan; đến Quỳnh Đôi, một nơi nổi tiếng lắm người học giỏi, đỗ đạt cao; ra Kiến Xương (Thái Bình) gặp gỡ bạn hữu, trong đó có Nguyễn Quang Đoàn (con trai nhà ái quốc Nguyễn Quang Bích). Điều đặc biệt là, đi đến đâu cụ Sắc cũng thường đưa Nguyễn Tất Thành theo, hoặc cho đi học, hoặc cho hầu giúp cha trong những cuộc đàm luận giữa cha và các sĩ phu. Đó vừa là nhu cầu tự thân biểu hiện lòng yêu nước, quan tâm thời cuộc của cụ, vừa có chủ đích giáo dục, định hướng của người cha - một *nhà Nho học luôn quan tâm đến việc học tập, giáo dục con cái* - đối với người con được ông yêu thương, đặt nhiều hy vọng nhất. Từ điều kiện gần gũi này mà mọi việc làm, mọi lời nói, cử chỉ hàng ngày của cụ Sắc đều tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu sắc tới Nguyễn Sinh Cung. Chính

được nghe những câu chuyện ấy mà nhận thức xã hội và lòng yêu nước của Nguyễn Sinh Cung cũng đã được nhen nhóm lên.

Tinh thần yêu nước của cụ Sắc còn thể hiện ở việc, cụ "tỏ thái độ đối địch với bọn vua quan phong kiến và bọn thực dân Pháp xâm lược"[1]. Tháng 6/1906, cụ vào Huế nhậm chức Thừa biện ở bộ Lễ. Tại đây, cụ có điều kiện va chạm trực tiếp với chốn quan trường thực dân. Điều đó giúp cụ càng hiểu nhân tình thế thái, hiểu sự thối nát chốn quan trường, hiểu cả những khó khăn, phức tạp và sự bế tắc của con đường cứu nước. Thấy vua Hàm Nghi bị bắt, thấy triều đình và triều thần chỉ còn là tôi tớ của thực dân, cụ bộc lộ tâm trạng chán chường, bi quan bằng câu nói nổi tiếng: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ", nghĩa là "Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ, lại càng nô lệ hơn". Đến khi nhận chức tri huyện Bình Khê, thì việc cụ "lạm quyền" thả những người bị bắt giam trong phong trào chống thuế, xử phạt nghiêm khắc bọn tổng lý ức hiếp nhân dân, thái độ trễ nải việc quan, bỏ qua hoặc xử hòa các vụ kiện tụng… đều là những biểu hiện chống đối theo kiểu riêng, đồng thời cũng phản ánh tâm trạng chán nản trước thời cuộc và sự yếu đuối, bất lực của bản thân cụ Sắc. Điều đó cho thấy, quan niệm về chữ "Trung quân" của nhà Nho Nguyễn Sinh Sắc đến lúc này đã thay đổi: "Cụ… phủ nhận cái thuyết trung quân của nhà nho và cho trung

1 Đức Vượng (1993), Sđd, tr. 34.

quân không phải là ái quốc. Ái quốc là yêu nước. Mà nước là ai? Nước là dân. Vậy ái quốc phải có nghĩa là ái dân. Từ đấy, cụ thường đem cái thuyết đó mà giác ngộ các bạn bè và các thanh niên đến thụ nghiệp"[1], và lẽ dĩ nhiên, cái thuyết "Nước là dân, yêu nước là yêu dân… chủ trương lấy dân làm hậu thuẫn cho tất cả các phong trào cải cách chính trị hay xã hội" của cụ Bảng Sắc đã thấm vào ông Nguyễn Ái Quốc từ lúc còn thơ[2].

Nét nổi bật của cụ Nguyễn Sinh Sắc thời kỳ này (1901 - 1910) là tư tưởng thương dân. Tư tưởng thương dân của cụ Sắc bắt rễ sâu xa từ trong cuộc đời của mình, vốn xuất thân nghèo khổ, sống gần dân và từ nghèo khó mà đi lên, chịu ơn sâu nặng của dân. Do vậy, cụ hiểu sâu sắc nỗi khổ của dân, luôn cưu mang, giúp đỡ dân nghèo: Khi đỗ Phó bảng, cụ từ chối ngồi kiệu trong lễ vinh quy, mà đi bộ cùng dân làng về quê ngoại; số tiền xã cắt cho làm cỗ ăn khao, cụ cũng đem chia cho người nghèo làm vốn sinh nhai; trước khi vào Huế nhậm chức, cụ chỉ để lại một ít ruộng cho người con gái, còn nửa cụ bán lấy tiền, giúp cho những người dân trong làng có người thân phải đi phu Cửa Rào; đến khi là một vị quan trong triều, cụ vẫn luôn giáo dục con cái tư tưởng: "Vật dĩ quan gia vi ngô phong dạng", nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình; khi làm tri huyện Bình Khê,

---

1 Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), Sđd, tr. 131 - 132.

2 Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), Sđd, tr. 136.

dù ngắn ngủi, cụ vẫn đứng về phía nhân dân, v.v.. Tình cảm yêu nước, thương dân, cùng nhân cách cao thượng của người cha đã ảnh hưởng rất lớn đến những người con, trong đó có sự hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân của Nguyễn Tất Thành thời niên thiếu. Sống trong một gia đình như vậy, lại tận mắt chứng kiến những biến đổi lớn lao của xã hội nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX, tư tưởng yêu nước, thương dân và lòng căm thù giặc từng bước hình thành, phát triển trong Nguyễn Tất Thành, thúc giục Người đi đến những hành động yêu nước sôi nổi và suy nghĩ theo con đường riêng của mình.

Quê hương xứ Nghệ là mảnh đất tạo nên nhiều biến đổi của dân tộc và là yếu tố quan trọng trong sự hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhà thơ Tản Đà có câu "Sông Lô núi Tản đúc nên người", đó là một quan niệm khoa học. Nghệ An là tỉnh ở phía bắc miền Trung, là vùng đất có thiên nhiên phong phú nhưng cũng vô cùng khắc nghiệt. G. Lacutuya đã nhận xét về quê hương của Người: "Không có gì đẹp hơn và cũng không có gì khắc nghiệt hơn thiên nhiên nơi đây… Chúng ta ghi nhớ lời thách thức mà quê hương ông (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã nói cho các xã hội đang sống ở đó"[1]. Điều này gợi mở cho chúng ta suy nghĩ về những vấn đề cội nguồn gốc rễ của cái chất Nghệ, của văn minh sông Lam

1 Jean Lacuoture (1967), *Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Senli, Paris (Bản dịch lưu tại Viện Hồ Chí Minh, ký hiệu HC - 17, 238 trang), tr. 5.

đã góp phần hình thành nên tính cách đặc trưng, cũng như truyền thống hiếu học, nhân ái, nhân nghĩa của con người nơi đây.

Vị trí địa lí và con người Nghệ An từng là chỗ dựa vững chắc của nhiều triều đại xưa kia: "… phên giậu thời Đinh Lý, đất "cối kê" đời Trần: "đứng chấn" và sau đó là thang mộc thời đời Lê, là đất Phượng Hoàng trung đô thời Tây Sơn" [1]. Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, vùng Nghệ - Tĩnh luôn là một điểm nóng trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược. Ngay sau khi triều đình nhà Nguyễn dâng Nam Kỳ cho giặc, Trần Tấn và Đặng Như Mai liền phất cờ chống quân cướp nước. Thực dân Pháp kéo quân ra chiếm Trung Kỳ và Bắc Kỳ, thì có *Hịch bình Tây* của Hội văn thân Nghệ Tĩnh, có Hoàng Phan Thái chịu chết chém chứ không đầu hàng. Tiếp đó, có khởi nghĩa của hai anh em: Lê Ninh, Lê Võ ở Hà Tĩnh (1885); Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh (1885 - 1886), Nguyễn Xuân Ôn và Lê Doãn Nhạ ở Nghệ An, Thanh Hóa (1886), v.v.. Tháng 2/1931, trong báo cáo gửi Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản nhan đề *Nghệ Tĩnh đỏ*, Nguyễn Ái Quốc nhận xét: "Nhân dân Nghệ - Tĩnh nổi tiếng cứng đầu. Trong thời kỳ Pháp xâm lược cũng như trong các phong trào cách mạng quốc gia (1905 - 1925) Nghệ - Tĩnh đã nổi tiếng"[2]. Ngay tại quê ngoại và quê nội của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong

---

1 Trần Văn Giàu - Chủ biên (2009), *Vàng trong lửa*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 29.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 79.

thời kỳ này cũng ghi nhận, khắc sâu biết bao chiến công lẫy lừng: Vương Thúc Mậu lập Chung nghĩa binh đã tử tiết khi bị giặc vây bắt tại ao Tùa đầu làng Sen; Hoàng Xuân Hành làng Hoàng Trù, tham gia phong trào Văn thân, rồi nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, sau trở về Thanh Chương - Nghệ An lập căn cứ chống Pháp. Trong dòng họ Nguyễn Sinh, có Nguyễn Sinh Quyến tham gia Chung nghĩa binh, rồi cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng[1].v.v..

Xuất thân từ gia đình nhà Nho nghèo ở vùng đất có truyền thống văn hóa, giàu tình nghĩa trong cuộc sống và bất khuất trước kẻ thù, với bao di tích lịch sử còn đó, cùng với độ "nóng" của phong trào yêu nước ngay tại quê hương, Nguyễn Tất Thành đã thấu hiểu thế nào là tình làng nghĩa xóm, tình yêu quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn. Đó cũng là những điều kiện rất tốt sớm nuôi dưỡng, hun đúc tình cảm và tư tưởng yêu nước, thương nòi ở Người. PGS.TS Đức Vượng nhận xét: "Nếu như truyền thống gia đình mà hiện thân là người cha đã gieo những tư tưởng yêu nước, thương dân cho Hồ Chí Minh, thì truyền thống quê hương đã góp phần nâng nhận thức của Người lên tầm cao hơn"[2].

Một sự kiện trên quê hương gây ấn tượng sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ này là "tấn bi kịch con đường Cửa Rào". Để gấp rút hoàn thành con đường Vinh - Cửa Rào - Trấn Ninh trong năm 1904,

---

1 Song Thành - Chủ biên (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 15 - 16.

2 Đức Vượng (1993), Sđd, tr. 36.

chính quyền thực dân đã bắt tất cả dân đinh từ 18 đến 50 tuổi đi phu làm đường. Do điều kiện sống, làm việc vô cùng khắc nghiệt, khiến cho quá nửa dân phu bị chết. Điều này đã gây xúc động mạnh cho Nguyễn Tất Thành và "khơi sâu thêm lòng căm thù của nhân dân ta đối với thực dân"[1].

Như vậy, có thể thấy ở Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh đã từ tình cảm yêu thương gia đình, tình yêu quê hương, xứ sở, làng xóm tiến dần đến tình cảm yêu nước, thương xót đồng bào bị áp bức. Tác giả Trần Dân Tiên kể lại rằng, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên 15 tuổi, Người "đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào"[2]. Bước phát triển tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ này là cơ sở hết sức quan trọng, chuẩn bị cho bước chuyển từ tình cảm yêu quê hương đất nước đến tư tưởng cứu nước khi Nguyễn Tất Thành đến Thừa Thiên - Huế lần thứ hai.

Thời điểm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nếu Nam Đàn - Nghệ An là điểm xuất phát của hầu hết các cuộc khởi nghĩa vũ trang tiêu biểu chống thực dân Pháp, thì Huế lại là nơi tập trung của hầu hết các cuộc đình công, biểu tình chống sưu cao thuế nặng. Ngoài ra, hòa vào trào lưu cứu nước mới của thời kỳ "Châu Á thức tỉnh", Huế lúc này, còn là nơi "trung chuyển" tân thư, tân văn

---

1 Trần Dân Tiên (1975), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 11.

2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 12.

vào Việt Nam. Các phong trào yêu nước mới như phong trào Đông du, cuộc vận động Duy tân, phong trào Đông kinh Nghĩa thục, Việt Nam Quang phục Hội… đã tác động mạnh mẽ vào kinh đô Huế, cuốn hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Năm 1907, vua Thành Thái - vị vua yêu nước, có tư tưởng chống Pháp bị thực dân Pháp phế truất và đưa đi đày, càng làm cho khí thế căm thù và làn sóng đấu tranh của nhân dân thêm bừng lên.

Sống và học tập tại kinh đô Huế trong bối cảnh chính trị - xã hội như trên, tư tưởng yêu nước, thương dân của Nguyễn Tất Thành có sự nhân lên rõ rệt. Thêm vào đó, khi Người đến Huế lần thứ hai (lần thứ nhất từ 1895 - 1901) thì: *về mặt tâm sinh lý* đúng ở tuổi thiếu niên sang tuổi thanh niên; *về tri thức* có điều kiện củng cố và mở rộng thêm khi vào học trường Pháp - Việt Đông Ba, trường Quốc học Huế; và *sự hòa nhập cuộc sống với người dân xứ Huế*, đã giúp Người ý thức hơn nữa nỗi nhục mất nước, thấy được bản chất xấu xa của thực dân Pháp. Chính điều đó đã thôi thúc Người tham gia vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân và bắt đầu có những hoạt động yêu nước. Tiêu biểu cho những hoạt động đó là việc Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào nông dân kháng thuế ở Huế, vào tháng 5/1908. Sau "sự kiện Cửa Rào" thì việc *trực tiếp tham gia* vào một phong trào của quần chúng nhân dân *ở Huế*, và được tận mắt chứng kiến cảnh chính

quyền thực dân bắt bớ, giết hại những người nông dân "chân tay không, không có khí giới, chỉ yêu cầu giảm thuế"[1]. Sự kiện tham gia phong trào kháng thuế đã cho thấy tư tưởng yêu nước, thương dân ở Người có sự thay đổi về chất, khi từ nhận thức yêu nước đến hành động yêu nước. Người đã chuyển từ tình cảm đến hành động, đứng về phía nhân dân, bênh vực và đấu tranh cho quyền lợi của nhân dân lao động. Cùng với lòng yêu nước thiết tha được hun đúc qua những năm tháng ở quê hương, ý thức dân tộc, nỗi đau của người dân mất nước trước thực tế sôi động trong thời gian ở Huế, đã nảy sinh trong tư tưởng Nguyễn Tất Thành khát vọng cứu nước, giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no cho nhân dân. Đồng chí Phạm Văn Đồng viết: "Hồ Chí Minh bắt đầu lớn lên ở một cái nôi của phong trào yêu nước, tiếp thu giáo dục của gia đình, ảnh hưởng của quê hương, bằng sự học tập của bản thân, sự gần gũi quần chúng lao động và những tác động của phong trào chống Pháp năm 1908, bắt đầu hoạt động cách mạng"[2].

Tháng 6/1909, Nguyễn Tất Thành rời Huế đến Bình Định[3], rồi đến Phan Thiết, cuối cùng là Sài Gòn - Gia

---

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 12.

2 Phạm Văn Đồng (1998), *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 12.

3 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), Sđd, tập 1 (1890 - 1929), tr. 31.

Định. Trên cuộc hành trình "Nam tiến", một cảnh tượng khiến Người rất căm giận là việc bọn quan Pháp không đếm xỉa đến tính mạng con người, còn tỏ ra thích thú khi ra lệnh cho công nhân cảng Phan Rang lặn xuống cứu tàu khỏi một cơn bão mạnh ập tới. Như vậy là, không chỉ ở Bắc Kỳ qua những lần được theo chân cha đến, ở Trung Kỳ qua "sự kiện Cửa Rào", "sự kiện chống thuế", mà ở đâu đâu trên đất nước mình, Nguyễn Tất Thành cũng thấy người dân lầm than cực khổ, bị bọn Pháp đối xử tàn tệ, dã man. Giáo sư người Nhật - Furuta Motoo có lý khi nhận định rằng: Nhờ những chuyến đi này, Hồ Chí Minh đã có khái niệm cụ thể về Tổ quốc Việt Nam, hiểu thế nào là nỗi nhục của người dân mất nước, và chính vì vậy, mà sau này, ngay cả khi đã nghiên cứu, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, "Hồ Chí Minh vẫn trước sau như một, quyết tâm tìm cho bằng được "nền độc lập cho Việt Nam"[1].

Tư tưởng yêu nước, thương dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn được bắt nguồn, bồi dưỡng từ những truyền thống quý báu của dân tộc: truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết, nhân văn, nhân ái v.v.. Lớn lên trong cảnh đất nước bị thực dân đô hộ, chính thể quốc gia bị chà đạp, quyền của mỗi người dân bị coi thường, những người Việt Nam có lương tri không thể làm ngơ.

---

1 Furuta Motoo (1997), *Hồ Chí Minh Giải phóng dân tộc và đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 50.

Sự kiện Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh ra nước ngoài vào ngày 5/6/1911, chính là chịu ảnh hưởng và sự thôi thúc của truyền thống đấu tranh vì độc lập dân tộc, và tình yêu quê hương đất nước.

2. Hình thành chí hướng cứu nước

Năm 1923, giới thiệu với Ôxíp Manđenxtam, Nguyễn Ái Quốc nói rằng: "Tôi sinh ra trong một gia đình nhà nho An Nam… Thanh niên trong những gia đình ấy thường học Khổng giáo"[1]. Trong bản tự khai lý lịch dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, năm 1935, Người cũng viết: - Thành phần gia đình: Nhà nho; - Trình độ văn hóa: Tự học. Nói lên điều này để thấy rằng, việc lý giải sâu sắc nguồn gốc xuất thân của Người là rất quan trọng, cần được xem xét trước hết khi nghiên cứu sự hình thành chí hướng cứu nước ở thuở thiếu niên của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chúng ta biết rằng, vấn đề dòng dõi - tức gia thế trong gia đình nhà nho - là một mặt quan trọng về nguồn gốc xuất thân, và khi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh giới thiệu xuất thân từ một "gia đình nhà nho" Việt Nam, thì cũng đồng thời nêu lên cả gia thế với nền nho học mà Người được thừa kế, và như ta được biết, là thuộc dòng dõi *chân nho*. Từ ông ngoại của Người - cụ tú Hoàng Đường - là một nhà nho thanh bạch, dạy học tại gia, đến thân phụ nổi tiếng là bậc túc nho, hơn nữa lại "là người

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 461.

trước sau như một ủng hộ phái nho giáo yêu nước"[1]. Sau này, cụ Sắc còn gửi Nguyễn Tất Thành đến học với những thầy giáo nho học, giàu lòng yêu nước như thầy Vương Thúc Quý. Những điều liên quan trực tiếp này, đặc biệt từ ảnh hưởng, định hướng giáo dục của người cha, có vai trò và tác động rất lớn đến sự hình thành tư tưởng, chí hướng cứu nước của Người thời niên thiếu. Cụ Đào Phan có lý khi viết rằng: "Tầm uyên bác của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo nho và chữ Hán được biểu thị qua "Ngục trung nhật ký", ắt chỉ có một xuất xứ là nền giáo dục ngay trong "gia đình nhà nho" mang sự "xuất thân nhà nho" của Người"[2]. Không chỉ có vậy, Người còn được hấp thụ một biến thể độc đáo của Nho giáo khi vào Việt Nam, đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của truyền thống và lý tưởng yêu nước của dân tộc ta. Chính vì thế, đạo Khổng - Mạnh ở nước ta đã được bổ sung thêm nhiều yếu tố "phù hợp với những nhu cầu của công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam và cải biến nó thành một học thuyết mang tinh thần dân tộc yêu nước"[3] - một Nho giáo được chắt lọc và thấm đượm chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

---

1 E. Côbêlép (2010), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr. 21.

2 Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1990), *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 253.

3 E. Côbêlép (2010), Sđd, tr. 20.

Mặt khác, các nhà lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng: "Lịch sử của cá nhân hoàn toàn không thể tách rời mà là bị quy định bởi lịch sử của các cá nhân tiền bối hoặc cùng thời với họ"[1]. Nguyễn Tất Thành thông qua những lần được cha cho theo cùng (khi đàm luận với các sĩ phu, hoặc được cha gửi đến những thầy dạy học) mà quen biết, và "bị quy định" bởi tư tưởng, nhân cách của các sĩ phu, các thầy giáo của mình. Mức độ quan hệ, ảnh hưởng của "các bậc tiền bối và cùng thời" đến Nguyễn Tất Thành như thế nào thì cho đến hiện nay vẫn được coi là đề tài khó trong nghiên cứu về Người. Qua các tài liệu tin cậy, có thể thấy rằng, ngoài người cha, thì gương yêu nước nhiệt thành của cụ Phan Bội Châu và những lời giảng giải về đạo lý của thầy Vương Thúc Quý gây một ấn tượng sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh thời niên thiếu.

Vào những năm đầu thế kỷ XX, trong khi Nguyễn Tất Thành mới hơn 10 tuổi, thì cả Phan Bội Châu và Vương Thúc Quý, với sự thông minh, hay chữ và những hoạt động yêu nước của mình đã nổi tiếng và đang có "sức thu hút mạnh mẽ, có ảnh hưởng sâu sắc" đối với lớp thanh niên trong vùng[2]. *Với cụ Phan Bội Châu*, từ nhỏ đã nổi tiếng giỏi chữ Nho, nhưng cũng như cụ Sắc, cụ học không phải ra làm quan, vì theo cụ: "Lập thân tối hạ thị văn chương". Tư tưởng này, như cụ Phan xác nhận: Nguyễn Tất Thành hồi

---

1 Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), Sđd, tr. 129 - 130.

2 Đinh Xuân Lâm (2008), *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 138 - 139.

mới lên mười đã được nghe từ cụ[1]. *Với thầy Vương Thúc Quý*, là người mang nặng thù nhà, nợ nước, và không hề ngần ngại dạy cho học trò, trong đó có Nguyễn Tất Thành "tư tưởng yêu nước thương dân và chí làm trai phải giúp ích cho đời"[2]. Hơn thế nữa, với một "thiên tư" sớm bộc lộ, cộng điều kiện thân quen với cụ Sắc, thì ngay ở tuổi niên thiếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh hẳn đã được các bậc cha chú có tư tưởng cấp tiến chú ý bồi dưỡng. Điển hình là cụ Phan, vì không phải ngẫu nhiên là ngay khi cụ chủ trương "kén chọn những hạng nhân tài đương tuổi thanh niên, thông minh hiếu học nhẫn khổ nại lao, kiên quyết bất biến…"[3] cho phong trào Đông du (1905 - 1909), thì cụ đã nghĩ ngay đến cậu Thành. Trong câu chuyện trên, dường như chính cụ Phan cũng đã hàm ý nói lên điều này, vì nó được kể lại trong cuốn tự truyện *Phan Bội Châu niên biểu* - tác phẩm được cụ hoàn thành (bằng chữ Hán) năm 1929[4], thời điểm mà Nguyễn Tất Thành đã là người cộng sản Nguyễn Ái Quốc và tư tưởng của Phan Bội Châu đang có sự chuyển biến "sẵn sàng nghe theo những lời góp ý của Người"[5]. Tuy nhiên, để trở thành Nguyễn Ái Quốc - người tìm đường,

---

1 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An (2008), *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 41.

2 Song Thành - Chủ biên (2006), Sđd, tr. 25.

3 Viện Sử học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1999), *Lịch sử Việt Nam 1897 - 1918*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 120.

4 Chương Thâu - Sưu tầm và biên soạn (1990), *Phan Bội Châu Toàn tập*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, tập 6, tr. 20.

5 Đinh Xuân Lâm (2008), Sđd, tr. 15.

dẫn lối cho cách mạng Việt Nam, thì sự tiếp xúc ngay khi còn là cậu bé "mới lên mười" với những sĩ phu, thầy giáo yêu nước như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý là một vinh dự, may mắn, bởi từ tư tưởng, nhân cách của hai cụ nói riêng đã "tác động đến tình cảm và suy nghĩ của Người về vận mệnh của dân tộc, mặc dù đây chỉ là mầm mống"[1].

Như vậy, từ việc xuất thân trong "một gia đình nhà nho", đến những ảnh hưởng từ mối quan hệ với các sĩ phu, thầy giáo, thì lúc này *chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành đã có những mầm mống quan trọng*: Chứa đựng trong đó cả sự hấp thu, hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân sâu sắc, cả tư tưởng lập thân không bằng con đường văn chương cử nghiệp. Điều này, đưa đến những nhận định về Người, như GS Trần Văn Giàu viết: "… cho ta một ánh sáng cắt nghĩa vì sao Nguyễn không tiếp tục trường Quốc học... Nguyễn bỏ học lần này cũng gần giống như Nguyễn học Nho mà không nhằm thi Nho, ở đây, nguyên nhân cũng là nguyên nhân chính trị, tư tưởng… liên quan với câu thơ mà Phan Bội Châu đã ngâm: "Lập thân tối hạ thị văn chương""[2].

Năm 1905 đánh dấu một mốc quan trọng trong cuộc đời, cũng như sự hình thành chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành.

---

1 Đức Vượng (1993), Sdd, tr. 36.

2 Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 46.

Thời kỳ này phong trào yêu nước phát triển mạnh trong cả nước với nhiều khuynh hướng khác nhau. Với cụ Sắc, từ khi đỗ Phó bảng đến năm 1905, cụ đi nhiều, thăm dò, đàm luận, đắn đo, nhưng "không nghiêng hẳn về một xu hướng nào, cái chính là ông chưa tin rằng những con đường đó có thể đưa đến thành công"[1], kể cả phong trào Đông du của cụ Phan Bội Châu. Việc cụ ra làm quan sau 5 năm lần lữa, hay lời cụ nhắn nhủ với Nguyễn Tài Tốn đậu Cử nhân năm Bính Ngọ (1906): "Bọn ta từ chốn trường thi mà làm nên danh vọng, thế nhưng bây giờ chỉ ngồi bàn thứ tự cao thấp mà thôi. Các bậc đời trước lấy bút mạnh văn hùng thức tỉnh đời, ví bằng có sống lại cũng khó làm nổi việc canh tân"[2] đã phần nào nói lên sự giày vò tâm can của cụ lúc này.

Không chỉ suy ngẫm, tìm tòi hướng đi cho bản thân, người cha Nguyễn Sinh Sắc còn tìm con đường đi cho cả những người con của mình. Sau những băn khoăn "đứng giữa ngã ba đường", lại giữa buổi giao thời giữa Nho học và tân học, cụ đã tỉnh táo và nhạy cảm quyết định cho hai người con trai đi học ở trường Tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh vào tháng 9/1905. Đây là loại trường do Pháp mở chắc chắn không nằm ngoài mục đích: "Làm cho dân ngu để dễ trị". Để đào tạo ra đội ngũ những người phục vụ cho chính quyền thực dân thì trong chương trình học này, chúng đã đặt nặng học về tiếng

1 Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), Sđd, tr. 135.

2 Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Nghệ An (2008), Sđd, tr. 46 - 47.

Pháp, chỉ còn một ít giờ học chữ Hán. Chính vì điều này, mà "phần đông các nhà Nho" do tư tưởng coi chữ Pháp là "chữ của giặc"[1] nên đã không cho con cháu mình vào học loại trường này. Cần phải nói thêm rằng, lúc này, việc bàn luận nên học chữ nào gắn rất chặt với việc đi theo con đường nào, làm cách nào để đánh Pháp. Cụ Sắc sau đó còn tiếp tục cho con mình vào học tại trường Pháp - Việt Đông Ba, rồi trường Quốc học Huế trong thời gian cụ làm quan Thừa biện ở Bộ Lễ. Quyết định này của cụ Sắc liệu có mâu thuẫn với tư tưởng và sự định hướng cho con trước đó: Lập thân không bằng con đường văn chương cử nghiệp? Hay vì danh lợi, cụ muốn tìm cho con một chỗ đứng trong chính quyền "bảo hộ" của Pháp? Điều này chắc chắn là không. Mục đích cho con vào học trường Pháp - bản xứ, chính là xuất phát từ tư tưởng của ông nghè Nguyễn Quý Song đã nói với cụ: "Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp"[2]. Nhận xét về điều này, GS người Nhật Bản Furuta Motoo viết: "Hồ Chí Minh là sản phẩm của thời kỳ đầu khi các nhà nho yêu nước Việt Nam muốn tiếp thu nền giáo dục kiểu Pháp cho con cháu mình"[3].

Nhờ tư tưởng và quyết định của người cha mà Nguyễn Tất Thành đã có gần 4 năm học liên tiếp trong loại trường Pháp - bản xứ. Điều đó, góp phần quan trọng

---

1 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An (2008), Sđd, tr. 53.

2 Song Thành - Chủ biên (2006), Sđd, tr. 30.

3 Furuta Motoo (2011), Sđd, tr. 51.

đối với sự hình thành tư tưởng, chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành. Nếu như khi vào học trường Pháp - bản xứ ở Vinh, Người đã bị hấp dẫn khi nghe ba chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái của Đại cách mạng Pháp năm 1789 và "rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy"[1], thì thời gian học tập ở Huế tiếp ngay sau đó là điều kiện rất tốt cho Người tìm hiểu về "nền văn minh Pháp".

Một mặt, từ trên ghế nhà trường, Nguyễn Tất Thành đã được học và "say mê tìm hiểu một cách toàn diện cuộc cách mạng vô sản Pháp (1789)"[2]. Ngoài ra, Người còn tìm hiểu nước Pháp qua sách báo Pháp từ những người lính lê dương. Những điều này giúp Nguyễn Tất Thành cảm nhận được nước Pháp có một nền văn minh rực rỡ, và hiểu hơn về lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đặc biệt, Người đã biết tới tư tưởng của Rútxô (J. J Rousseau) và Môngtexkiơ (C. L Montesquieu) - các triết gia Pháp của thế kỷ Ánh sáng. Theo PGS.TS Đức Vượng, lúc này, Người biết tới cách mạng Pháp cùng Môngtexkiơ và Rútxô là qua khâu gián tiếp, thông qua sự giảng dạy của các thầy giáo trong cuốn giáo khoa do M. Xia (M.Sihard) biên soạn năm 1905[3].

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 461.

2 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An (2008), Sđd, tr. 88.

3 Đức Vượng (1993), Sđd, tr. 24.

Mặt khác, từ nhà trường và trong thực tiễn - qua việc chống đối của Nguyễn Tất Thành khi đang ngồi trên ghế nhà trường Pháp - Việt Đông Ba, hay qua sự trái ngược giữa lời rao giảng và việc làm của chính những tên thực dân - thầy giáo trong trường - đã cho Người có cái nhìn khác về thời cuộc, về mặt trái của Tự do, Bình đẳng, Bác ái mà những kẻ thực dân đang "áp dụng" trên đất nước của mình. Điều đó càng khiến Nguyễn Tất Thành đau xót, băn khoăn, day dứt về vận mệnh đất nước.

Bên cạnh đó, bằng thực tế thấy được thái độ ươn hèn của bọn phong kiến Nam triều, cũng như qua tinh thần phê phán chế độ phong kiến trong các tác phẩm của các nhà khai sáng Pháp mà Nguyễn Tất Thành tiếp cận được, càng khiến ý thức chống phong kiến, phủ nhận vua, vốn đã nhú mầm ở Người được phát triển. Trước đây khi đánh giá về điều này, một số nhà nghiên cứu cho rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước đã *không chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản*. Nhận xét như vậy, không những không đúng với thực tế lịch sử, mà còn không phản ánh đúng lôgích sự phát triển trong nhận thức tư tưởng của Người. Tư tưởng dân chủ tư sản ngoài tính chất giai cấp và mặt trái của nó, còn có những giá trị nhân bản toàn nhân loại. Chúng ta đã thấy, năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước là do sức hấp dẫn của những từ *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*. Năm 1918,

một lý do quan trọng khiến Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp cũng là do Đảng này theo đuổi những lý tưởng cao cả trên đây. Không có gì là hạ thấp chủ nghĩa Mác khi nói rằng, chủ nghĩa Mác có nguồn gốc từ khoa kinh tế chính trị Anh, triết học cổ điển Đức và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp. Tương tự như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là kết tinh của những tri thức, tư tưởng không chỉ của dân tộc, mà của cả nhân loại, trong đó có những tinh hoa của tư tưởng dân chủ tư sản. Tại Hội thảo khoa học "Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh" diễn ra ở Huế (tháng 5/1993), đồng chí Nguyễn Khoa Điềm trong tham luận của mình cũng nhiều lần khẳng định: *Ý thức dân chủ* xuất hiện trong con người Hồ Chí Minh những ngày ở Huế, ở Phan Thiết, ở Sài Gòn, mới là điều đáng kể để Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn toàn khác biệt với những người đương thời, cả trong quyết định của Người đi về phương Tây. Chính trên "đôi cánh của *chủ nghĩa yêu nước* và *tinh thần dân chủ* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với châu Âu, để rồi đến với Lênin và đến với chủ nghĩa xã hội"[1]. PGS. TS. Đức Vượng cũng nhận xét rằng: "… sức hấp dẫn trong buổi bình minh đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành, không phải là lá cờ của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, cũng không

1 Xem (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 3, tr. 20 - 21.

phải là lá cờ cải lương tư sản của Trung Hoa hồi cuối thế kỷ XIX, mà chính là lá cờ cách mạng dân chủ tư sản ở phương Tây"[1].

Một yếu tố khác góp phần hình thành chí hướng cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ở Huế là những thầy giáo yêu nước người Việt, tiêu biểu là thầy Lê Văn Miến ở trường Quốc học. Nếu như ở "độ 13 tuổi", Nguyễn Tất Thành thấy "người da trắng nào cũng là người Pháp"[2], thì những câu chuyện mới lạ, hấp dẫn ở bên Pháp qua lời kể của thầy Miến, đã thực sự kích thích lòng ham hiểu biết của học trò, trong đó có Nguyễn Tất Thành. Bạn học cùng Người sau này nhận xét: "Việc dạy dỗ của thầy là một yếu tố quan trọng trong việc hình thành tư tưởng sang Tây chứ không phải sang Đông của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời trẻ"[3]. Điều này, cũng đúng như trong báo cáo gửi Toàn quyền Đông Dương (ngày 1/3/1899) của Thống sứ Bắc Kỳ: "Thật không thể nào để cho người An Nam được học lịch sử và đọc sách của chúng ta mà lại không gây cho họ lòng yêu nước, yêu tự do… Kinh nghiệm của các dân tộc châu Âu khác đã chỉ rõ rằng việc truyền bá một nền học vấn đầy đủ cho người bản xứ là hết sức dại dột"[4].

---

1 Đức Vượng (1993), Sdd, tr. 23.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 1, tr. 461.

3 Trần Văn Giàu - Chủ biên (2009), Sdd, tr. 54.

4 Viện Sử học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1999), Sdd, tr. 25.

Quá trình hình thành tư tưởng, chí hướng cứu nước của Nguyễn Tất Thành còn là do kết quả của một quá trình tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt phải kể đến vấn đề tự ý thức và sự vận động của bản thân. Những năm cuối thập niên đầu tiên của thế kỷ XX được coi là thời kỳ đen tối nhất của phong trào cứu nước khi đó. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, vụ Hà Thành đầu độc bị thất bại, cuộc biểu tình chống thuế ở Huế và các tỉnh miền Trung bị dìm trong bể máu, căn cứ nghĩa quân Yên Thế bị bao vây và đánh phá, phong trào Đông du tan rã, Phan Bội Châu và các đồng chí của cụ bị trục xuất khỏi nước Nhật, các lãnh tụ của phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ, người bị lên máy chém, người bị đày ra Côn Đảo, nước Việt Nam - cái danh nghĩa còn xót lại trong Hòa ước 1884 cũng mất, vị vua yêu nước Thành Thái bị phế truất. Những biến đổi lớn lao trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước ở thời điểm này đã tác động sâu sắc đến Nguyễn Tất Thành. Chính tên Chánh Sở Mật thám Đông Dương là Louis Arrnuox sau này đã viết: "Cuộc đời này (ám chỉ Nguyễn Tất Thành) đã bắt đầu trong một bầu không khí bất công, bực dọc và tức giận, căm thù đối với nước Pháp"[1]. Quan trọng hơn là, qua những điều mắt thấy, tai nghe đã giúp Nguyễn Tất Thành có điều kiện nhìn nhận, rút ra những bài học kinh nghiệm và đi đến lựa chọn con đường cứu nước

1 Jean Lacuoture (1967), *Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Senli, Paris (Bản dịch lưu tại Viện Hồ Chí Minh, ký hiệu HC - 17, 238 trang), tr. 11.

riêng của mình. Người khâm phục lòng ái quốc của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám… nhưng không tán thành hoàn toàn cách làm của một người nào. Từ trước đến nay, nhiều nhà nghiên cứu phân tích quyết định đó của Nguyễn Tất Thành là do đã "có cách nhìn vượt lên hẳn tầm nhìn của các sĩ phu"[1], thậm chí, có người cho rằng chủ nghĩa yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này "về thực chất thì khác với chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu lớp trước, khác về quan điểm, lập trường"[2]. Có thể thấy, quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước năm 1911 của Nguyễn Tất Thành không phải là hành động ngẫu nhiên, tự phát, mà là sự lựa chọn vượt lên tư duy "lối mòn" của nhiều người Việt Nam khi đó đang tìm đến phương Đông. Song, cần nói thêm rằng, khi đó, cả Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành đều đang "đi theo con đường của phương Tây", như lời V.I.Lênin nói về phong trào "châu Á thức tỉnh": Nguyễn Tất Thành bị hấp dẫn bởi những khẩu hiệu tự do, dân chủ tư sản, cụ Phan Bội Châu hướng sang Nhật Bản - đất nước đang nổi lên nhờ công cuộc duy tân, và cụ Phan Châu Trinh cũng chủ trương dựa vào Pháp để vận động cải cách. Nhưng điều khác biệt thể hiện tầm nhìn hơn hẳn của Nguyễn Tất Thành so với hai chí sĩ họ Phan chính là vì: Người không những nhìn thấy những

---

1 Xem (1982), *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 8.

2 Đinh Xuân Lâm (2008), Sđd, tr. 57.

bất ổn trong phương châm cứu nước của cụ Phan Châu Trinh là "yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương", của cụ Phan Bội Châu là "hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp"[1], mà quan trọng hơn là ngay từ rất sớm, Người đã thấy được tiềm ẩn sâu xa của tư tưởng dân chủ nằm sau những từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái, và muốn hiểu được "ba chữ" hấp dẫn đó, Người cho rằng cần phải đến tận quê hương của nó là nước Pháp để tìm hiểu. Còn đối với Phan Châu Trinh, nhất là Phan Bội Châu phải trải qua một con đường nhọc nhằn trong sự phát triển tư tưởng từ quân chủ (trước 1904), đến quân chủ lập hiến (năm 1906), và phải đến năm 1912, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc mới chuyển sang lập trường cộng hòa (trong khi vẫn tiếp tục sử dụng vai trò của "minh chủ" Cường Để). Như vậy, việc xuất dương sang phương Đông hay phương Tây, cũng như việc ngay từ đầu Nguyễn Tất Thành đã "bỏ qua" tư tưởng phong kiến để tìm hiểu ngay những tư tưởng của nền cộng hòa tư sản tiêu biểu nhất, có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình tìm đường cứu nước của Người. Song nói rộng ra, theo tác giả, đó cũng chưa phải là tất cả, vì vào thời điểm này ở Việt Nam, cũng không ít người bị hấp dẫn bởi nền cộng hòa Pháp quốc và cũng đã sang Pháp, mà Phan Châu Trinh là tiêu biểu (dù cụ sang Pháp - cũng trong năm 1911 như Nguyễn Tất Thành - trong thế "bị

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 13.

động", để rồi 14 năm sau, cụ trở về nước vẫn với hành trang tư tưởng về nền cộng hòa Pháp quốc cơ bản không khác gì lúc ra đi). Cho nên, sự "vượt lên hẳn" của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những đại biểu khác của phong trào "Châu Á thức tỉnh" ở Việt Nam còn ở chỗ: Người không chỉ là đại biểu xuất sắc nhất của phong trào này, mà, đây là điều quan trọng nhất, Người không dừng lại trong khuôn khổ phong trào đó, mà đi từ nó để vượt qua nó, đạt tới một sự thức tỉnh mới cao hơn về chất dưới ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga. Đến đây có thể thấy rằng, khi Nguyễn Tất Thành quyết định *Tây du* (chứ không *Đông du* hay *Bắc du*) năm 1911, thì Người chỉ không tán thành phương pháp cứu nước của các bậc tiền bối. Vậy nên, chủ nghĩa yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này tuy có khác ít nhiều so với các bậc tiền bối, nhưng chưa thể nhận định là "khác cả về quan điểm và lập trường", và "mang dấu ấn sâu sắc của tính giai cấp, tính nhân dân và tính nhân đạo" hơn nhiều người khác, mà "đây - như lời nhận xét của GS Đặng Xuân Kỳ - là *sự khước từ* cái sai để đi tìm cái đúng,... là *sự từ bỏ* cái lạc hậu lỗi thời để đi tìm cái tiên tiến, phù hợp với thời đại mới,… là *sự vượt qua* những lối mòn cũ kỹ để đi tìm cho được con đường mà dân tộc cần đi"[1].

---

1 Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1985), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng Tháng Mười*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 7.

Tóm lại, chí hướng cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này đã hướng "sang nước Pháp và các nước khác", nhưng không phải "yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương" hay để cầu viện, mà để "xem xét họ làm như thế nào" rồi "trở về giúp đồng bào chúng ta"[1]. Lịch sử đã chứng minh đây là quyết định đúng đắn và phù hợp với thời đại của Người.

* * *

Tư tưởng yêu nước, thương dân và chí hướng cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh được hình thành trong thời kỳ từ 1890 đến 1911 là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố.

Trước hết, Người xuất thân từ một gia đình trí thức phong kiến có truyền thống yêu nước, trọng nghĩa. Thân phụ Người - cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - tuy làm quan trong triều, nhưng có thái độ đối nghịch với chế độ thực dân phong kiến. Tư tưởng, tấm gương yêu nước thương dân và sự định hướng trong việc giáo dục các con của người cha đã ảnh hưởng sâu sắc đối với sự hình thành nhân cách, cũng như chí hướng cứu nước của Người.

Hai là, Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trên quê hương Nghệ - Tĩnh - vốn là mảnh đất giàu truyền thống yêu

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 13.

nước, chống áp bức xâm lược. Từ rất sớm, Người được đắm mình trong một khí thế hào hùng xen lẫn bi hùng của phong trào yêu nước ngay trên quê hương. Ngoài ra, Người còn có thời gian sống, học tập tại Huế. Tại đây, Người đã thấu hiểu ý nghĩa thực tế của câu chuyện cha mình thường bình giải "Quan trường thị nô lệ, trung chi nô lệ, hựu nô lệ". Những điều này, kết hợp với việc chứng kiến cuộc sống cùng cực của người dân mất nước dù họ ở xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ "bảo hộ", hay Nam Kỳ "thuộc địa" đã góp phần thôi thúc Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

Ba là, sự hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân và chí hướng cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ này, còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng, nhân cách và cả chủ ý vun đắp, bồi dưỡng từ các bậc sĩ phu, thầy giáo nhà nho đương thời mà Người được tiếp cận. Bên cạnh đó, từ những trải nghiệm cuộc sống, Người đã sớm phát hiện ra mâu thuẫn giữa chế độ đàn áp bóc lột dã man của bọn thực dân ở Việt Nam với lý tưởng cao đẹp của nước Pháp - đất nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến, và cũng là quê hương của lý tưởng cao đẹp và hấp dẫn mọi con người: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Chính những nhận thức về bối cảnh đất nước, về nước Pháp, đã thúc đẩy Nguyễn Tất Thành sang Pháp và các nước khác để khảo sát, học hỏi, và để biết những gì ẩn giấu ở "nước Mẹ" xa xôi, rồi trở về giúp đồng bào.

Bốn là, trong quá trình xác định con đường cứu nước, chỉ với lòng căm thù giặc và quyết tâm thì chưa đủ, mà còn phải lý giải được nguyên nhân thất bại của các bậc tiền bối, hiểu được điều kiện chủ quan và khách quan của bối cảnh lịch sử, trên cơ sở đó mà vạch ra hướng đi của con đường cũng như những yếu tố đảm bảo thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh lớn lên trong bối cảnh mà các phong trào yêu nước do cha ông khởi xướng nổ ra khắp nơi, song, Người cũng sớm nhận ra những hạn chế và không tán thành cách làm của một người nào. Ngày 5/6/1911, Người quyết định sang phương Tây. Đây không phải là hành động ngẫu nhiên, tự phát mà là sự lựa chọn, trăn trở; một quyết tâm lớn, nhằm đáp ứng đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Điều này cũng cho thấy ý nghĩa quyết định của "nhân tố chủ quan" - nhân cách, phẩm chất của Chủ tịch Hồ Chí Minh: có hoài bão, có lý tưởng yêu nước, thương dân sâu sắc, có bản lĩnh kiên định, thông minh, nhạy bén với cái mới,… - đến sự hình thành tư tưởng của Người.

IV. THỜI KỲ NGHIÊN CỨU, KHẢO SÁT THỰC TIỄN, ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TRỞ THÀNH NGƯỜI CỘNG SẢN

1. Khảo sát, nghiên cứu thực tiễn

Muốn tìm được con đường cứu nước, trước hết phải hiểu thật đúng, thật đầy đủ về những kẻ đang cướp nước mình. Muốn đánh đổ được chủ nghĩa thực dân để giải

phóng cho đồng bào, trước hết phải hiểu cho được cái gốc rễ, bản chất của chủ nghĩa thực dân ngay trên mảnh đất đã sinh ra nó. Nhận xét về quyết định sang Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, GS Nguyễn Khánh Toàn viết: "Điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức được và nó dẫn Người đi đúng hướng là: Nguồn gốc những đau khổ và áp bức dân tộc là ở ngay tại "chính quốc", ở nước đế quốc thống trị dân tộc mình"[1].

Ngày 5/6/1911, tàu Amiran Latusơ Tơrêvin (Amiral Latouche Tréville) rời bến cảng Sài Gòn mang theo người thanh niên 21 tuổi - Nguyễn Tất Thành - với khát vọng cháy bỏng là tìm ra con đường cứu nước, cứu dân khỏi ách thống trị thực dân phong kiến. Người không đi bằng con đường vương giả hay bằng sự trợ giúp từ bên ngoài, cũng không ra đi bằng con đường bác học. Do động cơ, mục đích đã rõ ràng, do hướng đi đã xác định, Người quyết định ra đi bằng con đường của chính mình, là "làm bất cứ việc gì để sống và để đi"[2].

Trên hành trình từ Sài Gòn đến Pháp, tàu Amiran Latusơ Tơrêvin đã dừng chân ở ba hải cảng của ba nước, nhưng đều là thuộc địa của thực dân Anh: cảng Singapore, cảng Côlôngbô của Xâylan (Ceylan) và cảng Saít (Sa'id) của Ai Cập. Ngày 6/7/1911, tàu cập cảng Mácxây (Marseille),

---

1 Xem (1982), *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 14.

2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 14.

một hải cảng quan trọng của nước Pháp, sau đó tàu dừng lại ở Lơ Havơ (Le Havre) để sửa chữa. Nguyễn Tất Thành kiếm sống bằng nghề làm vườn ở thị trấn Saint Adresse và tranh thủ học tiếng Pháp. Từ tháng 7 đến tháng 12/1911, Người theo hành trình của tàu đặt chân đến nhiều địa phương trên đất Pháp. Đây là điều kiện giúp Người nhận thức rõ hơn về nước Pháp, từ cuộc sống của người dân, đến những tiến bộ của khoa học kỹ thuật.

Trong thời gian ở Pháp, ngày 15/9/1911, từ Mácxây, với mục đích viết trong đơn là "trở thành có ích cho đồng bào tôi, muốn cho họ được hưởng những lợi ích của học thức"[1], Nguyễn Tất Thành đã viết đơn gửi Tổng thống Pháp để xin vào trường Thuộc địa làm học sinh nội trú. Nhưng từ khi lá đơn này được công bố lần đầu (năm 1983) cho đến nay, đã có không ít nhà nghiên cứu ở nước ngoài căn cứ vào đó để giải thích một cách phiến diện, thiếu khách quan nhằm phủ định mục đích, công lao tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tháng 10/1911, Nguyễn Tất Thành nhận được thư trả lời từ chối những yêu cầu đề ra trong đơn.

Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Sácgiơ Rêuyni (Chargeurs Réunis) đi vòng quanh bờ biển châu Phi. Giải thích về việc tại sao Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc ấy không dừng ở Pháp, để vừa làm ăn, sinh sống, vừa hoạt động,

1 Song Thành - Chủ biên (2006), Sđd, tr. 46.

GS Đặng Xuân Kỳ viết: Đây không phải vì sinh kế, cũng không phải vì sự hăng say của tuổi trẻ muốn phiêu lưu đây đó. Đây chính là sự đòi hỏi của nhận thức "đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác", là khát vọng hiểu biết nhằm thực hiện cho được mục tiêu cao cả đã định: "Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta"[1]. Theo chuyến tàu này, Nguyễn Tất Thành có dịp dừng lại và hiểu biết thêm về một số nước đế quốc như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và nhiều thuộc địa khác ngoài Đông Dương như: Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênêgan, Rêuyniông v.v..

Nguyễn Tất Thành tiếp tục theo con tàu đi qua Mácticích (Trung Mỹ), Urugoay, Áchentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ vào cuối năm 1912. Tại đây, Người vừa đi làm thuê để kiếm sống, vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ. Người đến những khu phố hoa lệ nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà cao chọc trời, đến thăm tượng Nữ thần tự do và đến cả khu nhà ổ chuột ở Háclem để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen Mỹ. Năm 1966, khi tiếp một nhà báo Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại: "… Tôi đã đi ở cho người ta ở Brooklin với lương tháng 40 đô la … tôi làm việc không đến nỗi vất vả lắm và tôi dùng một số thời gian rảnh rỗi để học tập và đi thăm những khu khác trong

1 Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1985), Sdd, tr. 11.

thành phố"[1]. Ngoài ra, với việc ở khá lâu tại thành phố Boston, là nơi khởi đầu của cuộc Cách mạng Mỹ (1775 - 1783), Nguyễn Tất Thành có cơ hội tìm hiểu về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh và bản *Tuyên ngôn độc lập* nổi tiếng năm 1776. Ngoài ra, theo báo Caribê (Caribbean), tập IX, số 1 thì thời gian ở Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã dự đều đặn các cuộc họp của tổ chức UNIT (Universal Negro Improvement Trust - Hội tin tưởng cải thiện người da đen của thế giới) và hào hiệp góp tiền hưởng ứng lời kêu gọi về tài chính của Hội[2].

Khoảng đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Lơ Havơ, sau đó sang Anh. Tại nước Anh, Nguyễn Tất Thành đi làm công ở cảng Liverpool, quét tuyết cho một trường học, vét bùn ở đường tàu điện ngầm, đốt lò và phụ bếp ở một số khách sạn để kiếm sống và học tiếng Anh. Thời gian này cũng là lúc nổ ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), và dù là nước tham chiến, nhưng chiến tranh không diễn ra trên đất nước Anh. Qua thư liên lạc với Phan Châu Trinh (lúc này cụ đang ở Pháp), chúng ta thấy Người rất quan tâm đến thời cuộc, về cuộc chiến tranh, và nhận định: "không thể

---

1 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), Sđd, tr. 49.

2 Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng (2001), *Hồ Chí Minh chiến sĩ cách mạng quốc tế*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 58.

nói trước được ai sẽ là người thắng"[1]. Cũng tại nước Anh, Nguyễn Tất Thành đã hăng hái tham dự những cuộc diễn thuyết ngoài trời của các nhà chính trị và triết học, đã tiếp xúc với tổ chức chính trị *Hội những người lao động Trung Quốc ở hải ngoại*, tham gia hoạt động của Công đoàn Hải ngoại và cùng Công đoàn Anh biểu tình đòi tự do, đình công[2]. Người còn dành nhiều thời gian để tìm hiểu đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Anh và các dân tộc bị thực dân Anh thống trị như Trung Quốc, Ấn Độ, Sudăng (Sudan). Đặc biệt, Nguyễn Tất Thành quan tâm và tỏ thái độ ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ireland.

Như vậy, trong buổi đầu đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã đi qua và dừng lại ở nhiều quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi và Bắc Mỹ. Trong đó, nơi Người lưu lại, sống và làm việc nhiều hơn cả là Pháp, Anh, Mỹ. Thời gian này, Người không chỉ tìm hiểu, học tập mà còn tham gia các hoạt động thực tiễn trong phong trào đấu tranh của công nhân Anh, quan tâm đến tình hình quốc tế, dự đoán những chuyển biến sẽ xảy ra và chuẩn bị cho hành động mới.

Để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp, vào khoảng

---

1 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), Sđd, tr. 55.

2 Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng (2001), Sđd, tr. 61.

cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp[1]. Đến Pháp, nơi cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra, lại ở ngay Paris, trung tâm chính trị của nước Pháp, đã giúp Người có điều kiện nắm nhanh nhạy nhất mọi diễn biến ở trên nước Pháp và về mọi mối quan hệ quốc tế. Tại đây, Nguyễn Tất Thành vừa hoạt động chính trị, vừa phải kiếm sống một cách chật vật, khi thì làm thuê cho một hiệu ảnh, khi thì vẽ thuê cho một xưởng đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa. Đặc biệt, cùng thời gian Người đến Paris, do yêu cầu tập hợp trở lại những người Việt Nam đang sống ở Pháp vào một tổ chức mạnh hơn, thì *Hội những người Việt Nam yêu nước* ra đời, và nhanh chóng, Người trở thành linh hồn của phong trào Việt kiều yêu nước ở Pháp. Cần nói thêm rằng, ở Pháp trước đó đã có *Hội đồng bào thân ái* do Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường sáng lập, nhưng đến năm 1916, nghĩa là trước khi Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, thì Hội này tan rã. Vì thế, TS Thu Trang - tác giả cuốn "*Nguyễn Ái Quốc* tại Paris (1917 - 1923)" - đã có lý khi suy đoán: "Vì cần có người tin cậy để cáng đáng công việc…, hai vị họ Phan đã mời Nguyễn Tất Thành sang Paris để tiếp sức trong một phong trào đang lên"[2].

---

1 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), Sđd, tr. 54.

2 Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917 - 1923)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 55.

Qua thời gian theo dõi diễn biến chính trị xã hội ở Pháp và tích cực liên hệ với những người Pháp, người Việt tiến bộ, Nguyễn Tất Thành nhận thấy trong số nhiều đảng phái chính trị ở Pháp, thì Đảng Xã hội Pháp là đảng tiến bộ nhất. Do đó, đầu năm 1919, Người chính thức xin gia nhập Đảng này. Đứng trong đội ngũ những người vô sản Pháp, quan hệ và hoạt động của Nguyễn Tất Thành ngày càng mở rộng, không chỉ trong khuôn khổ các kỳ họp do Đảng Xã hội tổ chức, mà cả với các chính trị gia nổi tiếng của Pháp.

Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Ngày 18/6/1919, đại biểu các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị ở Vécxây. Thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc ký vào bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi tới Hội nghị Vécxây. Cũng trong thời gian này, do yêu cầu thực tiễn, Người đến với hoạt động báo chí nhằm tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Đầu năm 1919, V.I.Lênin và những người theo chủ nghĩa Mác ủng hộ lập trường của ông nhóm họp Đại hội ở Mátxcơva thành lập Quốc tế III - tức Quốc tế Cộng sản. Năm 1920, tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản đã thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do V.I.Lênin soạn thảo.

Từ bản *Luận cương* của V.I.Lênin được đọc trên báo *Nhân đạo,* Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản cho cách mạng Việt Nam. Niềm tin ấy là cơ sở tư tưởng để tại Đại hội Tua (Tours), tháng 12 - 1920, cùng với những người cách mạng chân chính của nước Pháp, Người bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế Cộng sản, sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và trong lịch sử cách mạng nước ta.

Như vậy, từ 1911 - 1920, với một nghị lực phi thường, bằng bản lĩnh, trí tuệ và tình yêu nước, thương dân sâu sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua ba đại dương, bốn châu lục: Á, Âu, Phi, Mỹ với gần 30 quốc gia. Người vừa học tập, vừa lao động, thâm nhập và hòa mình vào đời sống của những người lao động khắp thế giới, và cuối cùng, Người đến được với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản, lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn. Khi nhận định về giai đoạn này, trong nhiều công trình nghiên cứu đã cho rằng, đó là quá trình tư tưởng Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội. Sự khái quát đó là cần thiết và đúng đắn. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở khái quát đó (thực tế thì chúng ta đã dừng lại ở khái quát đó), thì khó nhận thức đầy đủ bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh, lại càng khó đánh giá quá trình giác ngộ xã hội chủ nghĩa của Người. Điều này sẽ

phần nào được làm sáng tỏ trong những trang sau của cuốn sách. Ở đây, tác giả muốn nhấn mạnh thêm đến ý nghĩa của việc khảo sát thực tiễn thế giới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt ở bước ngoặt đến với *Luận cương* của V.I.Lênin. Như chúng ta biết, vào thời điểm đó, có không ít nhà yêu nước Việt Nam đang bôn ba nước ngoài, kể cả ở Pháp, nhưng lại không bắt gặp được tia sáng kỳ diệu phát ra từ bản *Luận cương* của V.I.Lênin và về sau cũng không gắn mình vào trào lưu vô sản đó, thậm chí có người còn phản bội lại nó. Điều đó phụ thuộc vào phẩm chất, điều kiện cá nhân của từng người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến và tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin bằng con đường riêng của mình. Rời Tổ quốc ra đi, Người nung nấu trong lòng một ý chí cứu nước và sẵn sàng làm mọi việc nhằm tạo phương tiện sinh sống để thực hiện hoài bão của mình. Qua gần mười năm "vô sản hóa" trên địa bàn rộng lớn, đã tạo cho Người một tình cảm vô sản thực sự, một tầm nhìn rộng lớn về tình hình quốc tế, một ý thức về sự đoàn kết quốc tế, và trong hành động, Người bước đầu đã thực hiện tư tưởng này. Đó là những yếu tố bên trong, biến đổi sâu sắc con người Hồ Chí Minh. Đồng thời, nó là cơ sở để Người nhanh chóng nhận biết được tư tưởng vĩ đại của V.I.Lênin đối với sự nghiệp cứu nước của dân tộc mình, và từ đó tiếp thu đầy đủ chủ nghĩa Mác - Lênin. Hơn nữa, cũng chính là bằng lao động và đấu tranh, bằng hoạt động cách mạng

thực tiễn, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh không những tiếp nhận được chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn đứng vững trên lập trường tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà xuất phát từ thực tiễn, yêu cầu của cách mạng, Người còn đề xuất nhiều luận điểm thể hiện sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Đến với ý thức hệ vô sản

Một sự độc đáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi xuất dương là không bị ràng buộc bởi người khác. Cụ Phan Châu Trinh sang Pháp nhờ vào Hội Nhân quyền Pháp. Cụ Phan Bội Châu sang Nhật nhờ vào lòng "hằng tâm hằng sản" của nhiều người. Còn Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh ra đi bằng chính sức lao động của mình, và bằng con đường này - con đường "vô sản hóa", Người đã đặt chân lên hầu khắp các lục địa - điều mà chưa một nhà cách mạng nào cho đến lúc bấy giờ làm được. C. Mác, V.I.Lênin dù có đi nhiều nơi, nhưng cũng chưa đến phương Đông. Chủ tịch Mao Trạch Đông chỉ có một lần duy nhất đi ra nước ngoài là đến Liên Xô năm 1957 để dự Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân các nước họp ở Mátxcơva. Có thể nói, vào đầu thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm cuộc khảo sát có một không hai về chủ nghĩa thực dân, về các chính quốc và thuộc địa. Điều đó, không những giúp cho Người có được vốn kiến thức thực tế sâu rộng, tích lũy và làm giàu trí tuệ qua kho tàng văn hóa tiến bộ của nhân loại, mà còn giúp Người

từ người có ý thức dân tộc sâu sắc đã đến với ý thức hệ vô sản, tin vào sức mạnh của giai cấp công nhân và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Ngay trong chặng đường đầu của cuộc hành trình vạn dặm, nghĩa là trước khi trở lại Pháp (năm 1917), Nguyễn Tất Thành đã đồng thời có được hai phát hiện quan trọng:

Thứ nhất, Người nhận thấy không chỉ có riêng dân tộc Việt Nam đói nghèo, nhân dân lao động Việt Nam bị áp bức bóc lột, mà có cả một thế giới rộng lớn trải dài từ châu Á, châu Âu, châu Phi đến châu Mỹ, bao gồm các dân tộc thuộc địa và những người cùng khổ. Từ những ngày đầu đến Pháp - *một nước tư bản phát triển ở châu Âu, đang làm sứ mệnh "khai hóa" cho dân tộc mình,* Người nhận ra "ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta"[1], đến khi đi vòng quanh châu Phi, một lần nữa Người lại thấy cảnh tượng như ở Phan Rang nước mình: "… bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen Pháp phải bơi ra chiếc tàu… họ bị sóng biển cuốn đi"[2].

Thứ hai, Người nhận thấy cũng không chỉ ở Việt Nam có những người Pháp thực dân cai trị "rất hung ác và vô nhân đạo", bóc lột nhân dân thuộc địa, mà có cả một thế giới những tên thực dân ở "mẫu quốc" Pháp, ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đến Mỹ, Anh… và "ở đâu chúng nó cũng thế". Người kết luận rằng: "Đối với bọn thực dân, tính

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 17.

2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 23.

mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu"[1].

Như vậy, qua những năm tháng bôn ba cực nhọc, rèn luyện trong cuộc sống của những người lao động, đã dần đưa Nguyễn Tất Thành đứng vào hàng ngũ những người vô sản; đồng thời, bổ sung cho Người những kiến thức vô cùng phong phú và một tầm nhìn rộng lớn, trước hết là về các dân tộc thuộc địa, về chủ nghĩa thực dân. Đây là cơ sở để sau này Nguyễn Ái Quốc đi đến kết luận: "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"[2].

Chính trong môi trường xã hội trên, cùng với những phát hiện mang tính chất nền tảng nói trên, đã giúp Nguyễn Tất Thành nảy sinh tình cảm mới - tình cảm mang ý thức hệ vô sản: *Từ tình yêu dân tộc, tình yêu đất nước nồng cháy, Người đã có tình cảm sâu rộng, yêu thương, đồng cảm với những dân tộc thuộc địa cùng cảnh ngộ, với những người lao động, những người vô sản thuộc mọi màu da bị áp bức bóc lột*. Khát vọng cứu nước, cứu dân của Người càng được nhân lên bởi khát vọng giải phóng của nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Người đã khóc khi thấy một công nhân da đen bị sóng biển nhấn chìm ở cảng Đaca (Dakar), vì tên chủ tàu Pháp bắt phải nhảy xuống.

---

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 24.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 287.

Người căm phẫn và ghê tởm cảnh hành hạ người da đen theo kiểu Linsơ (Lynch) ngay trước tượng Nữ thần tự do ở Mỹ. Người xúc động khi đọc báo biết tin nhà yêu nước Ailen tuyệt thực đến chết để chống thực dân Anh. Trong nhiều bài báo của mình, chúng ta thấy Người đau nỗi đau không chỉ của Việt Nam, của Đông Dương, mà cả nước Pháp và toàn nhân loại. Người viết: "Khi chép đến đoạn này, tôi run lên, mắt mờ lệ, nước mắt chảy xuống hòa với mực. Tôi không thể nào viết được nữa. Ôi! nước Pháp đau khổ! Đông Tây đau khổ! Nhân loại đau khổ!"(1). Luật sư Mác Clanhvin Blôngcua (Max Clainville Bloncourt) đã kể về Người rằng: "Mỗi lần nghe tin thực dân Pháp khủng bố tàn sát nhân dân Đahômây tôi thấy anh căm phẫn, xúc động đau đớn, như chính việc đó xảy ra đối với dân Việt Nam của anh. Anh là một con người đầy tính nhân đạo và tính quốc gia vô sản"(2). Điều này cho thấy, ngay từ rất sớm, trên hành trình tìm đường cứu nước, tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh đã bao gồm yếu tố của chủ nghĩa quốc tế vô sản và nó luôn song hành với nhau để rồi ngày càng gắn bó với nhau.

Đồng cảm với những người lao động cùng khổ trong một thảm cảnh chung là người dân thuộc địa, Nguyễn Tất Thành sau những năm tháng ở các nước thực dân đế quốc và thuộc địa, còn *phát hiện ra đồng minh của cách mạng*

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 67.

2 Xem (1970), *Bác Hồ ở Pháp*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, tr. 49 - 50.

Việt Nam với cả lực lượng hùng hậu là nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới. Ngay ở "mẫu quốc" Pháp, Người đã phân biệt nhân dân lao động với bọn đi xâm lược, phân biệt được bạn và thù. Người cho rằng: "Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo"(1). Khi ở Mỹ, chứng kiến người dân da đen khu Háclem tổ chức quyên góp tiền để chi cho việc trở về quê hương châu Phi thì Người "cảm thấy họ đều là những người nghèo khổ đang mong muốn tự do"(2). Điều đó đã giúp Người "nhận thức được sự đồng quyền lợi của những người lao động ở các nước tư bản và các dân tộc thuộc địa bị các giai cấp thống trị các nước khác bóc lột"(3).

Dừng chân khá lâu ở các nước công nghiệp phát triển châu Âu, Bắc Mỹ, Nguyễn Tất Thành được tận mắt nhìn thấy những thành quả lao động to lớn do bàn tay của những người công nhân tạo nên, cũng như cảnh sống đói nghèo của họ, và chính Người lúc này đã là một người vô sản. Đây là những điều kiện giúp Nguyễn Tất Thành có được sự hiểu biết về con người vô sản, về tình cảnh, năng lực và phẩm chất của giai cấp công nhân. Đồng thời, nó là cơ sở quan trọng giúp Người vượt lên trên sự phân biệt về quốc gia, chủng tộc theo quan điểm tư sản, hay của nhiều nhà yêu nước tiền bối Việt Nam,

---

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 24.

2 Song Thành - Chủ biên (2006), Sđd, tr. 48.

3 E. Côbêlép (2010), Sđd, tr. 60.

và dần hình thành ở Người *ý thức về sự đoàn kết những người cùng lao động, cùng bị áp bức bóc lột, những người cùng giai cấp*. Điều này một phần cắt nghĩa tại sao, ngay sau khi trở lại Pháp, Người nhanh chóng hòa mình vào phong trào công nhân Pháp, cũng như nhạy bén đón bắt được tư tưởng vĩ đại của V.I.Lênin, tư tưởng của giai cấp vô sản thế giới.

Cũng qua những chuyến tàu vượt đại dương đi qua nhiều nước trên thế giới, Nguyễn Tất Thành hiểu thêm về các dân tộc thuộc địa khác, và ở bất cứ nơi đâu tàu đến, Người cũng thấy cảnh áp bức bóc lột, tệ phân biệt chủng tộc và tội ác man rợ của chủ nghĩa đế quốc, thực dân đối với cả nhân loại cần lao, từ các dân tộc thuộc địa cho đến giai cấp vô sản ở chính quốc. Ngoài ra, trong thời gian này, Người còn tìm hiểu, nghiên cứu các cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo, như cuộc cách mạng Pháp năm 1789, cuộc cách mạng Mỹ năm 1776 và Người cho đó là các cuộc cách mạng không triệt để, "không đến nơi". Như vậy, từ chỗ đứng trên miếng đất dân tộc mình, từ chỗ hiểu biết về chủ nghĩa thực dân Pháp, Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh đã đi đến chỗ hiểu biết về chủ nghĩa thực dân nói chung và tính chất quốc tế của nó. Người cho rằng: "Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi… cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào - thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ"[1] và

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 352.

"đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu"[1]. Qua đây cho thấy, Nguyễn Tất Thành đã nhận ra *những người cùng khổ ở khắp nơi trên thế giới đều có chung một chí hướng và cùng một kẻ thù là chủ nghĩa thực dân, đế quốc.*

Trước khi trở lại Pháp, Nguyễn Tất Thành có thời gian ở Anh. Tại đây, một trong nhiều hoạt động góp phần tạo bước chuyển biến về tư tưởng cũng như đến với ý thức hệ vô sản là việc Người tham gia tổ chức "Hội những người lao động Trung Quốc ở Hải ngoại". Ý nghĩa của sự kiện này là ở chỗ "Nguyễn Tất Thành - lời nhận xét của GS Đặng Xuân Kỳ - từ một người lao động làm thuê bắt đầu bước vào một tổ chức gắn bó với những người dân thuộc địa khác nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc thực dân"[2].

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp. Ở Paris, rất nhanh chóng, Người đồng cảm với giai cấp vô sản Pháp, thấy được sự giống nhau giữa giai cấp ấy và nhân dân các nước thuộc địa: Cả hai cùng cực khổ, cùng chung một kẻ thù, cùng một khát vọng giải phóng. Trở lại Pháp lần này, Nguyễn Tất Thành không chỉ dừng lại ở việc quan sát, mà thực sự đi vào hoạt động và tổ chức ở cả ba hướng: trong những người Việt Nam yêu nước, trong giai cấp vô sản Pháp và trong những người thuộc các màu da sống trên đất Pháp. Người tham gia các hoạt

---

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 24.

2 Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1985), Sđd, tr. 8.

động chính trị, văn hóa, khoa học, nghệ thuật rất đa dạng và thường xuyên gặp gỡ các nhà hoạt động nổi tiếng trong phong trào công nhân và công đoàn Pháp, những nhà hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội đến từ các nước có mặt ở Pháp và các đảng viên Đảng Xã hội Pháp… Qua những hoạt động thực tiễn trên, Nguyễn Tất Thành thấy được sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân, thấy được ở họ có cùng chí hướng, nỗi khổ, cùng một kẻ thù, và quan trọng hơn là Người phát hiện ra: Mục tiêu, lý tưởng đấu tranh của giai cấp công nhân không chỉ phù hợp, mà còn tạo điều kiện quyết định cho thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc. Điều này nói lên rằng, mặc dù Người chưa làm việc trong công xưởng, nhà máy, nhưng việc sống và hoạt động trong môi trường công nhân đã dần hình thành ở Người *phẩm chất, tư tưởng, tâm lý của giai cấp công nhân*, cũng tức là sự giác ngộ giai cấp như V.I.Lênin chỉ rõ. Trong tiến trình đi lên đó, đầu năm 1919, Người gia nhập Đảng xã hội Pháp, và đến đỉnh cao là tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng họp ở Tua, Người đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế Cộng sản, trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Tóm lại, nếu như thời kỳ trước, quá trình đến với ý thức hệ vô sản ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là từ tình cảm yêu nước đến sự đồng cảm với các dân tộc thuộc địa, thấy được lực lượng đồng minh với cách mạng Việt Nam là những người cùng khổ ở khắp châu lục và toàn nhân loại bị áp

bức đều có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc; thì đến khi trở lại Pháp, thông qua các hoạt động thực tiễn, Người từng bước đứng vững trên lập trường vô sản, và hình thành ở Người những phẩm chất, tính cách, lý tưởng của giai cấp công nhân. Người thấy được sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân, phát hiện họ cùng một chí hướng, cùng một kẻ thù với sứ mệnh lịch sử của mình là lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới.

3. Trở thành người cộng sản

Cuộc hành trình gần 10 năm qua các nước thuộc địa và tư bản, từ khi là anh Văn Ba bồi tàu đến lúc mang danh Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng, không chỉ hình thành ở Người đầy đủ phẩm chất, tư tưởng, tâm lý xã hội của giai cấp vô sản, mà còn tạo ra bước chuyển biến lớn về nhận thức tư tưởng khi Người trở thành người cộng sản. Chặng đường đã trải qua đó góp phần chứng minh lời tổng kết thiên tài của V.I.Lênin: "… đi từ lòng mong muốn trở thành người cách mạng, từ các lời nói (và nghị quyết) về cách mạng tới hành động cách mạng thật sự, là một việc rất khó khăn, lâu dài và đau khổ"[1].

Nhắc lại quá trình này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác

1 V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, tập 44, tr. 109.

thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"[1].

Vậy vấn đề đặt ra đầu tiên là, trước khi đến với *Luận cương* của V.I.Lênin, tán thành Quốc tế thứ ba, trở thành người cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu chủ nghĩa cộng sản hay chưa? Theo như Người kể lại thì ngay sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Người "chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết"[2]. Nhưng chúng ta biết rằng, thời gian trước và nhất là sau khi gia nhập Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia nhiều cuộc sinh hoạt chính trị trong Đảng, cùng đảng viên của Đảng míttinh quyên góp ủng hộ cách mạng Nga, chống sự can thiệp của 14 nước muốn bóp chết chính quyền Xô - viết non trẻ v.v... Đặc biệt là ngay từ giữa năm 1919, tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã làm quen và biết Giăng Lôngghê là cháu ngoại của C. Mác[3], và cũng chính ông khi là chủ nhiệm báo *Dân chúng* (Journal du peuple), đã đăng toàn văn *Yêu sách* ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Vécxây (số ra ngày 18/6/1919). Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà tác giả cuốn *"Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch"* cho rằng: Giăng Lôngghê

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 563.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 561.
3 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 34.

là người "… đã mở đường cho sự hiểu biết chính trị của ông Nguyễn (tức Nguyễn Ái Quốc)"[1], vì trước đó, Người chỉ là "một Nguyễn yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì Tổ quốc…rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là Công hội, là bãi công, là chính đảng"[2]. Không chỉ có vậy, việc kết giao với Giăng Lôngghê còn dẫn dắt Người đến bộ "Tư bản" và một số tác phẩm của C. Mác trước khi đến với *Luận cương* của V.I.Lênin. Nhà sử học Mỹ William J.Duiker cho biết: "Một lần Nguyễn Ái Quốc đã yêu cầu Jean Longuet giải thích về chủ nghĩa Mác. Longuet lưỡng lự, nói rằng câu hỏi quá phức tạp và gợi ý Nguyễn đọc *Tư bản luận* của Mác. Liền sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã đến thư viện gần Quảng trường Italia - tức thư viện Sainte Geneviève - mượn tác phẩm đồ sộ đó để đọc cùng với số tác phẩm mácxít khác"[3]. Theo báo cáo của mật thám Jean tại Paris trong ngày 9/2/1919, Nguyễn Ái Quốc đã hai lần đến thư viện Sainte Geneviève, rồi sau đó vào các ngày 10, 11, 12, 13, 15, 17, 19 và nhiều ngày nữa vẫn tiếp tục đến đọc sách

---

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 35.

2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 34.

3 Nguyên văn từ bản gốc: "On one occasion he (tức Nguyễn Ái Quốc - tác giả giải thích) asked Jean Longuet to explain the meaning of Marxism. Longuet demurred, saying that the question was too complex and suggesting that he read Marx's *Das Kapital*. Nguyen Ai Quoc thereupon went to a library near the Place d'Italie and borrowed a copy of that magnum opus, which he read along with a number of other Marxist works. William J.Duiker (2000), *Ho Chi Minh A Life*, Hyperion, New York, p. 64.

trong thư viện này[1]. Điều này cũng trùng khớp với lời kể của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc Người đã đọc *Tư bản luận* của Mác bảy ngày liền[2]. Hơn nữa, ta còn được biết ngày 11/2/1920, Nguyễn Ái Quốc đã trình bày đề tài *Chủ nghĩa Bônsêvích ở châu Á* tại Hội nghị những người Thanh niên Cộng sản Pháp quận II, Paris[3].

Tóm lại, từ những tài liệu trên cho phép chúng ta đi đến kết luận rằng: *Luận cương* của V.I.Lênin không phải là tác phẩm đầu tiên về chủ nghĩa Mác - Lênin mà Nguyễn Ái Quốc được tiếp cận. Nhưng cũng phải khẳng định ngay rằng, sự tiếp thu, giác ngộ chủ nghĩa cộng sản của Người đến lúc này mới chỉ ở giai đoạn *cảm tính,* như Người viết: "Tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên", "tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình… Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu"[4]. Những điều này, phải đến khi Nguyễn Ái Quốc tiếp cận được bản *Luận cương* của V.I.Lênin - văn kiện đã giải đáp cho Người con đường

---

1 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), Sđd, tr. 75 - 82.

2 Đỗ Quang Hưng, TS Nguyễn Văn Khoan (2011), *Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc*, Nhà xuất bản Thông tin truyền thông, Hà Nội, tr. 234.

3 Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), Sđd, tr. 91 - 92.

4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 561.

giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào - thì "lập trường" của Người mới "hoàn toàn tin theo V.I.Lênin, tin theo Quốc thế thứ ba".

Cần phải nói thêm rằng, sau khi đến với Luận cương của V.I.Lênin, tư tưởng và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có sự chuyển biến căn bản. Người "lao vào cuộc chiến đấu, hăng hái bàn cãi, tiến công mạnh mẽ những kẻ chống lại Lênin và Quốc tế thứ ba"[1], Người không chỉ tham gia các cuộc họp của chi bộ mà đến cả những chi bộ khác để bênh vực lập trường của mình. Và chắc hẳn, Người cũng đã ra sức tìm hiểu các vấn đề liên hệ đến chủ nghĩa Lênin và Quốc tế thứ ba, vì chỉ sau đó chưa đầy một năm, trên *Tạp chí Cộng sản* (La Revue Communiste) số 14, tháng 4 - 1921, Người viết bài *Đông Dương*, nói lên sự hiểu biết sâu rộng của Người về đề tài: "Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?". D. Hémery khi đọc lại bài viết này cho rằng, "ông Hồ Chí Minh tương lai dám gợi ý, trái với quan điểm chính thống của Quốc tế, rằng mảnh đất tốt cho chủ nghĩa cộng sản phát triển là châu Á"[2]. Như vậy, trong tiến trình tư tưởng Hồ Chí Minh, giác ngộ chủ nghĩa cộng sản "đã là cơ sở tư tưởng không thể thiếu để Người tiếp thu tư tưởng của

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 584.

2 Daniel Hémery (2001), *Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác* (Nguyễn Trọng Cổn lược dịch), Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, tr. 29.

V.I.Lênin trong "lúc đầu" cũng như trong quá trình lịch sử tiếp sau"[1].

Song song và "từng bước một" với quá trình "nghiên cứu lý luận Mác - Lênin", thì để trở thành người cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn "làm công tác thực tế" của một nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Từ khi trở lại Pháp, Người đã mở ra ba hướng hoạt động trong những người Việt Nam và những người dân các thuộc địa đang sống trên đất Pháp, trong phong trào công nhân và các tầng lớp xã hội và những người tiến bộ Pháp. Những nội dung nói trên, trong phần trước cuốn sách đã trình bày rõ, ở đây, tác giả không nhắc lại, mà đi sâu tìm hiểu đến yếu tố *môi trường hoạt động* ở Paris trong bước đường trở thành người cộng sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Một là, từ 1911 trở đi, cùng với Quảng Châu, nơi hoạt động của cụ Phan Bội Châu thì Paris đã trở thành một trung tâm cách mạng ở hải ngoại (duy nhất ở châu Âu) từ khi có sự hiện diện của cụ Phan Châu Trinh. Nhờ uy tín đã tạo ra trong nước, khi mới sang Pháp, cụ đã tìm ngay được sự hợp tác của Phan Văn Trường; nhờ đó, ngoài việc tiếp tục cuộc đấu tranh từ trước, cụ đã cùng với Phan Văn Trường lập ra được Hội Đồng bào thân ái, quy tụ những người Việt Nam lúc bấy giờ còn rất ít tại Pháp. Đây chính

1 Lê Sĩ Thắng (1991), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 7.

là cơ sở ban đầu để những tổ chức khác nối tiếp (đặc biệt là Hội những người Việt Nam yêu nước), và rộng hơn nữa là đã tạo ra một *"môi trường yêu nước"* rất thuận lợi cho những hoạt động của Nguyễn Tất Thành khi đến Paris năm 1917. Chính thông qua cụ Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường mà Người đã tiếp cận nhanh với cộng đồng người Việt tại Pháp, đặc biệt là khoảng thời gian Người chuyển về ở tại nhà số 6 Villa des Gobelins - là nơi qua lại, thăm hỏi, nghỉ ngơi của Việt kiều yêu nước từ khắp nơi trên đất Pháp khi tới Paris và còn là nơi dừng chân của cả thủy thủ người Việt trên các tàu viễn dương ghé qua Pháp. Hơn thế nữa, Người còn biết đến và làm quen với nhiều nhà hoạt động văn hóa, chính trị trong Hội Nhân quyền, Đảng Xã hội Pháp như: Babut, Marius Moutet, Jules Roux… từ những mối quan hệ của hai chí sĩ họ Phan. Những điều này là rất cần thiết cho hoạt động của Người tại đây.

Hai là, môi trường dân chủ tư sản. Nhiều nhà nghiên cứu trước đây khi đánh giá về thời gian từ năm 1911 đến năm 1920 thường cho rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh không chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản, vì Người đã nhìn thấy bản chất thực sự của chủ nghĩa đế quốc thực dân và nhờ vậy, Người đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhưng theo tác giả, cũng như V.I.Lênin, trong quá trình tìm đường cứu nước, dừng lại ở nhiều quốc gia tư bản phát triển nhất lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn ra

hai mặt khác nhau của tư tưởng dân chủ tư sản. V.I.Lênin từng nói: "Chúng ta không loại bỏ khẩu hiệu dân chủ tư sản, mà thực hiện cái dân chủ trong những khẩu hiệu đó một cách triệt để hơn, đầy đủ hơn, kiên quyết hơn"[1]. Sống ở Paris, Nguyễn Ái Quốc được tiếp xúc trực tiếp với nhiều tác phẩm của các nhà tư tưởng trong đại cách mạng vô sản Pháp. Một báo cáo của mật thám theo dõi Người đầu tháng 3/1920 có đoạn viết "… hiện thời Quốc đang dịch một đoạn *L'Esprit des Lois - Tinh thần pháp luật* của Môngtexkiơ sang quốc ngữ". Cũng tại Paris, Người còn tham gia những buổi hội họp, nói chuyện trong "một không khí thân mật và dân chủ, giống như ở những câu lạc bộ Giacôbanh (Jacobins) thời Đại cách mệnh Pháp"[2], được viết báo phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm của mình trước dư luận Pháp, và nhất là được sống trong không khí tranh luận trước, trong Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp. Ngay từ lúc đó, Người đã nhận thấy, để trở thành cộng sản cần có "những điều kiện cơ bản nhất để hành động: Tự do báo chí, Tự do du lịch, Tự do dạy và học, Tự do hội họp"[3]. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã đi từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, trải qua trường học dân chủ tư sản và trường lao động đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động thế giới và cuối cùng trở thành

1 V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, tập 27, tr. 588.

2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 40.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 48.

người cộng sản. Nhờ trải qua môi trường dân chủ tư sản mà nội dung tư tưởng yêu nước Hồ Chí Minh được mở rộng hơn và sự tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin của Người cũng rất độc đáo. Qua đây, chúng ta rút ra một điều là, để một người yêu nước có sự chín muồi về chất, có sự trưởng thành thật sự khi trở thành người cộng sản, thì việc trải qua trường học của chủ nghĩa dân chủ tư sản là một trong những điều kiện trung gian quan trọng.

Ba là, môi trường chính trị ở Pháp lúc này đã hỗ trợ hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh không ít. Tại Paris, không những Người có thể đọc được sách báo mà trước đây ở Việt Nam bị cấm, mà còn có thể dựa vào những điều sở đắc được để chống lại chủ nghĩa thực dân: Không chỉ bằng viết báo, tuyên truyền mà bằng cả biểu tình, kiến nghị, tổ chức, lập hội v.v... Nhưng cũng phải nói rằng, ở Pháp, ngay cả những chỉ trích, đòi hỏi ôn hòa với chính sách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũng chỉ có thể tìm được sự ủng hộ nơi những người hoạt động trong Hội Nhân quyền và Đảng Xã hội. Do vậy, *vấn đề vận động cho chủ quyền dân tộc ở đây tất yếu phải gắn liền với lập trường khuynh tả về xã hội* - điểm xuất phát này là rất quan trọng trong việc trở thành người cộng sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chỉ một thời gian ngắn khi trở lại Pháp, Người đã là đảng viên Đảng Xã hội Pháp, rồi cũng chỉ có báo *Nhân đạo* (L' Humanité) và báo *Dân chúng* (Journal du peuple) - cơ quan ngôn luận

của Đảng Xã hội Pháp - đăng *Yêu sách* của nhân dân Việt Nam, hơn nữa, Người còn được sử dụng công cụ tuyên truyền công khai, rộng rãi - viết bài đăng báo - để tố cáo tội ác của thực dân Pháp từ hai tờ báo của Đảng. Cũng nhờ việc tham gia Đảng Xã hội Pháp mà quan hệ chính trị của Người trở nên rộng rãi và tích cực hơn. Không chỉ bó hẹp phạm vi tiếp xúc với một số người ở Hội Nhân quyền từng ủng hộ Phan Châu Trinh, mà Người đã quen những nhân vật nổi tiếng trong Đảng Xã hội như Mácxen Casanh (Marcel Cachin), Pôn Vayăng Cutuyriê (Paul Vaillant Couturier), Lêông Bơlum (Léon Blum), Raymông Lơphevrơ (Raymond Lefèvre), Giăng Lôngghê (Jean Longuet), Gaxtông Môngmútxô (Gaston Monmousseau), v.v.. và với cả những chính khách từ nhiều nước Á, Phi tìm đến Pháp nhân Hội nghị Vécxây (Versailles). Tóm lại, Đảng Xã hội Pháp không những là chỗ dựa của Người, là môi trường tốt để vừa nhận sự giúp đỡ, vừa học hỏi được nhiều điều, làm giàu tri thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn, mà còn là tiền đề trực tiếp đưa Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh từ một người yêu nước trở thành người cộng sản (điều này sẽ được nói rõ hơn ở phần dưới).

Bốn là, một vấn đề nữa bắt nguồn từ việc chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, và nhất là sau khi Ăngghen mất (1895), đã tạo ra môi trường mới thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ *chủ nghĩa cơ hội*

trong phong trào công nhân thế giới. Cũng như giai cấp vô sản ở các nước Âu, Mỹ khác, giai cấp vô sản Pháp bị chủ nghĩa cơ hội tiến công từ lâu. Cho đến trước Đại hội Tua (tháng 12/1920), V.I.Lênin vẫn coi Paris lúc này là "trung tâm liên minh thế giới của bọn đế quốc"[1]. Chính vì vậy, việc gia nhập, sinh hoạt trong Đảng Xã hội Pháp trong bối cảnh trên, đã là điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển ý chí đấu tranh, đồng thời làm cho tinh thần quốc tế vô sản của người cộng sản trong Nguyễn Ái Quốc không ngừng được củng cố và nâng cao. Hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp đã giúp Người hiểu và nhận thức về Quốc tế Cộng sản, về V.I.Lênin, về Cách mạng Tháng Mười và cùng với đó là việc Người nhận ra trò bịp lớn trong Chương trình 14 điểm của Tổng thống Mỹ W. Wilson tại Hội nghị Vécxây. Đó là những sự kiện, là điều kiện khách quan cho Người nhận biết, sàng lọc và tiếp cận chân lý cách mạng của thời đại, đặc biệt là có vai trò rất lớn, tác động đến sự chuyển biến tư tưởng của Người khi tiếp nhận *Luận cương* của V.I.Lênin vào tháng 7/1920. Từ đây, Người đã có cơ sở chính trị và tư tưởng vững vàng để tin theo V.I.Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba, thể hiện sự chuyển biến về chất trong nhận thức và hành động: Bỏ phiếu gia nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh, 40 năm sau cũng đã

1 Song Thành - Chủ biên (2006), Sđd, tr. 59.

khẳng định điều này: "Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa"[1].

* * *

Đặc điểm nổi bật trong quá trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đã sớm gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, gắn cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam với phong trào giải phóng của tất cả các dân tộc bị áp bức khác. Vì vậy, vấn đề dân tộc và vấn đề quốc tế đã kết hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động của Người, và rất sớm, Người đến với lập trường của giai cấp vô sản, lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết mối quan hệ ấy. Điều đáng chú ý là, Chủ tịch Hồ Chí Minh tham gia các hoạt động quốc tế từ trước khi trở thành người cộng sản, và khi đã trở thành người cộng sản thì đồng thời lại là một chiến sĩ quốc tế với đầy đủ ý nghĩa của danh hiệu cao quý đó. Hơn nữa, hầu hết những hoạt động nói trên của Người đều diễn ra trước khi gặp bản *Luận cương* của V.I.Lênin. Điều đó nói lên

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 740.

rằng, ngay giữa lúc tình hình trong nước cũng như trên thế giới còn bị che phủ bởi thời hoàng kim của chủ nghĩa thực dân thì Người đã có tầm nhìn thông minh, sáng tạo, nắm được xu thế phát triển tất yếu của thời đại.

Có thể thấy, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước nồng nhiệt nhất với chủ nghĩa quốc tế trong sáng nhất, *lập trường giai cấp thống nhất với lập trường quốc tế theo hệ tư tưởng vô sản.* Người trở thành nhà ái quốc kiểu mới, yêu nước trên lập trường vô sản. Đối với Người, không thể phân biệt được đâu là nhà yêu nước và đâu là người cộng sản, đâu là người chiến sĩ của phong trào giải phóng dân tộc, đâu là chiến sĩ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chính những người ở phương Tây đã thừa nhận: "Cuộc đời Hồ Chí Minh là một tấm gương chói lọi nói lên rằng trong thời đại ngày nay. Chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc hòa quyện với nhau trong cuộc đấu tranh chung, không thể nào tách rời với nhau được"[(1)].

---

1 Rômét Chandra (1990), *Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại*, Nhà xuất bản Tổng hợp, Phú Khánh, tr. 66.

Chương 2

HÌNH THÀNH CƠ BẢN TƯ TƯỞNG VỀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1921 - 1930)

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA HỒ CHÍ MINH

1. Bối cảnh lịch sử

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 1921 đến năm 1930 chịu ảnh hưởng từ nhiều biến chuyển lớn của tình hình thế giới và trong nước.

a. Tình hình thế giới

Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, nhưng tất cả các nước tham chiến đều bị thiệt hại nặng nề về người và của. Chúng ra sức bóc lột giai cấp công nhân

và nhân dân lao động trong nước, tranh thủ mở rộng khai thác thuộc địa, đồng thời kết thành liên minh chống Liên Xô, chống Quốc tế Cộng sản.

Từ năm 1924, thế giới tư bản chủ nghĩa bước vào thời kỳ ổn định tạm thời, tương đối, tạo điều kiện cho bọn cơ hội chủ nghĩa và các Đảng Dân chủ - Xã hội có dịp ngóc đầu dậy. Chúng gieo rắc tư tưởng hoài nghi, bi quan trong giai cấp công nhân; kích thích những nhân tố tiêu cực trong các đảng cộng sản; đàn áp các cuộc khởi nghĩa của công nhân ở chính quốc và nhân dân các nước thuộc địa. Tiếp đó là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), chủ nghĩa phát xít xuất hiện và nắm quyền ở Italia, Đức, làm cho tình hình thế giới thêm căng thẳng.

Cũng trong thời gian này, công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đất nước của V.I.Lênin, quê hương của Cách mạng Tháng Mười trở thành niềm tin, thành trì cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Chịu ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cách mạng bắt đầu lên mạnh ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng như các nước thuộc địa. Ở châu Á, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Triều Tiên chống Nhật, phong trào Ngũ Tứ bùng nổ ở Trung Quốc. Ở Ấn Độ, có phong trào nông dân và công nhân sôi nổi diễn ra vào những năm 1924 - 1927. Ở Việt Nam, Inđônêxia,

Trung Đông, Bắc Phi, châu Mỹ Latinh, v.v.. nhiều cuộc đấu tranh chống xâm lược, giành độc lập dân tộc cũng liên tiếp nổ ra.

Quốc tế Cộng sản hoạt động, chỉ đạo phong trào cách mạng thế giới duy trì và phát triển. Các đảng cộng sản tiếp tục được thành lập, năm 1918 có 10 đảng, năm 1921 tăng lên 34 đảng[1]. Trong số những đảng cộng sản thành lập thời kỳ này, thì Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc có quan hệ gần gũi và ảnh hưởng đến phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cũng như cá nhân Chủ tịch Hồ Chí Minhh. Về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nhờ Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc, những người cách mạng Việt Nam đã được tiếp thu ảnh hưởng đầy sức sống của Cách mạng Tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn"[2].

Một hoàn cảnh cần đặc biệt nhấn mạnh nữa là bước chuyển sang đường lối "tả" khuynh trong Quốc tế Cộng sản, nhất là sau cuộc phản biến của Tưởng Giới Thạch năm 1927 ở Trung Quốc. Điều này đã dẫn đến những đánh giá phiến diện của Quốc tế Cộng sản về tính chất của giai cấp tư sản và vai trò của các đảng dân chủ xã

1 Phan Ngọc Liên (2010), *Chiến sĩ quốc tế Hồ Chí Minh hoạt động thực tiễn và lý luận cách mạng*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 79.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 11, tr. 173.

hội; khẩu hiệu "giai cấp chống giai cấp" được đề cao; nhấn mạnh độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản và nôn nóng thực hiện ngay cách mạng vô sản, v.v...

Bối cảnh thế giới nói trên đã tác động, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này.

b. Tình hình trong nước

Nhằm nhanh chóng hàn gắn vết thương sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phục hồi nền kinh tế và khôi phục vị thế chính trị của nước Pháp trên trường quốc tế, thực dân Pháp một mặt thúc đẩy nhanh nền sản xuất trong nước, mặt khác đẩy mạnh khai thác thuộc địa, nhất là Đông Dương.

Về chính trị, chính sách của thực dân Pháp là nới rộng một số quyền lực chính trị cho các tầng lớp trên, tạo ra mảnh đất tốt cho chủ nghĩa Pháp - Việt đề huề, tạo sự ổn định chính trị để thu hút vốn đầu tư vào Đông Dương nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai.

Về kinh tế, mục tiêu của cuộc khai thác thuộc địa lần này vẫn là: Bòn rút thuộc địa để làm giàu cho chính quốc nhưng không cho thuộc địa có cơ hội cạnh tranh với chính quốc. Do vậy, về *hình thức,* đó là một cơ cấu kinh tế thuộc địa đã mang sắc thái hiện đại, nhưng *thực chất vẫn* là một cơ cấu kinh tế thuộc địa mất cân đối, què quặt được

biểu hiện rõ nét ở tỷ lệ giữa khu vực công nghiệp và nông nghiệp, giữa khu vực công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ và giữa các vùng và các miền của đất nước.

Về tình hình xã hội, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, xã hội Việt Nam tiếp tục có sự phân hóa giai cấp sâu sắc:

Giai cấp địa chủ không những không bị thu hẹp, mà trái lại còn phát triển đủ mạnh để có thể trở thành nền tảng xã hội của chế độ thuộc địa. Căn cứ vào số ruộng đất tập trung trong tay, giai cấp địa chủ được chia thành: địa chủ nhỏ, địa chủ vừa và đại địa chủ.

Giai cấp nông dân là thành phần chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội Việt Nam. Trong quá trình sản xuất, dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa, giai cấp nông dân đã chuyển biến sâu sắc và có sự phân tầng rõ rệt: phú nông, trung nông, bần nông và cố nông.

Giai cấp công nhân Việt Nam trưởng thành thêm một bước về số lượng và chất lượng trên cơ sở tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ đã ý thức về quyền lợi giai cấp và bước nhanh lên vũ đài chính trị với tư cách là giai cấp "tự giác".

Giai cấp tiểu tư sản, với sự xuất hiện hệ thống thành thị kiểu phương Tây và nền giáo dục Pháp - Việt phát triển, *giai cấp tiểu tư sản* ngày càng trở nên đông đảo. Giai

cấp này được kết hợp một cách lỏng lẻo bởi ba bộ phận: trí thức, tiểu thương và thợ thủ công.

Tư sản Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, đã từ một tầng lớp trở thành một giai cấp xã hội thực sự. Do điều kiện kinh doanh, giai cấp tư sản Việt Nam tự phân thành hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Trong khi bộ phận *tư sản mại bản* gắn chặt với lợi ích kinh tế của tư bản thực dân, thì phần lớn các nhà tư sản Việt Nam đều là *tư sản dân tộc*, họ cố kết với nhau trong kinh doanh và ít nhiều có tinh thần dân tộc.

Ngoài ra, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, xã hội Việt Nam còn có sự xuất hiện một hệ thống thành phố kiểu phương Tây như Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Vinh, Đà Nẵng, Chợ Lớn v.v...

Phong trào dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh trên có sự phát triển mới, với sự ra đời và hoạt động của các đảng phái chính trị mang nhiều khuynh hướng:

Trước hết là, *khuynh hướng tư sản*, với hai xu hướng chính là: xu hướng cải lương chủ nghĩa và xu hướng cách mạng quốc gia. Ở *xu hướng cải lương quốc gia*, với hình thức ban đầu là những nhóm người liên lạc với nhau, tạo thành các phong trào ái quốc dân chủ công khai trong những năm 1919 - 1926, như: Phong trào tẩy chay Hoa kiều, chấn hưng nội hóa - bài trừ ngoại hóa (1919); chống

độc quyền cảng Sài Gòn (1923); chống độc quyền nước mắm (1920 - 1926); phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), để tang Phan Châu Trinh (1926), đòi thả Nguyễn An Ninh (1926). Trên các diễn đàn báo chí, các tờ *Chuông rè* (*La Cloche fêlée), An Nam trẻ (La jeune Annam), Người nhà quê (Le Nhaqué)*…ra đời đả kích chế độ thực dân và bênh vực quyền lợi cho địa chủ tư sản. Tại nghị trường, trong các hội đồng quản hạt, hội đồng thành phố,…, tư sản và địa chủ đòi để ra một vài cải cách tự do dân chủ. Qua các phong trào trên, giai cấp tư sản đã nói lên được tiếng nói của mình, phần nào thể hiện được tinh thần dân tộc. Dần về sau, giai cấp tư sản đã hình thành các đảng phái với xu hướng và tính chất chính trị khác nhau: Ở Nam Kỳ có Đảng Lập hiến (ra đời từ năm 1923); Đảng Thanh niên (1926); Đảng Thanh niên cao vọng (1926). Ở Bắc Kỳ có Việt Nam nghĩa đoàn (1925). Ở nước ngoài có Đảng An Nam độc lập (thành lập năm 1926, tại Pháp). Ở *xu hướng cách mạng quốc gia*, thì Việt Nam Quốc dân Đảng là tổ chức cách mạng tiêu biểu nhất. Nhìn chung, các tổ chức này dù lấy tên hội này hay đảng kia, nhưng đều chưa có đường lối chính trị rõ ràng và hình thức tổ chức chặt chẽ. Vì thế không có một tổ chức nào trong số đó có khả năng lãnh đạo, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Sự tan rã của các phong trào, đặc biệt từ sự thất bại của cuộc bạo động do Việt Nam Quốc dân đảng phát động (đầu năm 1930) đã dẫn tới sự đổ vỡ hoàn toàn. Tuy nhiên, các phong

trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước lựa chọn một khuynh hướng cách mạng mới: *Khuynh hướng vô sản.*

Tháng 6/1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), trên cơ sở *Tâm tâm xã*, Nguyễn Ái Quốc đứng ra thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với đường lối chính trị, chương trình hành động và điều lệ của Hội thể hiện rõ lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Thông qua tổ chức cách mạng này, Nguyễn Ái Quốc muốn xúc tiến thêm một bước việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh trong nước, đặc biệt là phong trào công nhân từ cuối năm 1928 đến đầu năm 1929 (với hơn 40 cuộc đấu tranh của công nhân các miền), yêu cầu bức thiết đặt ra lúc này là phải thành lập Đảng Cộng sản. Chỉ trong vòng chưa đầy 4 tháng, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã lần lượt ra đời: *Đông Dương Cộng sản Đảng* (6/1929), *An Nam Cộng sản Đảng* (7/1929), *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* (9/1929). Đến tháng 2/1930, các tổ chức cộng sản này đã được thống nhất trong Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến đây, ngọn cờ lãnh đạo cách mạng hoàn toàn thuộc về giai

cấp vô sản, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về vai trò lãnh đạo trong phong trào yêu nước Việt Nam.

Như vậy, tình hình thế giới và trong nước giai đoạn từ 1921 - 1930 vừa tạo cho Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh những thuận lợi, đồng thời cũng gây cho Người không ít khó khăn, đặt ra nhiều nhiệm vụ mới phải thực hiện để góp phần thắng lợi cho dân tộc và nhân loại.

2. Những hoạt động chủ yếu của Hồ Chí Minh

Từ khi tìm thấy con đường giải phóng dân tộc mình, rồi trở thành người cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có khoảng thời gian gần 10 năm (1921 - 1930) hoạt động lý luận và thực tiễn sôi nổi, vừa phục vụ cho cách mạng Việt Nam, vừa góp phần vào sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

a. Hoạt động thực tiễn

Sau Đại hội Tua, trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ngày càng sôi nổi. Người là Ủy viên Thường trực Ban Chấp hành *Hội Liên hiệp thuộc địa*, là chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người cùng khổ* (Le Paria), là Ủy viên *Ban Nghiên cứu Thuộc địa* trực thuộc Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Pháp, phụ trách tiểu ban Đông Dương. Những hoạt động này có ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng.

Thời kỳ ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc còn tham gia sinh hoạt tại câu lạc bộ Phôbua, tham gia Hội nghệ thuật và khoa học, Hội những người bạn của nghệ thuật, Hội du lịch. Việc tham gia các câu lạc bộ, các hội kể trên, giúp cho nhận thức chính trị và xã hội của Người ngày một nâng cao. Ở đây cần lưu ý một sự kiện, là việc Người tham gia vào Hội Tam Điểm (tháng 6/1922). Đã có nhiều nhìn nhận khác nhau về động cơ của Người khi tham gia Hội này. Trong cuốn sách của mình, TS Thu Trang cho rằng "Nguyễn Ái Quốc vào hội với ý muốn tìm hiểu mặt tiến bộ của tổ chức này" và nói thêm là đến cuối năm 1922 thì trên báo *Nhân đạo*, Người đã "thẳng tay chỉ trích hội này với những lời lẽ hết sức cứng rắn"[1].

Thông qua những hoạt động trên, uy tín và vai trò của Nguyễn Ái Quốc được Trung ương Đảng cộng sản Pháp đánh giá cao. Hơn thế nữa, Đ. Manuinxki - đại diện của Quốc tế Cộng sản tại Đại hội II Đảng Cộng sản Pháp đã mời Người qua Liên Xô tham dự và phát biểu về vấn đề thuộc địa ở Hội nghị Quốc tế Nông dân và Đại hội V, Quốc tế Cộng sản. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trên quê hương của Cách mạng Tháng Mười và V.I.Lênin vĩ đại.

Tháng 10/1923, Nguyễn Ái Quốc dự và phát biểu tại Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân. Trong khi chờ

1 Thu Trang (2002), Sdd, tr. 262.

Đại hội V, Quốc tế Cộng sản khai mạc, Người tham gia lớp học ngắn hạn của Trường Đại học Phương Đông, rồi được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản. Từ ngày 17/6 đến 8/7/1924, tại Mátxcơva, với tư cách là đại biểu tư vấn, Nguyễn Ái Quốc đã dự và phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Sau đó, Người còn tham dự Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của Tổ chức Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR).

Những hoạt động trên của Nguyễn Ái Quốc giúp cho giai cấp công nhân thế giới và nhân dân Liên Xô hiểu rõ hơn về tội ác của chủ nghĩa thực dân, cũng như tình cảnh của nhân dân ở thuộc địa, đồng thời đặt nền móng cho sự liên minh, tình đoàn kết vô sản quốc tế giữa nhân dân thuộc địa và những người lao động thế giới. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng, thời gian ở Liên Xô, Người gặp rất nhiều khó khăn về điều kiện sinh hoạt[1] và đưa ra những nhận xét *trái chiều*, thậm chí có phần gay gắt với Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa, đặc biệt là những phát biểu tại Đại hội V, Quốc tế Cộng sản với lời lẽ "mạnh bạo" như: "tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản", "tôi thấy rằng hình như, các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng… tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được… nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa" v.v... Người phê bình Đảng Cộng

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 150.

sản Anh, Pháp và các đảng khác đã "khinh thường thuộc địa" và kêu gọi "các đồng chí": Hãy chú ý![1]. Một đại biểu xuất thân từ nước thuộc địa, nước nhỏ; một đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp như Nguyễn Ái Quốc dám đối diện và thẳng thắn phê phán một cách không "kiêng nể" ngay cả với Stalin, với Quốc tế Cộng sản ngay trên diễn đàn Đại hội của Quốc tế Cộng sản là một điều phi thường, và mặt trái của nó là đem lại rắc rối lớn cho Người trong những năm sau đó.

Nguyễn Ái Quốc muốn đi vào thực tiễn, thực hiện ước nguyện từ lâu là "trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức, đoàn kết họ để đấu tranh đòi độc lập". Cuối năm 1924, đáp ứng yêu cầu của Người, Quốc tế Cộng sản cử Người làm phái viên Ban Thư ký Viễn Đông của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, hoạt động ở phía Nam Trung Quốc. Phải nói thêm rằng, ý định đi Trung Quốc của Nguyễn Ái Quốc gặp rất nhiều trở ngại về mặt tổ chức từ phía Quốc tế Cộng sản. Bức thư của Người gửi Quốc tế Cộng sản ngày 11/4/1924 nói rõ: "… từ lúc tôi tới Mátxcơva đã có quyết định rằng, sau 3 tháng lưu lại ở đây, tôi sẽ đi Trung Quốc…Bây giờ đã là *tháng thứ chín* tôi lưu lại và *tháng thứ sáu* tôi chờ đợi"[2]. Thậm chí, mặc dù là cán bộ của Quốc tế Cộng sản được cử đi công tác, nhưng tổ chức chỉ chi tiền đi đường cho Người

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 297.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 273.

tới Quảng Châu[1] và trong suốt thời gian ở Trung Quốc, Người đã "không nhận được quỹ, cũng không được lương của Quốc tế Cộng sản"[2].

Những năm 1925 - 1927, hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thể hiện vai trò của người chiến sĩ cộng sản quốc tế, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở các nước phương Đông như: Trung Quốc, Thái Lan, Malaixia, Lào… *Người đã cùng với các đồng chí Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện, thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức (7/1925). Đối với phong trào cách mạng Trung Quốc, Người không chỉ bày tỏ sự quan tâm và ủng hộ mà còn tham gia trực tiếp: Người tham gia Hội nghị đầu tiên của đại biểu nông dân Quảng Đông (5/1925), Hội nghị lần thứ hai đại biểu giai cấp công nhân Trung Quốc; tham gia đội diễn thuyết, ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc…* Đối với phong trào cách mạng trong nước, thời kỳ ở Quảng Châu, Người thực sự đi vào tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ cốt cán, hạt nhân để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người liên hệ với những người cách mạng Việt Nam trong nhóm *Tâm tâm xã* thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo "Thanh niên" và liên tục mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước từ trong nước gửi sang. Người còn gửi một số qua Liên

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 329.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 261.

Xô học ở trường đào tạo cán bộ cộng sản phương Đông và trường Quân sự Hoàng Phố của Chính phủ cánh tả Quốc dân.

Tháng 4/1927, Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc chính biến phản cách mạng ở Trung Quốc phản bội. Nguyễn Ái Quốc phải cùng các đồng chí trong phái bộ Bôrôđin quay trở lại Liên Xô. Ở đây một thời gian rất ngắn, tháng 12/1927, Người dự Đại hội đồng liên đoàn chống đế quốc ở Brúcxen (Bỉ). Sau cuộc họp, Người đi Pháp, Đức, sau đó qua Thụy Sĩ, Italia, rồi đến Xiêm (*từ năm 1938 gọi là Thái Lan*) vào cuối tháng 6/1928. Một điều cần nói thêm ở đây là, sau cuộc phản biến cách mạng của Tưởng Giới Thạch, mặc dù, Người với mục đích về lại "Mátxcơva để trình bày yêu cầu" và nhận quyết định "lên đường càng sớm càng tốt" từ phía tổ chức cho sự lựa chọn đi Xiêm (không đi Thượng Hải) của mình[1], nhưng rồi Người đã có một năm "lang thang từ nước này sang nước khác", "ăn không ngồi rồi, không có tiền, sống ngày nào hay ngày ấy mà không được phép hoạt động", phải "chờ đợi vô thời hạn"[2] v.v.. Đến gần 3 tháng trước khi Đại hội VI Quốc tế Cộng sản khai mạc - Đại hội đánh dấu sự thắng thế của quan điểm "tả" khuynh, thì Quốc tế Cộng sản mới có quyết định đồng ý nguyện vọng về gần Đông Dương của Nguyễn Ái Quốc. Cho đến nay, chúng

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 264.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 355.

ta chỉ biết chắc rằng, Người không dự Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (từ ngày 17/7 đến 11/9/1928), nhưng do Người *"không muốn"* hay *"không được"* dự hoặc một lý do nào khác? Xung quanh vấn đề này, cần thiết phải có những công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, cần thấy rằng, quãng thời gian ở Quảng Châu (và cả sau đó), cùng với những tác động của tình hình thế giới, tư tưởng và mối quan hệ giữa Người với Quốc tế Cộng sản đã có chỗ không *bắt gặp nhau*. D. Hémery gọi Nguyễn Ái Quốc là "nhà cách mạng bị đặt vào thế việt vị"[1].

Những năm 1929 - 1930, phong trào cách mạng trong nước lên cao. Ba tổ chức cộng sản thành lập ở ba kỳ, cùng chung mục đích nhưng chia rẽ về tổ chức và hành động. Nhận thức được tầm quan trọng nguy cơ phân liệt, với "tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản", Nguyễn Ái Quốc lúc này đang hoạt động ở Xiêm đã gấp rút đi Hồng Kông, chủ động chuẩn bị và đứng ra triệu tập Hội nghị hợp nhất, xóa bỏ được bất đồng, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Hoạt động lý luận

Song song với hoạt động thực tiễn, từ khi t*rở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu một thời kỳ hoạt động lý luận liên tục, đặc biệt là tại các diễn đàn, các đại hội quốc tế và trên báo chí.*

---

1 Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Hội thảo Khoa học "Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước"*, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội, tr. 247.

Thời kỳ ở Pháp và Liên Xô (1921 - 1924), Nguyễn Ái Quốc tập trung lên án chủ nghĩa thực dân và đấu tranh cho vấn đề thuộc địa, *thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, hướng họ vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do.*

Ngay trên diễn đàn Đại hội I Đảng Cộng sản Pháp, trong *Dự thảo Nghị quyết về chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa* - văn kiện mà Người tham gia chuẩn bị, đã tố cáo tội ác của những kẻ thực dân đối với người dân thuộc địa: "Hàng chục nghìn người dân thuộc địa đã chết trong cuộc chiến tranh châu Âu. Hàng chục nghìn người khác còn phải làm nô lệ cho chủ nghĩa quân phiệt Pháp..."[1]. *Dự thảo* còn chỉ rõ: "Bằng bất cứ cách nào những khó khăn đó cũng không thể biện minh cho việc Đảng Cộng sản từ bỏ một chính sách thuộc địa thực tế và có hiệu quả"[2]. Đến Đại hội II, cũng là sự đề nghị tích cực của Người, Đại hội biểu quyết thông qua: *Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa* do Ban Nghiên cứu thuộc địa đệ trình, trong đó nhấn mạnh: "Vì hoà bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức!"[3]. Đánh giá về những hoạt động này của Nguyễn Ái Quốc, Sáclơ Phuốcniô đã viết: "Nguyễn Ái Quốc đã có những đóng góp quan trọng vào việc hình thành truyền thống chống

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 478.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 479.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 495.

chủ nghĩa thực dân, một truyền thống làm vẻ vang cho Đảng Cộng sản Pháp"[1].

Không dừng lại ở đó, trong thời gian ở Liên Xô (1923 - 1924), với tư duy lý luận sắc bén, bám sát thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc đến với các diễn đàn Đại hội trong khuôn khổ của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt ở Đại hội V Quốc tế Cộng sản với thái độ thẳng thắn phê bình một số đảng cộng sản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa. Tại phiên họp thứ 8, Người nói: "Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế Cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế Cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa… vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa"[2]. Tiếp tục chương trình nghị sự, tại phiên họp thứ 22 của Đại hội, ngày 1/7/1924, Nguyễn Ái Quốc khẳng định lại quan điểm của V.I.Lênin về tầm quan trọng và vị trí của cách mạng thuộc địa: "Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch và vấn đề dân tộc"[3].

---

1 Phan Ngọc Liên (2010), Sđd, tr. 93.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 295.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 299.

Một hoạt động lý luận khác phục vụ đắc lực việc *lên án chủ nghĩa thực dân và đấu tranh cho vấn đề thuộc địa* của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này là hoạt động báo chí. Người viết nhiều bài bằng nhiều thể loại khác nhau đăng trên các báo Pháp như: *Nhân đạo* (L'Humanité), *Đời sống công nhân* (La Vie Ouvrière), *Tạp chí Cộng sản* (La Revue Communiste), hay khi ở Liên Xô, Người viết bài cho tạp chí *Quốc tế Nông dân (Krestianski International), Sự thật* (Pravđa), *Thư tín quốc tế* (Inprékor). Đặc biệt, Người làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria) - *cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp Thuộc địa,* v.v... Nội dung các bài viết trên các báo thời kỳ này của Người tập trung vào việc vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa, từ đó, giúp người đọc nhận thức rõ hơn về sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân nói chung và thực dân Pháp nói riêng; về mâu thuẫn không thể điều hoà giữa chủ nghĩa thực dân với nhân dân lao động tại các thuộc địa; về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc. Cũng từ những bài báo đó, Người đã phân tích những điều kiện và chỉ rõ chủ nghĩa cộng sản có thể áp dụng ở châu Á, đặc biệt là cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước, không hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc. Đồng thời, thông qua nội dung các bài báo, Người kêu gọi các đảng cộng sản ở chính quốc phải giúp đỡ phong trào đấu tranh giải phóng ở các thuộc địa và chỉ ra yêu cầu cần thiết của việc thực hiện đoàn kết giai cấp và

đoàn kết quốc tế, giữa nhân dân các thuộc địa, giữa thuộc địa với chính quốc, coi đó là những điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Thời kỳ ở Trung Quốc và *Đông Nam Á (1924 - 1930)*, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là cán bộ của Quốc tế Cộng sản đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản ở phương Đông. Trong thời gian hai năm rưỡi ở Quảng Châu, Người dành sự quan tâm nghiên cứu đến tình hình Trung Quốc và nhất là phong trào đấu tranh của nông dân. Nhiều bài báo như: *"Nông dân Trung Quốc"* (3/1925), *"Đại hội công nhân và nông dân"* (5/1925), *"Phong trào nông dân tỉnh Quảng Đông"* (10/1925) và các "Báo cáo gửi Quốc tế Nông dân về Nghị quyết của Đảng bộ Quốc dân Đảng về vấn đề nông dân", "Gửi đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân" (tháng 10 và 11/1925)... là những phân tích, kết luận có giá trị về lý luận và thực tiễn, không chỉ đối với cách mạng Trung Quốc, mà cả cách mạng Việt Nam và nhiều nước khác.

Đối với cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động tích cực, liên tục và hiệu quả trong việc chuẩn bị về tổ chức, chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của một đảng mácxít ở Việt Nam. Ngay khi đến Quảng Châu, Người tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước và thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6/1925). Từ đây, Người mở lớp huấn luyện chính trị đào tạo một

đội ngũ cán bộ nòng cốt trong việc tuyên truyền những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về trong nước. Từ đầu năm 1926 đến tháng 4/1927, Người mở được ba khóa huấn luyện cho khoảng 75 người[1]. Những bài giảng của Người được tập hợp, biên soạn thành cuốn *Đường cách mệnh*. Trong tác phẩm, Người tập trung nêu rõ chuẩn mực đạo đức của người chiến sĩ cách mạng như: Cần kiệm, vị công vông tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo…; giới thiệu tính chất, nội dung các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới; qua đó, Người chỉ rõ tư tưởng cách mạng triệt để: Muốn sống thì phải làm cách mạng và muốn làm cách mạng thành công phải có đảng lãnh đạo, phải đi theo con đường của cách mạng Nga và "phải biết *cách làm* thì làm mới chóng", tức là phải có phương pháp cách mạng. Trong *Đường cách mệnh*, Người còn khẳng định: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, vì vậy phải đoàn kết trong đảng, đoàn kết toàn dân tộc. Phần cuối tác phẩm, Người giới thiệu các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản. Tóm lại, *Đường cách mệnh* là bước phát triển các quan điểm lý luận đã được Nguyễn Ái Quốc nêu lên trong các thời kỳ trước đây, nay được trình bày thành những nét lớn, có hệ thống về con đường cách mạng Việt Nam. Những nội dung trong tác phẩm đã đặt cơ sở cho sự hình thành

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 604.

đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

Cùng với việc đào tạo đội ngũ cán bộ, Người chủ trương xuất bản sách và báo chí làm phương tiện tuyên truyền. Ngoài báo *Thanh niên* do Người sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, đồng thời là chủ bút, Người còn cùng các bạn chiến đấu của mình, xuất bản ba tờ báo định kỳ khác: báo *Công nông,* bán nguyệt san *Lính cách mệnh* và *Việt Nam tiền phong.* Những tờ báo này cùng với Đường cách mệnh đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập bộ tham mưu tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam.

Sau khi rời khỏi Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcơva, rồi sau đó đi các nước phương Tây. Thời gian này, Người bắt tay viết cuốn sách nhỏ *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân,* và viết nhiều báo về Ấn Độ. Ở Đức (12/1927), Người nhận làm phóng viên cho tờ *Thế giới* (Die Welt). Không lâu sau, theo nguyện vọng của Người, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Nguyễn Ái Quốc trở về hoạt động ở Xiêm. Tại đây, Người có những hoạt động lý luận như phát hành báo chí (đổi tên tờ báo *Đồng thanh* thành *Thân ái* và ra được hai số), mở lớp đào tạo ngắn hạn cho hội viên của chi hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, dịch một số sách

mácxít phổ thông sang tiếng Việt (Nhân loại tiến hóa sử, A.B.C Chủ nghĩa cộng sản, v.v..). Với sự hoạt động tích cực của Người, phong trào yêu nước của Việt kiều ở Xiêm đã có nhiều chuyển biến mới, tích cực và đã có ảnh hưởng tốt về Việt Nam.

Ở trong nước, những năm 1928 - 1929, phong trào công nhân đã phát triển mạnh mẽ, có sức quy tụ và dẫn đầu phong trào yêu nước nói chung. Đến nửa cuối năm 1929 sang đầu năm 1930, các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời thúc đẩy phong trào cách mạng Việt Nam, nhưng lại có sự biệt lập, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Yêu cầu cấp bách của cách mạng nước ta lúc này là phải chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản, thống nhất các tổ chức đó thành một đảng cộng sản duy nhất trong cả nước. Một lần nữa, trách nhiệm lịch sử lại đặt lên vai Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6/1/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị hợp nhất đã thảo luận và đạt được sự nhất trí, đi đến quyết định đặt tên đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt,* Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, cũng là mốc đánh dấu bước phát triển đến đỉnh cao những hoạt động lý luận và sự hình

thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 1921 đến năm 1930.

II. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN VỀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Xác định con đường cách mạng

Từ cuối thế kỷ XIX, dân tộc Việt Nam đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Yêu cầu khẩn thiết của lịch sử, cũng là lý tưởng, đạo đức cao nhất của mỗi người Việt Nam yêu nước là phải vạch ra cho cách mạng nước nhà một con đường giải phóng dân tộc đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh và xu thế phát triển của thời đại.

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước mới, khi ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, và qua không ít lần thể nghiệm với nhiều phương cách khác nhau, con đường cứu nước theo ý thức hệ tư sản vẫn không thành công.

Qua nhiều năm tháng khảo sát, tìm hiểu thế giới, Người vẫn chưa thấy được điều mong muốn nhất là con đường đem lại tự do cho đồng bào, độc lập cho Tổ quốc. Đồng thời, với việc xác định "làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi", Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng "cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ... là cách mệnh tư

bản, cách mệnh không đến nơi"[1]. Như vậy là, từ rất sớm, *Người đã không lựa chọn con đường cách mạng tư sản* cho dân tộc đi theo.

Năm 1917, đánh dấu sự kiện mang ý nghĩa vạch thời đại: Cách mạng Tháng Mười Nga bùng nổ và thắng lợi. Ngay sau đó, cùng với việc thành lập Quốc tế Cộng sản, và bài học "muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình", là những dữ liệu quan trọng để khi tiếp nhận tư tưởng của V.I.Lênin qua *Luận cương* vào năm 1920, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định dứt khoát *con đường của cách mạng Việt Nam phải là con đường của cách mạng vô sản*.

Cần khẳng định trước tiên rằng, việc đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào trong quỹ đạo của cách mạng vô sản của Người là một quyết định đúng đắn, hợp quy luật phát triển và tính chất thời đại. Song, ở vào thời điểm năm 1920, đây là vấn đề mới. Đối với cá nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh, dù đã "hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba", Người vẫn "nhức đầu khó hiểu" thế nào "là chiến lược, chiến thuật vô sản và nhiều điểm khác"[2]. Còn trên thế giới thì chưa có *tấm gương* hay sự chỉ dẫn đầy đủ nào, cả ở bình diện lý luận lẫn thực tiễn về một cuộc cách mạng vô sản ở nước thuộc địa. Nói như thế, để thấy việc giải quyết những vấn đề nảy sinh trong con

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 296.

2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 49.

đường mà Người lựa chọn là một công việc cực kỳ khó khăn và nội dung tư tưởng về con đường đó không phải hình thành ngay một lúc, mà trải qua một quá trình "hình thành, bổ sung, phát triển, hoàn thiện từng bước thông qua việc kết hợp lý luận với thực tiễn, đấu tranh giữa cái đúng và cái sai và được kiểm nghiệm trong thực tiễn"[1].

Tháng 5/1922, Nguyễn Ái Quốc nêu vấn đề: "Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?"[2]. Vì lúc này Người nhận thấy, ở trong nước đang tồn tại nhiều luồng tư tưởng khác nhau, nhất là xu hướng chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, trong khi đó, tiếng vang của Cách mạng Tháng Mười và luồng tư tưởng mácxít mới được truyền bá, nên "trước con mắt người dân bản xứ, chủ nghĩa bônsêvích có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài"[3]. Đối với một số đông chiến sĩ cộng sản, Người thấy họ "vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ dưới đầy cát và trên là mặt trời, vài cây dừa xanh với mấy người khác màu da"[4]. Trên cơ sở tiếp thu, vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin, dựa vào những điều kiện lịch sử - xã hội của phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến khẳng định: "Chủ nghĩa cộng

---

1 Võ Nguyên Giáp - Chủ biên (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 90.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 45.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 80.

4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 80.

sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu"[1]. Trước đó, tại Đại hội Tua (12/1920), Người đã đề nghị Đảng Xã hội Pháp phải "tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa"[2]. Đặc biệt, trên *Tạp chí Cộng sản,* số 14, tháng 4/1921, một phát hiện quan trọng, sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc khẳng định tính tất yếu, hợp quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đó là: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"[3]. Người không chỉ dựa trên sự chín muồi của cơ sở kinh tế làm xuất hiện chủ nghĩa xã hội như một phương thức cần thiết để giải quyết những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, mà còn dựa trên một phương diện khác: Chủ nghĩa xã hội ra đời chính từ sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản. Chính trong mảnh đất hiện thực phơi bày sự tàn bạo, dã man của chủ nghĩa thực dân trong xã hội thuộc địa, không những không thể kìm hãm, mà làm nảy mầm và nuôi dưỡng trong quần chúng nhân dân ý thức giác ngộ dân tộc, giác ngộ giai cấp và đặc biệt là ý thức về một chế độ xã hội tốt đẹp hơn. Ngoài ra, đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tính triệt để của một cuộc cách mạng là ở quy mô giải phóng quần chúng lao động bị áp bức. Có được cơ sở vững chắc về mặt lý luận và sự kiểm chứng, so

1 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 1, tr. 47.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 1, tr. 35.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 1, tr. 40.

sánh thực tiễn của nhiều chế độ xã hội khác nhau, trong *Đường Kách mệnh*, Người chỉ rõ: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi"[1]. Thành công của Cách mạng Tháng Mười còn chứng minh tính đúng đắn của V.I.Lênin về khả năng đi tới chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của các dân tộc thuộc địa. Tất cả những điều này đã dẫn Chủ tịch Hồ Chí Minh đến một nhận thức không thể khác được: Cách mạng Việt Nam muốn thực hiện triệt để không có con đường nào khác con đường Cách mạng Tháng Mười.

Song, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "đi theo" con đường Cách mạng Tháng Mười, không có nghĩa là "thực hiện" ngay một cuộc cách mạng vô sản như Cách mạng Nga năm 1917, hay sẽ diễn ra như ở các nước tư bản phát triển. Trong câu hỏi gửi các đồng chí của Người ở Pháp trước khi sang Mátxcơva: Chúng ta phải làm gì cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mình? Người đã nêu ra quan điểm: "Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta"[2]. Ngay từ năm 1925, Người đã chủ trương "*trước làm quốc gia cách mệnh, sau làm thế giới cách mệnh*". Trong Cương lĩnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Người giải thích: *Cách mệnh dân tộc*, tức

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 304.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 209.

là đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở, rồi sau đó làm *cách mệnh thế giới*, tức là lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản[1]. Chủ trương này một lần nữa được thể hiện trong bài thơ trên báo *Thanh niên*, số 64 (Người trực tiếp phụ trách báo từ số 1 đến số 88, kết thúc vào tháng 4/1927[2]), ra tháng 10/1926: *Đã làm kách mệnh chớ lôi thôi / Kách mệnh thì ta kách đến nơi / Trước phải giành quyền cho cả nước / Sau ra kách mệnh cả bầu trời*[3]. Đến tác phẩm *Đường Kách mệnh*, tư tưởng trên được Người thể hiện rõ, khi phân biệt ba loại cách mạng: *tư bản cách mệnh* "như Pháp cách mệnh năm 1789", *giai cấp cách mệnh* "như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917", *dân tộc cách mệnh* "như An Nam đuổi Pháp". Như vậy cách mạng Việt Nam, theo Người *chưa phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa* như cuộc Cách mạng Tháng Mười, và tuy có khác nhau, nhưng hai cuộc cách mạng đó "vẫn có quan hệ với nhau"[4]. Đến *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, năm 1930, Chủ tịch Hồ Chí Minh có bước phát triển mới khi xác định cách mạng Việt Nam chỉ thực hiện một chiến lược cách mạng là "làm tư sản dân quyền cách mạng và

---

1 Nguyễn Thành - Chủ biên (1985), *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội*, Nhà xuất bản Thông tin lý luận, Hà Nội, tr. 76.

2 Viện Hồ Chí Minh (1998), *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924 - 1927)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 98.

3 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 103.

4 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 287.

thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[1]. Nghĩa là *con đường cách mạng không ngừng* ở Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chủ nghĩa xã hội mới chỉ là mục tiêu tiến tới, chưa phải là mục tiêu trực tiếp. Song sự vận động của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đó, đã xác định thành một đường lối chiến lược rõ rệt, nhằm đặt toàn bộ cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, chống chủ nghĩa đế quốc và chống phong kiến trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, chuẩn bị những điều kiện, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam: Gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, đặt cách mạng giải phóng dân tộc nằm trong phạm trù cách mạng vô sản, là một cống hiến quan trọng vào kho tàng trí tuệ nhân loại. Việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn của Người, có tác dụng trực tiếp, to lớn đối với cách mạng Việt Nam lúc đó (và cả sau này). Trước hết, nó làm cho mọi người yêu nước nhận ra được tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Từ đó mà quy tụ mọi lực lượng và cá nhân yêu nước, bao gồm các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, dân tộc, đoàn kết lại đấu tranh dưới ngọn cờ cứu nước của giai cấp công nhân, mà đội tiên phong của

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 1.

nó là Đảng Cộng sản. Con đường cứu nước đúng đắn và những hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1921 - 1930 thực sự đã đánh bại chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, khắc phụ được khủng hoảng về đường lối cứu nước đầu thế kỷ XX của cách mạng Việt Nam.

2. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng

Để xác định được mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng nước ta, điều căn bản trước hết, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải nhận thức được tính chất xã hội Việt Nam.

Tuân thủ chỉ dẫn của C. Mác khi viết về cuộc sống của nhân dân Đức dưới ách thống trị hà khắc của họn phong kiến tư sản là: *Cần phải làm cho ách áp bức hiện thực càng nặng nề hơn nữa, bằng cách gắn vào nó cái ý thức về ách áp bức; cần phải làm cho sự ô nhục càng ô nhục hơn nữa bằng cách công bố nó lên,* qua những bài viết vạch trần bản chất, tội ác của chủ nghĩa thực dân; đấu tranh cho vấn đề thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên đầy đủ đặc điểm tính chất thuộc địa, nửa phong kiến của xã hội Việt Nam.

Năm 1920, ngay tại diễn đàn của Đại hội Tua, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chủ nghĩa thực dân Pháp tại Đông Dương: "Nhà tù nhiều hơn trường học... không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do

hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền cư trú và du lịch ra nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm…"[1]. Bằng phân tích khoa học, Người cho rằng, ở các thuộc địa Pháp đều có hai điểm chung: 1. Tình hình kinh tế: Công nghiệp và thương nghiệp phát triển rất yếu ớt và nhân dân hầu hết làm nghề nông. 2. Nhân dân bản xứ đều bị tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp bóc lột không ngừng[2]. Ở Việt Nam, Người cho rằng "chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế"[3]. Ách thống trị của thực dân Pháp đè nặng lên số phận tất cả mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người nông dân: Họ "bị tước đoạt", "bị cướp giật từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên chúa"[4]. Người còn vạch rõ bản chất giai cấp, thủ đoạn bóc lột của bộ máy cai trị thực dân. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ở "chính quốc" được áp đặt thô bạo để hút máu "con nai béo mập" Đông Dương: "Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy"[5]. Không những thế, tác giả

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 34 - 35.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 305.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 121.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 90.
5 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 40.

Bản án chế độ thực dân Pháp đã chỉ ra sự liên kết giữa đế quốc và phong kiến trong việc bóc lột dân thuộc địa, mà biểu hiện cụ thể, dễ nhận thấy nhất là ở chế độ thuế khóa nặng nề "không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi"[1]. Trong mối quan hệ đế quốc - phong kiến đó, tác phẩm trên cũng chỉ ra rằng, bọn phong kiến ở An Nam là "bè lũ tay sai", luôn "rạp mình sát đất" trước bọn đế quốc[2].

Như vậy, từ sự phê phán chủ nghĩa thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy, ở Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng, tất cả chính quyền đều về tay Pháp, lợi ích lớn nhất đều tập trung trong tay người Pháp. Những vấn đề này còn được Người nói tới trong nhiều tác phẩm. Ở *Đường Kách mệnh,* Người chỉ rõ, thực dân Pháp "cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị dân nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do độc lập, lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền vơ vét bấy nhiêu"[3]. Trong những văn kiện thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (1930), Người phân tích và cho thấy, Việt Nam là một xứ thuộc địa, nửa phong kiến: *Công nghiệp* không phát triển "tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 82.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 142.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 2864.

nghệ bản xứ không thể mở mang được"[1]; *Nông nghiệp* thì đế quốc Pháp "chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, làm cho nông dân mất hết ruộng đất và lâm vào cảnh tuyệt vọng"[2], do vậy, kinh tế nông nghiệp chiếm ưu thế "một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều"[3]. Hơn thế, để thống trị có hiệu quả nhất, thực dân Pháp "dùng bọn phong kiến An Nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân An Nam"[4].

Từ việc xem xét xã hội thuộc địa, nửa phong kiến từ khi thực dân Pháp áp đặt ách thống trị lên toàn cõi Việt Nam, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã hội Việt Nam có thêm mâu thuẫn cơ bản mới là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp, trong đó nổi lên mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Muốn giải quyết mâu thuẫn này, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam phải làm "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[5]. Đó cũng chính là "hai bước" - hai giai đoạn như phần trước đã nói. Ở mỗi giai đoạn, theo Người, cách mạng có những nhiệm vụ đặc thù cần phải giải quyết để đạt những mục tiêu cụ

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 3, tr. 1
2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 3, tr. 20.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 3, tr. 1.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 3, tr. 21.
5 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 3, tr. 1.

thể, nhưng đều thể hiện những cấp độ, nấc thang khác nhau trong quá trình phát triển liên tục của cách mạng Việt Nam.

Ngay từ năm 1925, khi thể hiện hai cấp độ cho một cuộc cách mạng vô sản ở Việt Nam: "Trước làm quốc gia cách mạng, sau làm thế giới cách mạng", Chủ tịch Hồ Chí Minh trên số 2 báo *Thanh niên* đã xác định: *Mục tiêu của thời kỳ đầu* là lật đổ chính quyền chuyên chế ở Việt Nam. *Mục tiêu thời kỳ thứ hai* là khai thác triệt để thắng lợi của cách mạng, xây dựng các đường giao thông, phát triển thương nghiệp và công nghiệp, giáo dục nhân dân và lo cho dân được hòa bình, hạnh phúc[1]. Quá trình cách mạng, vừa mang tính không ngừng, vừa mang tính giai đoạn, một lần nữa được Người thể hiện rõ trong *Đường Kách mệnh*. Ở tác phẩm này, Người chỉ ra sự khác nhau và mối quan hệ giữa hai giai đoạn cách mạng ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, mà lúc đó Người gọi là "dân tộc kách mệnh" và "giai cấp kách mệnh". Nội dung của "dân tộc kách mệnh" mà Người xác định thực chất là nội dung cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Điều này, đến năm 1928, Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản đã chỉ dẫn: "Ở các nước thuộc địa, cách mạng dân chủ tư sản khác hẳn với cách mạng dân chủ tư sản ở nước độc lập, chủ yếu vì nó có liên hệ hữu cơ với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách

1 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 102.

đế quốc", "yếu tố dân tộc là yếu tố quyết định phần lớn tính chất độc đáo của cuộc cách mạng thuộc địa"[1]. Nhưng nếu Quốc tế Cộng sản lúc đó coi ruộng đất là điểm mấu chốt của cách mạng dân tộc dân chủ, và chỉ đạo cách mạng ở Đông Dương là phải "*đồng thời* tranh đấu giành ruộng đất và giải phóng dân tộc"[2], thì Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ những năm 1925 - 1927, đã thể hiện tư tưởng đặt lên hàng đầu mục tiêu độc lập dân tộc, và coi nhiệm vụ chống đế quốc phải cao hơn nhiệm vụ chống phong kiến. Trong *Đường Cách mệnh*, Người giải thích: "Dân tộc kách mệnh" như "An Nam đuổi Pháp… để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân nước mình"[3], và giáo dục những người Việt Nam yêu nước theo gương cách mạng Nga, đấu tranh để "giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại", xóa bỏ các giai cấp bóc lột, từ vua chúa, địa chủ cho đến tư sản. Đến tháng 2/1930, tư tưởng này được Người khẳng định dứt khoát ở *Chánh cương vắn tắt của Đảng*. Trong khi chỉ rõ mục tiêu cuối cùng của hai giai đoạn mà con đường cách mạng Việt Nam phải trải qua là "đi tới xã hội cộng sản", thì mục tiêu số 1 ở giai đoạn "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng", được Chủ tịch Hồ Chí Minh

---

1 Nguyễn Khánh Bật - Chủ biên (2010), *Sự tương đồng và khác biệt về quan điểm cách mạng Việt Nam giữa Hồ Chí Minh với Quốc tế cộng sản và Đảng Cộng sản Đông Dương những năm 1930 - 1941*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 95.

2 Xem (2006), *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 271.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 287.

xác định là giành lại nền độc lập cho dân tộc. Do vậy, tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Người là tập trung mọi mặt trận, mọi lĩnh vực vào nhiệm vụ chống đế quốc - kẻ thù số 1 của cách mạng:

A. Về phương diện xã hội: Dân chúng được tự do dân chủ, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

B. Về phương diện chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.

C. Về phương diện kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái, thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v..) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý, thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo[1].

Qua đây có thể thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khi nhấn mạnh nhiệm vụ dân tộc, xác định mục tiêu cốt yếu của "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng" là giành lại độc lập cho dân tộc, Người không quên nhiệm vụ dân chủ, như việc đánh đổ "bọn phong kiến", "thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo"..., nghĩa là bản thân nhiệm vụ chống đế quốc và bọn phong kiến phản động mang

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 1 - 2.

lại độc lập cho dân tộc và một phần ruộng đất cho dân cày nghèo cũng đã bao hàm nội dung dân chủ. Đây được xem là một sáng tạo lớn của Người so với đường lối của Quốc tế Cộng sản trong việc kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giữa nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến.

3. Xác định đối tượng cách mạng

Từ cuối thế kỷ XIX, nhân dân Việt Nam đều ít nhiều có tư tưởng muốn giải phóng dân tộc thì phải đánh thực dân Pháp và bọn phong kiến. Nhưng đánh kẻ thù nào trước thì chủ trương của những nhà yêu nước lúc đó chưa phải đã nhất trí. Cụ Phan Châu Trinh chủ trương dựa vào thực dân Pháp để đánh đổ bọn phong kiến trước, rồi sau mới đánh đuổi thực dân Pháp. Cụ Phan Bội Châu tuy trước sau đều chủ trương đánh đuổi thực dân Pháp, nhưng lúc đầu lại muốn dựa vào phong kiến để tập hợp lực lượng, rồi trong quá trình thất bại mới chuyển từ lập trường quân chủ lập hiến sang lập trường dân chủ tư sản. Rõ ràng tất cả những chủ trương trên đều là lỗi thời và ảo tưởng. Dẫn ra hai trường hợp của hai nhà cách mạng có ảnh hưởng lớn trong các giới đồng bào ta lúc đó để thấy rằng, một nguyên nhân khiến các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta trước khi có sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đều đi đến thất bại, là do không nhận thức đúng kẻ thù chính.

Ngay từ rất sớm, khi cảm nhận được nạn mất nước và nỗi thống khổ của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có ý thức tìm hiểu sâu sắc kẻ thù của dân tộc và quyết "đi vào lòng kẻ thù để hiểu biết kẻ thù"[1]. Nhận xét về quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước của Người, GS Nguyễn Khánh Toàn viết: "Điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thức được và nó dẫn Người đi đúng hướng là: Nguồn gốc những đau khổ và áp bức dân tộc là ở ngay tại "chính quốc", ở nước đế quốc thống trị dân tộc mình"[2]. Điều đó cho thấy, ở vào thời điểm xuất dương năm 1911, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bước đầu ý thức được kẻ thù chính của dân tộc là thực dân Pháp, nhưng cũng như nhân dân ta và các sĩ phu yêu nước hồi đó, Người chưa biết chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân là gì, chưa biết có "hai người Pháp": người Pháp tốt và người Pháp thực dân. Chỉ trong quá trình gần 10 năm "đi đúng hướng", Người mới nhận ra rằng: "Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt, song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo"[3]. Rộng hơn nữa, Người cho rằng: "Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa da vàng hay da đen cũng không đáng một xu"[4]. Những nhận thức này là cơ sở quan trọng để Chủ tịch Hồ Chí Minh khi tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản, đã

---

1 Võ Nguyên Giáp - Chủ biên (1997), Sđd, tr. 83.

2 Xem (1982), *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 14.

3 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 24.

4 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 24.

tập trung sức lực, trí tuệ vào việc lên án, tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân nói chung, thực dân Pháp nói riêng. Và bằng hoạt động này, ngoài những vấn đề cơ bản khác, Người đã xác định chính xác đối tượng, kẻ thù chính, chủ yếu của cách mạng Việt Nam. GS Trần Văn Giàu có lý khi nhận định: "Tư tưởng Hồ Chí Minh bắt đầu bằng sự phê bình toàn diện và triệt để chủ nghĩa thực dân dẫn đến kết luận là tất yếu phải làm cách mạng giải phóng dân tộc"[1].

Liên tục trong những năm 20 của thế kỷ trước, trên sách, báo, từ *Người cùng khổ* ở Paris đến *Thanh niên* ở Quảng Châu, từ *Bản án chế độ thực dân Pháp* đến *Đường Kách mệnh,* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi sâu nghiên cứu bản chất, thủ đoạn, phương thức thống trị của chủ nghĩa thực dân, đặc biệt là chủ nghĩa thực dân Pháp. Bằng sự nghiên cứu, phân tích "vượt hẳn những gì mà những nhà lý luận mác xít đề cập đến"[2], Người cho rằng: Lịch sử bất cứ cuộc xâm chiếm thuộc địa nào thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ và các thuộc địa là nơi hiện thân của chế độ dã man, tàn bạo của bọn thực dân đối với người bản xứ: "Chế độ thực dân là ăn cướp, … là hiếp dâm và giết người"[3]. Ở Đông Dương, hướng đúng vào kẻ thù chủ yếu của các dân tộc nơi đây, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: "Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới

---

1 Trần Văn Giàu (1997), Sđd, tr. 132.

2 Võ Nguyên Giáp - Chủ biên (1997), Sđd, tr. 64.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 115.

mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế"[1]. Như vậy rõ ràng, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới, và đối với Việt Nam và các dân tộc là thuộc địa của Pháp, thì chủ nghĩa thực dân Pháp là kẻ thù chính, chủ yếu của cách mạng.

Bên cạnh đó, bằng việc nhận thức rõ thủ đoạn trong chính sách cai trị của thực dân Pháp là biến bộ máy cai trị của giai cấp phong kiến thành hệ thống tay sai và tạo ra một cơ sở xã hội, bao gồm giai cấp địa chủ phong kiến và tầng lớp tư sản mại bản giúp chúng bóc lột và đàn áp nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước xác định kẻ thù của dân tộc là bên cạnh thực dân Pháp, còn có bè lũ tay sai của chúng là kẻ thù của dân tộc.

Ngay số đầu tiên của báo *Thanh niên* do Người trực tiếp chỉ đạo, ra ngày 21/6/1925 có bài "Nhiệm vụ của một người lính", đã đưa ra quan điểm: "Những kẻ nào áp bức nhân dân ta đều là kẻ thù của ta" và "nhiệm vụ của ta là phải đánh chúng"[2]. Cụ thể hơn, để phân biệt rõ ai là bạn, ai là thù, sắp xếp lực lượng thế nào, liên minh với ai, đánh đổ ai, cũng trên báo *Thanh niên*, số 72, ra ngày 28/4/1926, đã viết rõ: Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phong kiến là

1 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 121.

2 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 100.

đối tượng của cách mạng Việt Nam cần đánh đổ: "Mình đánh Pháp là đánh đế quốc chủ nghĩa Pháp… mình kũng đều chống lại kả vua chúa, quan lại… kùng những người hay hà hiếp zân mình, phải trị cho hết nọc"[1].

Đến *Đường Cách Mệnh*, tác giả trong khi nhấn mạnh kẻ thù dân tộc và kẻ thù giai cấp là thực dân Pháp, thì đã có sự "*phân hóa*" khi nói tới những giai tầng làm tay sai cho thực dân. Không chỉ phân ra và chỉ ra "học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ" đều "bị tư bản áp bức", mà tác phẩm còn cho rằng: "3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông"[2]. Đối với kẻ thù cách mạng là giai cấp phong kiến Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn quan hệ giữa địa chủ và nông dân ở Việt Nam khác với phương Tây, Mỹ, Trung Quốc, hay nói cách khác, địa chủ Việt Nam khác với chủ đồn điền Tây trong chiếm đoạt ruộng đất và bóc lột nông dân, nên trong chủ trương kết nạp vào "Tổ chức dân cày", Người đã nói rõ: "Bất kỳ đàn ông đàn bà từ những người *tiểu điền chủ* cho đến những dân cày thuê cày rẽ, từ 18 tuổi trở lên thì được vào", còn "*đại địa chủ* (Tác giả nhấn mạnh), mật thám, cố đạo, say mê rượu chè, cờ bạc và a phiến" thì không cho vào hội[3]. Nghĩa là ở *Đường kách mệnh,* Người đã phân loại địa chủ Việt Nam thành đại, trung và tiểu địa chủ, và tác phẩm chỉ nhắc đến tiểu địa chủ và xếp họ ngang

1 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 103.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 288.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 339.

hàng với tiểu tư sản; nhắc đến đại địa chủ và xếp họ vào loại tổ chức dân cày không chấp nhận được; và không đề cập đến vấn đề ruộng đất, địa tô hay tay sai của đế quốc. Ngoài ra, trong *Đường Cách mệnh*, Người nêu hình mẫu Cách mạng Tháng Mười Nga bằng cách chỉ rõ từng kẻ thù bị đánh đổ là vua, tư bản và địa chủ, nhưng khi nói đến vai trò cách mạng Nga giúp đỡ công nông các nước và dân tộc thuộc địa thì: "Làm cách mệnh để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới"(1).

Những vấn đề nêu trên đã là cơ sở cho việc đề ra những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng dân tộc dân chủ của Đảng ta, mà trước hết là ở cương lĩnh đầu tiên của Đảng. *Chánh cương vắn tắt của Đảng* trong khi xác định mục tiêu, nhiệm vụ và đối tượng của cách mạng Việt Nam ở giai đoạn "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng" là: "Đánh đổ *đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến*; làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập…"(2), thì trên cơ sở nhận định "tư bản bản xứ" không có thế lực gì, *Chánh cương* chủ trương không *vơ đũa cả nắm*, "không nên nói cho họ đi về phe đế quốc", mà "chỉ bọn đại địa chủ mới có thế lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa". Đối với các tầng lớp khác, *Sách lược vắn tắt của Đảng* ghi rõ: Đảng phải liên lạc với "tiểu tư sản, trí thức, trung nông", "còn đối với "phú nông, *trung, tiểu địa*

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 304.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 1.

chủ và tư bản An Nam" mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập, Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng... thì phải đánh đổ"[1]. Như vậy, qua Cương lĩnh thành lập Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rất cụ thể đối tượng của cách mạng Việt Nam: Đó là chủ nghĩa đế quốc Pháp; giai cấp phong kiến Việt Nam đứng về phe đế quốc bao gồm: bọn đại địa chủ, bọn vua quan trong bộ máy Nam Triều; và giai cấp tư sản phản cách mạng.

4. Xác định lực lượng lãnh đạo cách mạng

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân được Mác và Ăngghen nói tới từ giữa thế kỷ XIX, nhưng chân lý đó không phải được thừa nhận một cách rộng rãi ngay. Sự vận dụng của V.I.Lênin về vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ tư sản đã là một sự sáng tạo lớn, nhưng trước Cách mạng Tháng Mười, khi nói về cách mạng giải phóng dân tộc, chưa mấy người đã nghĩ tới vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản. Ở Việt Nam, ngay cả Phan Bội Châu, khi kể những giai cấp và tầng lớp trong nhân dân có thể tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng không hề có giai cấp công nhân Việt Nam. Vấn đề dân tộc cho tới lúc đó đều gắn với giai cấp tư sản. Sau Cách mạng Tháng Mười, phát triển tư tưởng của Mác - Ăngghen, Lênin đã nói tới vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản.

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 3.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, quá trình tìm đường cứu nước gắn liền với sự giác ngộ giai cấp, với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản. Trải qua gần 10 năm (1911 - 1920) sống và hoạt động trong môi trường công nhân, đưa lại cho Người sự hiểu biết về đời sống, thân phận, đặc điểm, phẩm chất, sức mạnh của giai cấp công nhân. Đây là những tích lũy về nhận thức không thể thiếu được để khi bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Người đã chuyển sang lập trường của giai cấp công nhân. Có thể nói, cùng với việc xác định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường nào, thì một vấn đề mấu chốt, có tính quyết định của cách mạng lúc này là việc xác định giai cấp lãnh đạo cách mạng.

Năm 1920, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định con đường đi của cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản, thì đồng thời, Người cũng *ý thức được sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân*. Trong việc xác định giai cấp lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thì ngay năm 1922, mặc dù coi cuộc bãi công của 600 công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn mới chỉ là "do bản năng tự vệ" của những người công nhân "không được giáo dục và tổ chức", nhưng với Người: "Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại"[1]. Đây là một phát hiện rất quan trọng và hoàn toàn mới mẻ đối với cách mạng ở một nước Việt Nam thuộc

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 123.

địa lạc hậu, giai cấp công nhân mới hình thành, chiếm thiểu số trong xã hội.

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời xuất phát từ thực tế cách mạng Việt Nam là "thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức"[1]; cũng như thấu hiểu sức mạnh của quần chúng khi được tổ chức lại trong một đoàn thể, giống "như nhiều chiếc đũa, kột thành một bó, không ai bẻ gãy được"[2], Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, giai cấp công nhân muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình thì phải tổ chức được đội tiên phong, tức một chính đảng vô sản. Do vậy, trong cách mạng giải phóng dân tộc, theo Người: "*Cách mệnh… trước hết phải có đảng cách mệnh*"[3]. Vì:

Một là, cần có đảng để "giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu"[4], tức là đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, từ đó giác ngộ quần chúng lao động, nhất là giai cấp công nhân và nông dân hiểu rõ nguồn gốc cực khổ, hiểu rõ ai là bạn, ai là thù, thấy và tin vào sức mạnh và lực lượng của mình trong cuộc đấu tranh với quân thù, và khi dân đã giác ngộ thì: "Một người cách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí"[5].

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 143.
2 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sđd, tr. 67.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 289.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 289.
5 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 294.

Hai là, có đảng để vạch ra cương lĩnh và đường lối chính trị, đề ra chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng đúng đắn, như Người đã viết: "Phải bày sách lược cho dân"[1]. Có đảng để tuyên truyền, giáo dục và tổ chức quần chúng đấu tranh cách mạng, khi thời cơ đến, đảng kịp thời lãnh đạo quần chúng đứng lên giành thắng lợi, tránh manh động "không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm (tức là không biết nắm thời cơ cách mạng)"[2].

Ba là, có đảng để tổ chức quần chúng thành một khối đoàn kết vững chắc, không chia bè phái, không chia lương và giáo, chia rẽ dân tộc… Khi quần chúng đã giác ngộ, được tổ chức chặt chẽ, có sự lãnh đạo của đảng thì họ sẽ trở thành một lực lượng hùng hậu, như Người chỉ rõ: "Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại"[3].

Bốn là, để "liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi"[4].

Chủ tịch Hồ Chí Minh không những nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết phải có đảng lãnh đạo mà còn chỉ ra rằng *"đảng có vững cách mệnh mới thành công"*. Trong *Đường Cách mệnh*, Người nêu lên nguyên nhân thất

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 289.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 289.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 297.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 289.

bại của Công xã Paris, vì không có một đảng vững mạnh của giai cấp công nhân lãnh đạo: "Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo"[1]. Trái lại, Cách mạng Tháng Mười Nga nhờ "đảng vững bền" lãnh đạo nên cách mạng thành công. Và để đảng được vững bền, ngay năm 1925, những *nguyên tắc xây dựng đảng* đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến. Trên *Thanh niên*, số 61, ra ngày 18/9/1926, Người đã đặt ra nhiều câu hỏi để tổ chức trong đảng được vững bền: "Pháp luật trong Đảng đã nghiêm ngặt chưa? Kế hoạch kách mệnh đã nghiêm ngặt chưa? Chủ nghĩa đã đúng chưa? Đảng viên đã huấn luyện chưa? Đã đồng tâm đồng lực chưa? Đã hết lòng hy sinh chưa?"[2]. Các năm tiếp theo, những nguyên tắc này được Người trình bày cụ thể hơn. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh:

Trước hết, đảng là bộ tham mưu chiến đấu, là "đội tiên phong của vô sản giai cấp"[3]. Khẳng định Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân không phải tách biệt Đảng với giai cấp, hay tách biệt Đảng với dân tộc. Người cho rằng, ở một nước thuộc địa như Việt Nam, *Đảng còn phải tiêu biểu cho lợi ích của cả dân tộc*. Trong quá trình khảo sát cách mạng nhiều nước trên thế giới, sau khi nhận rõ vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, Người cũng đồng thời nhận thức rằng ở các nước thuộc địa, muốn giải phóng giai cấp công nhân thì phải giải phóng dân tộc; giai cấp

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 295.
2 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sđd, tr. 106.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 3.

công nhân không chỉ cần giác ngộ ý thức giai cấp, mà còn phải giác ngộ ý thức dân tộc; đảng của giai cấp công nhân không chỉ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng giai cấp mà phải lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, phải làm "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng" để trước hết để mang lại độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân.

Hai là, đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hoạt động. Tầm quan trọng của nguyên tắc này được Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ngay ở trang bìa sách *Đường Cách mệnh*, khi ghi lại lời của V.I.Lênin: "... chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[1]. Theo Người: Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Chính vì thế, để đảng vững bền, Người yêu cầu: Trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa Mác - Lênin, bất kỳ ai, dù xuất thân từ thành phần giai cấp nào, khi đã vào đảng đều phải "giữ chủ nghĩa cho vững, "tin theo chủ nghĩa đảng, phục tùng phép luật đảng" và phải "tuyên truyền chủ nghĩa của đảng". Theo GS Trần Văn Giàu, một điều đặc biệt sáng tạo ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, là không chỉ đảng tiên phong cần được trang bị lý luận tiền phong, mà ngay cả quần chúng nhân dân cũng cần hiểu biết lý luận cách mạng: "Cách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu", có như

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 279.

vậy quần chúng nhân dân mới biết vì sao mình phải nổi dậy và phải nổi dậy bằng cách nào, thì mới chiến thắng kẻ thù.

Ba là, đảng phải là một khối đoàn kết, thống nhất, chống chia rẽ, phải có kỷ luật nghiêm và không cho bọn cơ hội chủ nghĩa chui vào đảng. Từ việc vạch trần âm mưu chia để trị của thực dân Pháp; chỉ ra "cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người"[1], Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, muốn đoàn kết được toàn dân tộc thì trước hết đảng phải đoàn kết, thống nhất trên cơ sở đường lối, chính sách của đảng. Đi đôi với việc củng cố sự đoàn kết thống nhất, đảng phải có kỷ luật nghiêm, phải kiên quyết chống bọn cơ hội chủ nghĩa chui vào hàng ngũ đảng để phá hoại.

Bốn là, đảng phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng, lãnh đạo quần chúng và chăm lo lợi ích của quần chúng. Trong thời gian tham gia lớp huấn luyện ở Quảng Châu, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc tổ chức các đoàn thể quần chúng: công hội, hội dân cày, hội thanh niên, phụ nữ… để tập hợp, giáo dục quần chúng, đưa quần chúng ra đấu tranh. Thông qua các đoàn thể đó, đảng liên hệ chặt chẽ với đông đảo quần chúng, hiểu tâm tư, nguyện vọng của quần chúng để định ra chủ trương đúng đắn, kịp thời, biến chủ trương, đường lối của đảng thành hành động của quần chúng.

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 283.

Ngoài những nguyên tắc xây dựng đảng trên đây, ngay thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng *tư cách người cách mạng*. Theo Người, một đảng cách mạng chân chính phải bao gồm các đảng viên mẫu mực. Vì vậy, trong công tác tổ chức, điều kiện hàng đầu và không bao giờ nhân nhượng của Người là điều kiện về "tư cách của người cách mạng". Người đã ghi rõ: "*Không thể* gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên: Bọn tay chân của Pháp, bọn thù địch của nhân dân, bọn nghiện thuốc phiện, bọn rượu chè, bọn cờ bạc"[1]. Trong công tác tuyên truyền, đào tạo cán bộ cốt cán cho Đảng, Người luôn chú trọng hàng đầu bài học về những phẩm chất đạo đức mà mỗi người cách mạng phải có. Người đã đặt ra 23 điều về tư cách người cách mạng khi dạy lớp cán bộ đầu tiên ở Quảng Châu. Đó là: "*Tự mình phải*: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật. *Đối người phải*: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trực mà không táo bạo. Hay xem xét người. *Làm việc phải*: Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể"[2].

---

1 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 81 - 82.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 280.

Có thể nói, trong suốt những năm 20 của thế kỷ XX, đồng thời với quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, vạch ra con đường cứu nước đúng đắn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Cùng với quá trình đó, Người còn làm sáng tỏ học thuyết về đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin một cách toàn diện, cụ thể, dễ hiểu, phù hợp với nhận thức chung của những người cách mạng và quần chúng lúc đó. Hơn thế nữa, Người đã vận dụng học thuyết đó một cách sáng tạo vào điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam: *Kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* vào đầu năm 1930.

5. Xác định lực lượng tiến hành cách mạng

Mỗi xã hội đều bao gồm nhiều tầng lớp, giai cấp và tập đoàn có địa vị, nguyện vọng, xu hướng khác nhau và không phải bất cứ tầng lớp, giai cấp nào cũng có thể đứng lên thực hiện nhiệm vụ cách mạng để đi tới mục tiêu đã vạch ra. Do đó, một yếu tố có ý nghĩa quyết định sự thành bại của phong trào cách mạng là vấn đề sắp xếp lực lượng cách mạng.

Ở Việt Nam, một nguyên nhân quan trọng dẫn đến thất bại từ phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp được khởi xướng và lãnh đạo bởi các sĩ phu phong kiến

hồi đầu thế kỷ XX, cho đến phong trào yêu nước trên lập trường tư sản và tiểu tư sản những năm 20 thế kỷ XX, là do hạn chế về quan điểm giai cấp trong đánh giá, sắp xếp lực lượng cách mạng, và nhất là không thấy được vai trò của công nhân và nông dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ rất sớm đã xác định tư tưởng cứu nước của mình là đấu tranh cho Tổ quốc được độc lập, nhân dân được tự do. Từ lòng mong muốn đó, Người nhanh chóng tiếp thu tư tưởng giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin và vạch đường lối cứu nước: Tiến hành cách mạng tư sản dân quyền tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn cách mạng thứ nhất, Người chủ trương tập trung mũi nhọn đấu tranh chống đế quốc Pháp và bè lũ tay sai.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực dân Pháp không là kẻ thù của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là kẻ thù chung của cả dân tộc. Một dân tộc Việt Nam, như Người nói "có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói", có "tình đoàn kết, nghĩa đồng bào"[1]. Chính vì vậy, Người coi vận mệnh dân tộc là nhân tố quan trọng nhất, tác động trực tiếp đến đời sống của mọi giai tầng trong xã hội. Nước mất kéo theo hệ quả là dân bị nô lệ. Chủ quyền quốc gia bị ngoại bang tước

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 125.

bỏ, thì quyền tự do của nhân dân cũng bị thủ tiêu. Trừ những kẻ cam tâm làm tay sai cho đế quốc xâm lược, các thành viên khác của dân tộc đều chịu chung nỗi khổ nhục dưới ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc. Người nhìn thấy nguyện vọng tha thiết nhất ở các giai cấp, tầng lớp nhân dân là độc lập tự do. Trong *Đường Kách mệnh*, Người chỉ rõ: "Dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền"(1). Chính điểm tương đồng quan trọng nhất này là cơ sở để Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, vì "họ chỉ có thể đoàn kết nếu có chung một mục đích, chung số phận"(2). Theo Người, cách mạng để "sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới", là một việc rất khó, nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực của cả dân chúng thì không khó. Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử, Người xác định: "Cách mệnh là việc chung của dân chúng, chứ không phải việc một hai người"(3), "phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình"(4). Ở đây, chúng ta thấy rõ sự phát triển quan điểm về quần chúng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh so với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đối với C. Mác, quần chúng

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 287.
2 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sđd, tr. 100.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 283.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 299.

cách mạng là giai cấp vô sản, còn với V.I.Lênin, trong cách mạng vô sản Nga, quần chúng cách mạng là công nông và binh lính. Ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm quần chúng cách mạng là "cả dân chúng", và sẽ trở thành lực lượng vô địch nếu như họ được giáo dục, giác ngộ và có tổ chức. Trên *Thanh niên*, số 73, ra ngày 12/12/1926, Người chỉ rõ: "… buổi đầu kách mệnh là đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa đi mà mưu cho zân tộc mình được tự zo giải phóng. Lực lượng zân tộc kách mệnh là ở vấn đề toàn quốc zân, nên quốc zân giác ngộ chừng nào thì lực lượng to lớn chừng ấy"(1).

Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, trong số phận nô lệ của cả dân tộc kể từ khi thực dân Pháp đặt ách thống trị lên toàn cõi Việt Nam, thì mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp dân cư, với những đặc điểm riêng của mình, sẽ giữ những vị trí, vai trò cụ thể trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Và Người quan niệm: "Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh", và "ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết"(2). Đồng thời, trên cơ sở nhận thức đầy đủ tính chất của xã hội thuộc địa nửa phong kiến, vận dụng phương pháp phân tích giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, khác với công nông ở các nước tư bản chủ nghĩa

1 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 103 - 104.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 288.

ở châu Âu chỉ bị một kẻ áp bức, bóc lột là giai cấp tư sản, còn quần chúng công nông ở nước ta bị ba tầng áp bức là đế quốc, địa chủ và tư sản. Hơn nữa, ở Việt Nam, công nông còn là lực lượng đông và có sức mạnh hơn cả cho nên trong đấu tranh họ kiên quyết hơn cả, "nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới"[1]. Do vậy, cùng với ý thức sâu sắc về sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản trong thời đại hiện nay, Người đánh giá cao vị trí và lực lượng to lớn của nông dân trong cách mạng giải phóng dân tộc. Người nhấn mạnh: "Cuộc cách mạng vô sản *không thể* thắng lợi ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp *nếu như giai cấp vô sản cách mạng không được quần chúng nông dân ủng hộ tích cực*"[2]. Kết luận này còn được Người rút ra qua nghiên cứu các cuộc cách mạng trong lịch sử: Từ sai lầm của chủ nghĩa dân túy Nga chỉ biết "liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền"[3]; đến nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng 1905 ở Nga là do "thợ thuyền với dân cày không nhất trí"[4], hay do "chính sách kém cỏi về vấn đề nông dân" của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thất bại của cuộc cách mạng Trung Quốc năm 1927. Ngược lại, Người thấy rằng: Cuộc Cách mạng Tháng Mười giành được thắng lợi là do "Đảng

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 288.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 564.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 299.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 301.

Bônsêvích… có khả năng động viên quần chúng nông dân dưới khẩu hiệu của mình"[1]v.v... Đây được xem là những quan điểm cách mạng và khoa học về vấn đề liên minh công nông trong cách mạng giải phóng dân tộc, thể hiện sự sáng tạo độc đáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đứng trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, nhưng không chỉ coi công nhân là lực lượng chủ yếu của cách mạng, và ngược lại, dù nông dân nước ta chiếm phần lớn số dân, nhưng Người cũng không cho rằng chỉ có giai cấp nông dân là động lực chủ yếu của cách mạng. Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, *công nông* chẳng những là người chủ cách mạng, mà còn *là gốc cách mạng, là động lực chủ yếu của cách mạng*, "muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc"[2].

Đối với các giai tầng khác, theo Người, trong cách mạng giải phóng dân tộc thì công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc là những lực lượng tham gia hàng ngũ chống đế quốc và tay sai, mà lúc đó, trong *Đường Cách mệnh*, Người nói: "Sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền". Với tư tưởng này, cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt lên trên sự nhìn nhận, đánh giá thái độ, vị trí các giai cấp, đặc biệt là giai cấp tư sản dân tộc ở thuộc địa đối với nhiệm vụ chiến lược của cách

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 568.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 304.

mạng giải phóng dân tộc trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó. Theo Người, giai cấp tư sản dân tộc ở Việt Nam do vị trí kinh tế, chính trị và xã hội quy định, đương nhiên có nhiều mặt hạn chế, song bên cạnh đó còn có tinh thần chống đế quốc nhất định, mà những người cách mạng phải thu hút họ về phía cách mạng. Trong *Đường Cách mệnh*, Người nêu một tư tưởng quan trọng: "Công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn cách mệnh của công nông"[1], nghĩa là, Người chủ trương thu hút cả bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ phong kiến đi với cách mạng. Đến khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trên cơ sở xác định nhiệm vụ đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến tay sai và tư sản phản động, Người xác định: "Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v.. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v..) thì phải đánh đổ"[2]. Đường lối này vừa phản ánh và đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam; vừa thể hiện sự mềm dẻo, linh hoạt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chủ trương quy tụ, đoàn kết

1 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 2, tr. 288.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 3, tr. 3.

toàn dân đấu tranh thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Ngoài các giai cấp, tầng lớp nêu trên, trong xác định lực lượng cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chủ trương đoàn kết các giới thanh niên, phụ nữ và trẻ em. Đánh giá vai trò của *thanh niên* trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, ngay năm 1925, sau khi thấy thanh niên Việt Nam "không làm gì cả", Người đã cảnh báo: "Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh"[1]. *Đối với phụ nữ, trẻ em,* trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, Người đã rút ra từ thực tiễn cách mạng Pháp, bài học thứ ba cho cách mạng Việt Nam là: "Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều"[2]. Đồng thời, Người thấy trong lịch sử các cuộc cách mạng luôn có sự tham gia của phụ nữ: Cách mệnh Pháp có những người như cô học trò Sáclốt Coócđây, như bà Luy Misen ra giúp tổ chức Paris Công xã. Khi Nga cách mệnh, đàn bà ra tình nguyện đi lính, chết hết 1.854 người. "Nay cách mệnh Nga thành công mau như thế, đứng vững như thế, cũng vì đàn bà con gái hết sức giùm vào"[3]. Do đó, Người kết luận: "Muốn thế giới cách mệnh thành công, thì phải vận động đàn bà con gái công nông các nước"[4]. Vai trò của thanh niên, phụ

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 144.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 297.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 313.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 313.

nữ, còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trong *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong văn kiện trên, khi đưa ra các đối tượng mà Đảng hướng đến, để họ gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng, Người chủ trương kêu gọi công nhân, nông dân, binh lính, và cả "thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!"[1].

Như vậy, trong phạm vi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà đối tượng cần đánh đổ trước hết là bọn đế quốc và địa chủ phong kiến tay sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định lực lượng cách mạng là bao gồm cả dân tộc. Người chủ trương tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân Việt Nam đang bị làm nô lệ trong một mặt trận dân tộc thống nhất nhằm huy động sức mạnh toàn dân. Trong lực lượng toàn dân tộc, Người luôn nhắc nhở không được quên cốt lõi của nó là công nhân, nông dân và khối liên minh công - nông do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính Đảng của mình.

6. Xác định phương pháp tiến hành cách mạng

Ngay khi Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, một vấn đề trọng đại đặt ra cho dân tộc là làm thế nào một nước đất không rộng, người không đông, kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, không có quân đội và vũ khí hiện đại… có thể đánh thắng được kẻ thù đế quốc, có tiềm lực

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 22.

kinh tế và quân sự lớn mạnh. Có nhiều phương pháp cách mạng đã được đặt: Cụ Phan Châu Trinh đưa ra phương pháp đấu tranh cải lương, không tán thành bạo động vũ trang hay cầu viện bên ngoài. Cụ Phan Bội Châu với chủ trương dựa vào Nhật để thực hiện đường lối bạo động; một số khác chủ trương dựa vào Pháp để tăng tiềm lực đất nước theo phương châm "Pháp Việt đề huề" v.v... Chung quy lại, tất cả chỉ là những giải pháp sai lầm, ảo tưởng, và thất bại là điều không thể tránh khỏi.

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ kinh nghiệm của Việt Nam và nhiều dân tộc khác trên thế giới, cũng như kinh nghiệm của bản thân, Người sớm thấy rõ con đường cách mạng không thể là con đường cải lương, muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, độc lập tự do thực sự chỉ có thể giành lại bằng cuộc đấu tranh của cả dân tộc, chứ không thể cầu xin mà có được. Nhưng bằng cách nào để giành được độc lập tự do?

Ngay khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, cùng với nhiều vấn đề khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có được sự chỉ dẫn đúng đắn về phương pháp cách mạng bạo lực trong cuộc đấu tranh với mọi kẻ thù của dân tộc, của giai cấp. Nhưng nếu C. Mác quan niệm: Bạo lực là bà đỡ của mọi chính quyền cách mạng, thì theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, *cách mạng giải phóng dân tộc cũng phải được thực hiện bằng con đường cách mạng bạo lực*. Bởi vì: Sự thống

trị của thực dân đế quốc ở thuộc địa là vô cùng hà khắc, tàn bạo, làm cho nơi đây không có một cơ sở nào để thực hành đấu tranh không bạo lực: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi"[1]. Vì thế theo Người, con đường lật đổ chế độ thực dân phong kiến, giành chính quyền về tay cách mạng chỉ có thể là con đường cách mạng bạo lực; cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Quán triệt quan điểm "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng", "cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người"[2], Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, *bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng*, nghĩa là toàn dân vùng dậy đánh đuổi quân xâm lược. Người phê phán việc lấy ám sát cá nhân và bạo động non làm phương thức hành động vì: "Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thằng này còn thằng khác, giết sao cho hết?"[3]. Người cũng không tán thành với hành động khủng bố, và cho đó là "chính sách của những người thất vọng, của những người nản chí"[4]. Đối với Người "trong khi làm việc để giải phóng Tổ quốc, để thay đổi một chế độ, người ta phải có can đảm, luôn luôn có

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 114.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 283.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 299.
4 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 75.

can đảm, và hy vọng, luôn luôn hy vọng"[1]. Để làm cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chỉ có lực lượng của toàn dân mới có thể giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của bọn thống trị bạo ngược, "chứ cá nhân hành động thì dù cho những cá nhân ấy anh dũng thế nào cũng không đi đến kết quả"[2]. Người vạch rõ biện pháp đấu tranh một cách khoa học là đoàn kết quần chúng cách mạng mà công nông làm nòng cốt, đấu tranh chống kẻ thù, không chỉ bằng quân sự mà cả bằng kinh tế, chính trị nữa: "Phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2,3 anh vua, 9,10 anh quan mà được"[3], phải "liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền làm cả kinh tế và chính trị cách mệnh"[4].

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh "cách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ", "cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công"[5]. Người chủ trương cần phải giác ngộ và tổ chức quần chúng, không được "xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức"[6]. Quan niệm này khác hẳn chủ trương và hoạt động tự phát, phiêu

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 75 - 76.
2 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 76.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 299.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 299.
5 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 297.
6 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 282.

lưu, mạo hiểm, không có sự chuẩn bị trong quần chúng. Trong *Thư gửi Chủ tịch đoàn Quốc tế Cộng sản* (tháng 12/1924), Người kể lại cuộc gặp gỡ với ba nhà cách mạng quốc gia Việt Nam ở Quảng Châu và cho rằng: Mục đích duy nhất của họ là trả thù cho nước, cho nhà đã bị bọn Pháp tàn sát. Họ không hiểu chính trị, lại càng không hiểu việc tổ chức quần chúng. Người giải thích cho họ hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở, vì "tất cả những cuộc nổi dậy ấy đều đã đưa tới cái chết của mấy tên sĩ quan và binh lính Pháp, sự chiếm đoạt mấy khẩu súng và... là việc người của chúng ta chạy thoát, do không được giúp đỡ và viện trợ"[1]. Do vậy Người cho rằng, *bạo lực cách mạng là bạo lực của quần chúng có tổ chức*, tránh "chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm"[2].

Xuất phát từ tình yêu thương con người, quý trọng sinh mạng con người, quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bạo lực cách mạng trong thời kỳ này cũng cho thấy sự khác nhau hoàn toàn với quan điểm đề cao quá mức vai trò của bạo lực. Người không coi bạo lực là mục đích, mà chỉ là một phương thức, một hình thức đấu tranh khi kẻ thù buộc người cách mạng phải sử dụng để thực hiện mục đích cách mạng. Trên *Thanh niên*, số 72,

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 9.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 289.

ra ngày 5/12/1926, Người đã uốn nắn tư tưởng và khuynh hướng hoạt động chỉ biết đến bạo lực. Người cho rằng, làm cách mạng, trước hết phải tuyên truyền, tổ chức huấn luyện, sau cùng mới dùng đến bạo lực: "Làm việc phải theo thứ tự, *đừng chăm chăm chỉ biết làm cách mạng bạo động*"[1].

Một vấn đề quan trọng trong tư tưởng về bạo lực cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc này, là việc chỉ rõ *con đường giành chính quyền ở Việt Nam phải bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân*, dùng sức mạnh của quần chúng có tổ chức để đánh đổ đế quốc và tay sai, lập nên chính phủ công nông binh và "tổ chức ra quân đội công nông". Đó là phương thức đấu tranh cơ bản của nhân dân thuộc địa để đập tan nền thống trị của đế quốc và tay sai. Nói với họa sĩ người Thụy Điển Êrích Giônhanxơn (Eric Johanson) vào tháng 9/1924, Người cho rằng: Sự giải phóng Việt Nam không thể thực hiện được bằng cải cách dần dần hay thông qua một sự giải phóng dội từ trên xuống, một cuộc đảo chính đơn giản không thể thực hiện được, mà phải bằng cách tổ chức khởi nghĩa vũ trang trong cả nước. Phải tổ chức càng nhiều càng tốt những nhóm vũ trang của những người nông dân và công nhân tại Việt Nam. Đó là những "tế bào" có thể hợp thành hạt nhân của cuộc khởi nghĩa mà Người tin chắc chắn sẽ nổ ra. Bằng cách tiến hành vũ trang, Người muốn chấm dứt

1 Viện Hồ Chí Minh (1998), Sdd, tr. 105.

vĩnh viễn ách thống trị của nước ngoài và xây dựng một nước Việt Nam độc lập[1].

Thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu lên tư tưởng kết hợp đấu tranh ở nông thôn và đô thị, đặc biệt là khởi nghĩa ở các trung tâm chính trị đầu não của giai cấp thống trị. Người rút ra từ nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng Nga năm 1905 là do "phong trào cách mạng ở các thành phố không phối hợp được với phong trào cách mạng ở nông thôn"[2], của cuộc khởi nghĩa Quảng Châu là do "vào lúc giai cấp vô sản vùng dậy trong thành phố thì ở những vùng ngoại vi không có một phong trào nông dân cách mạng quan trọng nào cả"[3]. Chính vì thế, trong *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*, Người nói rõ: Đảng của giai cấp vô sản cần phải phối hợp phong trào nông dân với các mục tiêu cách mạng và các hoạt động của giai cấp vô sản ở các trung tâm công nghiệp; Tổ chức và chuẩn bị các hoạt động phối hợp, "nếu có thể cùng một lúc ở thành thị và nông thôn thì đó sẽ là mục đích căn bản của đảng cách mạng ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp"[4]. Để bảo đảm chắc chắn cho sự phối hợp hành động giữa giai cấp vô sản và nông dân, theo Người, "đảng của giai cấp vô sản, trước hết ở tất cả các nước nông

---

1 Xem (1980), "Hồ Chí Minh - người bạn của tôi", báo *Nhân dân* số ra ngày 16/5/1980, tr. 3.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 569.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 258.

4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 566.

nghiệp và nửa nông nghiệp, phải quan tâm tới công tác chính trị và tổ chức (cả về công tác quân sự) trong nông dân"[1]. Cũng trong tác phẩm này, Người đã phân tích và giải quyết sáng tỏ về mặt lý luận nhiều vấn đề của chiến tranh du kích như về hình thức, tổ chức, cơ cấu của các đơn vị du kích; về xây dựng căn cứ địa; về huấn luyện và phương thức hoạt động, tác chiến; về thực hiện quyền lãnh đạo của Đảng và sự thống nhất chỉ huy đối với phong trào du kích… Người đặc biệt nhấn mạnh phương châm tác chiến của du kích: "Sức mạnh của du kích không nằm trong phòng thủ, mà nằm trong những hành động tiến công táo bạo và bất ngờ"[2].

Như vậy có thể thấy, ngay từ những năm 20 thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bước đầu đề cập đến phương pháp tiến hành cách mạng bạo lực cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cũng như những vấn đề về một cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân. Ngoài ra, trong thực tiễn, Người còn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chỉ huy cho lực lượng vũ trang sau này, bằng việc gửi nhiều thanh niên lần lượt đến học Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) từ năm 1925 và cho ra đời tờ báo *Lính cách mệnh* (mỗi tháng 1 số, số đầu tiên phát hành tháng 2/1927). Đây được xem như là sự chuẩn bị về mặt tư tưởng cho sự ra đời của lực lượng vũ trang theo mẫu hình

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 569.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 584.

của Hồng quân Liên Xô, mà nòng cốt là công nhân, nông dân và các chiến sĩ yêu nước như trong *Chánh cương văn tắt của Đảng* do Người soạn thảo đã ghi rõ: "Tổ chức ra quân đội công nông"[1].

7. Xác định mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với thế giới

Đoàn kết các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới là xu hướng khách quan của thời đại, mở ra khả năng và điều kiện thuận lợi cho cách mạng mỗi nước kết hợp được sức mạnh của dân tộc mình với sức mạnh của thời đại để giành thắng lợi.

Đối với cách mạng Việt Nam, qua việc xem xét chủ trương dựa vào Pháp, vào Nhật của cụ Phan Châu Trinh, cụ Phan Bội Châu để cứu nước hồi đầu thế kỷ XX, hay việc nhân dân lao động đánh đồng "bọn mũi lõ tóc quăn" là kẻ thù của cách mạng đã cho thấy việc dựa vào ai, liên minh với ai, vẫn còn là sự mơ hồ trong các phong trào yêu nước lúc đó.

Trên hành trình cứu nước - đồng thời là hành trình tìm kiếm bạn đồng minh và thiết lập mối quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế của cách mạng Việt Nam - Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm nhận thấy tính chất thời đại mới, mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga. Ngay sau đó, bằng việc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản,

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 1.

tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Người đã gắn bó chặt chẽ hơn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới. Từ đây, Người không chỉ tiếp thu, *truyền bá, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, mà còn phát triển lý luận Mác - Lênin về mối quan hệ và vị trí của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản thế giới.*

Ngay ở *Tuyên ngôn* của *Hội Liên hiệp Thuộc địa*, tháng 5/1922, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất"[1]. Do vậy theo Người, cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản ở các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản. Đây là hoạt động không thể thiếu được, là yếu tố cơ bản đảm bảo cho cách mạng vô sản thế giới giành thắng lợi. Vì một mặt, chủ nghĩa tư bản đã thành hệ thống thế giới áp bức các dân tộc, do đó muốn chiến thắng nó không thể không có một mặt trận chung của phong trào cách mạng thế giới đối lập với mặt trận thế giới tư bản. Mặt khác, như Người phân tích: Chủ nghĩa tư bản như một con đỉa có hai vòi, vừa bám vào chính quốc, vừa bám vào thuộc địa, "nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi"[2]. Rõ ràng, theo Người, sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản thế giới với nhân dân các

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 139.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 320.

nước bị nô dịch, không chỉ bao gồm ở khía cạnh tình cảm mà trở thành tất yếu phù hợp với quy luật vận động của cách mạng thế giới.

Đặt vấn đề liên minh chiến đấu giữa giai cấp vô sản ở các nước tư bản và phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, là vì lợi ích chung của cách mạng thế giới, cũng là vì lợi ích cách mạng của cả hai phía. Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, Người cho rằng, "nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được"[1]. Người dẫn ra thí dụ cụ thể ở *Đường Cách mệnh*: "An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do"[2]. Nhưng Người cũng nhận thấy một thực tế: *Đối với công nhân Pháp*, thì người bản xứ là "một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động"[3]. Còn *đối với người bản xứ*, "những người Pháp - mặc dầu họ là hạng người nào cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác"[4]. Trong khi đó "chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó… để ngăn cản việc tuyên

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 147.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 284.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 81.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 81.

truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại"[1]. Một điều đáng buồn với Người nữa, là việc các đảng cộng sản ở chính quốc trên thực tế, dù chấp nhận các điều khoản gia nhập Quốc tế thứ ba vẫn tỏ ra thờ ơ, thiếu quan tâm đến vấn đề thuộc địa[2]. Do vậy, để xây dựng mối quan hệ đoàn kết giữa giai cấp vô sản chính quốc và nhân dân thuộc địa, Người đòi hỏi một mặt, giữa họ phải xóa bỏ mọi thành kiến, mặt khác, Người yêu cầu: "Công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa"[3] và trong thực tiễn mỗi đảng vô sản, mỗi chiến sĩ cộng sản phải: "Làm cho đội tiên phong của lao động thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây… chỉ có sự hợp tác này mới bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng"[4].

Ngoài việc đặt ra yêu cầu và đấu tranh cho sự đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa giai cấp vô sản chính quốc và nhân dân các thuộc địa theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì để đảm bảo cho thắng lợi của phong trào cách mạng ở các thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhận thấy một liên minh quan trọng nữa là *liên minh giữa các dân tộc thuộc địa với nhau*. Ngay năm 1921, Người đã cùng một số người yêu nước của các thuộc địa Pháp như Angiêri, Tuyi, Marốc, Mađagátca, Đahômây v.v.. thành lập

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 81.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 300.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 80.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 134.

Hội Liên hiệp Thuộc địa, với mục đích "giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy (tức công cuộc tự giải phóng - tác giả giải thích)"[1]. Yêu cầu thực hiện đoàn kết trong nội bộ nhân dân các thuộc địa, còn vì chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học: "Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác"[2]. Trên thực tế, Người đã nhận thấy có sự chém giết lẫn nhau trong nội bộ nhân dân các thuộc địa: Người Xênêgan giết hại anh em của mình ở Cônggô, Xuđăng, Đahômây, Mađagátxca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người An Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi. Do vậy, để thoát khỏi âm mưu thâm độc của chủ nghĩa đế quốc, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, điều bắt buộc là "làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản"[3].

Cùng với chủ trương cho rằng cách mạng ở chính quốc và thuộc địa có tác dụng tương hỗ với nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có niềm tin bất di bất dịch vào khả năng cách mạng to lớn của nhân dân các nước thuộc

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 138.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 266.

3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 134.

địa. Dù cho bị đầu độc cả về tinh thần và thể xác, Người vẫn chắc chắn rằng: "Người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi" và tin tưởng vào tiền đồ cách mạng: "Người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến"[1]. Đối với Việt Nam, Người còn chú ý đến truyền thống văn hóa phong phú và lâu đời của dân tộc, vốn tiềm ẩn như một động lực vô cùng quý giá. Có thể nói, từ những nhận định trên đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến những kết luận mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng:

Một là, trong khi yêu cầu Quốc tế III và các đảng cộng sản quan tâm đến cách mạng thuộc địa, Người luôn nhấn mạnh đến ý thức tự lực cánh sinh "muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã"[2]. Vận dụng công thức của C. Mác, Người đi đến luận điểm: Công cuộc giải phóng nhân dân các dân tộc thuộc địa chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân nhân dân các dân tộc thuộc địa.

Hai là, Người khẳng định cách mạng thuộc địa có thể và cần phải tiến hành trước cách mạng vô sản ở chính quốc, từ đó góp sức vào việc hoàn thành cách mạng ở chính quốc. Luận điểm này là một sáng tạo lớn của Người.

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 40.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 320.

Chúng ta biết rằng, lần đầu và cũng là duy nhất, C.Mác và Ph.Ăngghen nói về vai trò của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa tác động đến cách mạng vô sản ở chính quốc là khi dự báo khả năng cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Airơlen có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản Anh. Còn V.I.Lênin, tuy cho rằng: "Phương Đông thuộc địa là nơi nuôi sống phương Tây tư bản"[1], nhưng khi nói chuyện với các nhà cách mạng phương Đông, Người vẫn khuyên họ hiểu rằng "mối hy vọng duy nhất của họ muốn được giải phóng, là thắng lợi của cách mạng thế giới"[2]. Trong *Tuyên ngôn* thành lập Quốc tế Cộng sản, năm 1919, có đoạn: "Công nhân và nông dân không những ở Annam, Angiêri, Bengan mà cả ở Nam Tư hay Ácmênin chỉ có thể giành được độc lập khi mà công nhân nước Anh và nước Pháp lật đổ Lôiđơ Gioócgiơ và Clêmăngxô giành chính quyền nhà nước vào tay mình"[3]. *Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thực dân và nửa thực dân* được thông qua tại Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (9/1928) cũng cho rằng: Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Tóm lại, quan điểm cơ bản của chủ

---

1 V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, tập 41, tr. 162.

2 V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 39, tr. 374.

3 Viện Mác - Lênin, Thành ủy Hà Nội (1990), *Hồ Chủ tịch người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 40.

nghĩa Mác - Lênin là chỉ khi nào giai cấp vô sản ở chính quốc giành được thắng lợi thì mới đem lại sự giải phóng cho các thuộc địa.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã nhìn thấy mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa thực dân là các nước thuộc địa. Người cho rằng, nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa "đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc"[1], tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế "đều lấy ở các xứ thuộc địa"[2], vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa "gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa"[3] v.v.. Người khẳng định: Chủ nghĩa đế quốc "chỉ tan rã hoàn toàn và vĩnh viễn khi nào chúng ta phá bỏ được nền móng đó của lâu đài đế quốc chủ nghĩa"[4], không làm như vậy "là đánh chết rắn đằng đuôi"[5]. Từ đó, Người nhận định công cuộc giải phóng thuộc địa không nhất thiết phải chờ sự thành công của cách mạng ở chính quốc, mà trong nhiều điều kiện cụ thể, có thể thành công trước và như thế góp sức đẩy cách mạng ở chính quốc lên. Trong bài *Đông Dương* viết vào mùa xuân 1921, Người nêu rõ: Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột của một

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 296.
2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 263.
3 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 295.
4 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 136.
5 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 296.

bọn thực dân, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và "trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn"[1].

Như vậy, từ việc xác định mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng Việt Nam nói riêng với cách mạng vô sản thế giới đến ý thức tự lực cánh sinh, tinh thần chủ động tiến công của cách mạng thuộc địa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề giải phóng thuộc địa trên một bình diện mới. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược đúng đắn và sáng tạo của Người.

III. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (1890 - 1930)

1. Vị trí

Trước hết, cần khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh không hình thành ngay một lúc mà được hình thành, phát triển suốt đời; phải qua một quá trình tìm tòi, xác lập, phát triển và hoàn thiện gắn với sự biến đổi của thực tiễn cách mạng, cùng với quá trình hoạt động cách mạng phong phú của Người. Song có thể thấy, giai đoạn từ 1890 đến 1930 đáng được ghi nhận là một trong những giai đoạn quan trọng bậc nhất trong quá trình hình thành

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 48.

và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận định trên xuất phát từ mấy lý do sau:

Một là, sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh từ 1890 đến 1930 bao gồm giai đoạn từ nhỏ đến 17, 18 tuổi - là tuổi học đường. Vào tuổi này, nhân cách (gồm trí tuệ, tình cảm…) được gây dựng, khẳng định. Những tri thức con người được tiếp nhận trong tuổi ấy in sâu, đậm vào bộ óc và được lưu giữ suốt đời. "Chúng làm thành cái nền móng vững bền; sau này con người có hiểu thêm ít hay nhiều đều là từ cái nền móng ấy và phụ thuộc vào cái nền móng ấy"(1).

Hai là, trước khi xuất dương năm 1911, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được trang bị những kiến thức lịch sử, văn hóa từ truyền thống tốt đẹp của gia đình, quê hương, dân tộc. Vốn học vấn, năng lực trí tuệ đó đã được bổ sung bằng vốn chính trị và vốn sống thực tiễn phong phú trong quá trình tìm đường cứu nước, sống, hoạt động ở các trung tâm văn hóa lớn của phương Tây và phương Đông (mà thời gian 20 năm, từ 1911 đến 1930 là chủ yếu, quan trọng). Đây là những cơ sở quan trọng để Chủ tịch Hồ Chí Minh chắt lọc, "tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại", cũng như hình thành tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo ở Người.

---

1 Xem (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh,* Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 2, tr. 70.

Ba là, nếu chúng ta coi tư tưởng Hồ Chí Minh "là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam..."[1], thì giai đoạn từ 1921 đến 1930 với sự hình thành tư tưởng về con đường, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; về đối tượng, lực lượng lãnh đạo và tiến hành cách mạng; về phương pháp tiến hành cách mạng; về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng quốc tế - là những tư tưởng gần như xác lập toàn bộ nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Do đó, mặc dù giai đoạn từ 1890 đến 1930 là *giai đoạn đầu tiên, nhưng có vai trò là cơ sở và nền tảng cho toàn bộ quá trình phát triển, hoàn thiện của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Ngoài ra, giai đoạn từ 1890 đến 1930, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và liền sau đó, cũng như trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Người luôn khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa chân chính nhất, cách mạng nhất, khoa học nhất, "muốn cách mệnh thành công thì phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"[2]. Đối với Người, chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Người không bao giờ xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời kiên quyết

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 88.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 304.

chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa xét lại. Điều đó cho thấy, trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh thì chủ nghĩa Mác - Lênin có vai trò to lớn, là nguồn gốc chủ yếu nhất và là một bộ phận hữu cơ - bộ phận cơ sở, nền tảng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Không thể đặt tư tưởng Hồ Chí Minh ra ngoài hệ tư tưởng Mác - Lênin, hay nói cách khác, không thể tách tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi nền tảng của mình là chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, ở Việt Nam, giương cao tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là giương cao chủ nghĩa Mác - Lênin. Muốn bảo vệ và quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin một cách có hiệu quả, phải bảo vệ, quán triệt và giương cao tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lịch sử mà cũng là lô - gíc của vấn đề. Thực tế cho thấy, từ Đại hội VI (12/1986), Đảng ta đã nhấn mạnh: "Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh"[1]. Trong *Cương lĩnh 1991* cũng như *Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011*, Đảng ta luôn khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động"[2]. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh là không đồng nhất với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng nằm trong

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tr. 125.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 88.

hệ tư tưởng Mác - Lênin và do đó, qua những gì trình bày ở trên, có thể thấy rằng, vị trí giai đoạn từ 1890 đến 1930 còn là sự *định hình và quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh là theo hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, mang tính cách mạng và khoa học.*

2. Đặc điểm

Một là, khi chúng ta chia quá trình hình thành hệ tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thành các thời kỳ như đã trình bày ở phần đầu luận văn, thì cũng có nghĩa đã chia quá trình hoạt động thực tiễn của Người thành các giai đoạn tương ứng. Mỗi giai đoạn thực tiễn đều có tác động quyết định đến quá trình hình thành hệ tư tưởng của Người. Do đó, không chỉ có hệ tư tưởng Hồ Chí Minh, mà đối với việc hình thành bất cứ hệ tư tưởng nào thì đều *trải qua quá trình từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện* để trở thành nhà tư tưởng thực sự, và quá trình ấy chỉ có thể diễn ra trong hoạt động thực tiễn gắn bó hữu cơ với từng bối cảnh lịch sử, xã hội.

Hai là, từ ngày 5/6/1911, ngày rời nước ra đi, đến ngày 3/2/1930, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều năm sống ở các nước dân chủ tư sản, cũng như các nước thuộc địa và gần 2 năm ở Liên Xô. Thực tế cuộc sống qua những năm tháng đó, là những cơ sở quan trọng để Người tiếp thu nhanh chóng, đúng đắn và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Trước và

sau ngày thành lập Đảng, Người có thời gian hoạt động ở vùng Đông Nam Á và nhiều năm ở Trung Quốc để xây dựng cơ sở cách mạng, nắm tình hình trong nước và tìm đường trở về nước. Điều này càng làm phong phú thêm vốn hiểu biết của Người, tạo ra sự kết hợp nhuần nhuyễn tinh hoa văn hóa của phương Đông và phương Tây. Trong những năm hoạt động ở Liên Xô, Người có theo học một thời gian ngắn ở trường Đại học Phương Đông. Như vậy, có thể khẳng định, *tư tưởng Hồ Chí Minh được phát triển, hoàn thiện chủ yếu bằng con đường tự học, tự rèn luyện trong cuộc sống, trong công việc, trong hoạt động cách mạng*. Sau này, Người từng nói: Tôi không có may mắn được học hành trong trường đại học. Nhưng tôi đã được học trong cuộc sống từ lịch sử, xã hội đến khoa học quân sự. Chính vốn hiểu biết thực tiễn sâu sắc trong những năm sống và hoạt động ở nhiều nước trên nhiều châu lục đã tô đậm, nâng cao cốt cách cá nhân của Người, tạo nên những nét riêng rất đẹp của tư tưởng Hồ Chí Minh và phong cách Hồ Chí Minh.

Ba là, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đứng vững trên quan điểm thực tiễn, thể hiện tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo. Tinh thần độc lập, tự chủ được biểu hiện trước hết và rất sớm ở ngay nhận thức về con đường cứu nước, từ mục đích cho đến phương thức đi, tất cả đều thể hiện sự đổi mới tư duy đầy dũng cảm của Người. Ngay cả đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, là học thuyết được xem là kim chỉ

nam cho hành động cách mạng và bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định đó là học thuyết cách mạng nhất, chân chính nhất, thì Người cũng không đặt cho mình nhiệm vụ tiếp thu tất cả những điều Mác, Ăngghen, Lênin nói và làm. Thấm nhuần sâu sắc di huấn của các bậc thầy cách mạng: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại chúng ta tin rằng, lý luận đó chỉ đặt nền móng cho một khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt"[1], trong quá trình đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và vận dụng nó vào cách mạng nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh bám rất sát thực tế từng giai đoạn, từng thời kỳ của cách mạng Việt Nam để đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thích hợp. Thậm chí ngay cả khi đã trở thành người mácxít, Người vẫn tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên và tiếp thu học thuyết đó những yếu tố phù hợp với mục đích trước mắt của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Điều đó cho thấy rằng, *sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh là cả quá trình kết hợp lý luận với thực tiễn, xuất phát từ những yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở của thực tiễn và góp phần soi sáng, chỉ đạo thực tiễn, thể hiện một tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo* hiếm có.

---

1 V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 232.

Bốn là, để trở thành nhà tư tưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một quá trình mở rộng tri thức của mình. Khi còn ở trong nước, Người đã được hấp thụ những giá trị của truyền thống dân tộc đủ sức tạo nên một bản lĩnh văn hóa vững vàng để có thể "hòa nhi bất đồng". Những năm bôn ba tìm đường cứu nước, cũng là hành trình đi ra với văn hóa nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh có điều kiện đi nhiều, hiểu rộng, biết nhiều ngoại ngữ. Người có thể đọc các tác phẩm của Sếchxpia (William Shakespeare), Đíchken (Charles Dickens), Lỗ Tấn, Huygô (Victor Hugo), Zôla (Émile Zola), Anatôn Frăngxơ (Anatole France) và Lêông Tônxtôi (Léon Tolstoi) từ nguyên bản. Chủ tịch Hồ Chí Minh đến nhiều nước, làm nhiều nghề, tiếp xúc với nhiều vĩ nhân, nghĩa là có cơ hội tiếp xúc với nhiều nền văn hóa. Người gia nhập nhiều tổ chức, vào nhiều hội, đoàn (Công đoàn lao động hải ngoại ở Anh, các Hội du lịch, Hội nghệ thuật và khoa học, Câu lạc bộ Phôbua (Faubourg) ở Pháp, Đảng Xã hội Pháp. Sau khi vào Đảng Cộng sản Pháp, Người vẫn tham gia Hội Nhân quyền, rồi cả Hội Tam điểm, hay khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Người vẫn đến với chủ nghĩa Tôn Dật Tiên,…) để học cách tổ chức, khảo sát các cơ chế chính trị - xã hội,… nhằm chắt lọc lấy cái hay, cái tốt, cái thích hợp, phục vụ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng nước Việt Nam độc lập trong tương lai. Nhận xét về quá trình gần 10 năm nghiên cứu, khảo sát thực tiễn, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, GS. Đặng Xuân Kỳ cho rằng, đó

là "kết quả của một thiên tài trí tuệ đã không ngừng nâng cao mình lên mãi bằng việc kiên trì học tập và tiếp nhận những tinh hoa văn hóa nhân loại"[1]. Có thể nói, Chủ tịch Hồ Chí Minh được coi là biểu tượng của sự tích hợp văn hóa Đông - Tây, nghĩa là biết tiếp thu có chọn lọc những giá trị từ bên ngoài nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng bên cạnh sự thâu hóa những giá trị chung của nhân loại. Ngay năm 1923, một nhà thơ, nhà báo Xô-viết nổi tiếng - Ôxíp Manđensơtam - bằng dự cảm thiên tài của mình đã nhận xét: Từ con người Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một thứ văn hóa mới, có lẽ là "một nền văn hóa tương lại"[2], và cũng thật có lý khi Hêlen Tuốcmêrơ viết: "Hồ Chí Minh là hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp: đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của C.Mác, thiên tài cách mạng của V.I.Lênin và tình cảm của người chủ gia tộc - Tất cả đều hài hòa kết hợp trong một dáng dấp tự nhiên"[3]. Điều này được chứng minh khi ta thấy ở Pháp hay ở Nga, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể mặc Âu phục, đội mũ phớt, thắt cravate, viết báo, đọc diễn văn với một văn phong rất "Tây", nhưng khi về Trung Quốc lại giản dị trong bộ quân phục Bát lộ quân; sang Thái Lan, ở chùa, khoác áo cà sa; về đến Chỉ Thôn (Vân Nam) lại sẵn sàng viết và đọc văn tế cầu hồn cho những kiều bào ta bị bom Nhật sát hại. Cho

---

1 Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1985), Sđd, tr. 11.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 1, tr. 462.

3 Hêlen Tuốcmêrơ (1992), "Trở thành Người Bác như thế nào", Tạp chí *Cộng sản*, (3), tr. 8.

nên không có gì lạ khi thấy trong văn hóa Hồ Chí Minh chứa đựng những yếu tố tích cực của tinh thần cộng hòa Pháp, dân chủ và nhân quyền Mỹ, tinh thần trọng đạo đức của Khổng giáo, đức từ bi, cứu khổ, cứu nạn của Phật, lòng nhân ái của Chúa, phép biện chứng của C. Mác, tinh thần cách mạng của V.I.Lênin, chủ thuyết Tam Dân của Tôn Dật Tiên, v.v. mà vẫn hoàn toàn Việt Nam, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng trả lời khi có người hỏi: Ông là ai? - Tôi vẫn là tôi ngày trước: *Một người yêu nước*. Như vậy, sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là cả quá trình, không chỉ là quá trình hoạt động cách mạng mà còn là *quá trình tiếp biến tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, từ thấp đến cao, từ truyền thống đến hiện đại, từ cách mạng đến khoa học, từ dân tộc đến quốc tế, từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội.*

Năm là, cần phải khẳng định rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận quyết định bước phát triển mới về chất của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin trong quá trình hình thành tư tưởng của mình, chủ nghĩa yêu nước ở Người đã gắn liền với chủ nghĩa xã hội, giác ngộ dân tộc phát triển và kết hợp với giác ngộ giai cấp, cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với cách mạng vô sản. Chính lý luận Mác - Lênin đã cung cấp cho Chủ tịch Hồ Chí Minh thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng để tổng kết lịch sử và kinh nghiệm thực tiễn, tìm ra con đường cứu nước mới và

đúng đắn. Cũng chính trên cơ sở của lý luận Mác - Lênin đã giúp Người tiếp thu và chuyển hoá những nhân tố tích cực, những giá trị và tinh hoa văn hóa của dân tộc và của nhân loại để tạo nên tư tưởng của mình phù hợp với xu thế vận động của lịch sử. Tháng 4/1960, viết cho tạp chí *Các vấn đề phương Đông* (Liên Xô) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của V.I.Lênin, nhưng lúc đó phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang tồn tại cả hai khuynh hướng: giáo điều và cơ hội, xét lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định: "Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"[1]. Điều đó càng cho thấy *vai trò và ý nghĩa quyết định của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Sáu là, toàn bộ tư duy của Người từ khi sang phương Tây (năm 1911) cho đến hết cuộc đời đều vận động trên một nhu cầu thực tiễn, một mục đích nhất quán, đó là để tìm đường cứu nước, giải phóng đồng bào. "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi", đấy là tất cả những điều Hồ Chí Minh muốn; đấy là tất cả những điều Hồ Chí Minh hiểu. Mọi học thuyết, mọi lý luận đến với Người, dù rắc rối, phức tạp đến đâu cũng trở nên rõ ràng dưới cái

1 Hồ Chí Minh (2011), Sdd, tập 12, tr. 563.

nhìn tham chiếu từ nhu cầu, mục đích đó. Lý do để Người tham gia Đảng Xã hội Pháp "chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái"[1]. Trong Đảng Xã hội Pháp, người ta tranh luận rất nhiều với nhau về việc ở lại Quốc tế thứ hai, theo Quốc tế thứ hai rưỡi, hay là Quốc tế thứ ba; riêng đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề thật đơn giản: "Vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa"? Khi được trả lời là Quốc tế thứ ba thì Người có thể xông vào tranh luận với lẽ duy nhất là: "Nếu đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, … không bênh vực cho các dân tộc thuộc địa, thì đồng chí làm cái cách mạng gì?"[2]. Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết cách mạng rộng lớn, bao quát nhiều vấn đề về giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng xã hội, giải phóng loài người, và Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin từ nhu cầu thực tiễn giải phóng dân tộc: Người đã "vui mừng đến phát khóc lên" khi tìm thấy trong *Luận cương* của V.I.Lênin "cái cần thiết cho chúng ta,… con đường giải phóng chúng ta". Đối với Người, quy mô giải phóng quần chúng lao động bị áp bức là tiêu chí để đánh giá một cuộc cách mạng là triệt để, là "đến nơi" hay là không. Người cho rằng: "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng

1 Trần Dân Tiên (1975), Sđd, tr. 46.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 12, tr. 562.

cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật..."[1]. Và lẽ dĩ nhiên, Người đã đặt cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, phải là cuộc cách mạng triệt để: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"[2] v.v... Như vậy là, *sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh theo một mục đích nhất quán là làm sao cho nước nhà được độc lập, cho mọi người được hưởng tự do, hạnh phúc.*

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 2, tr. 304.

2 Hồ Chí Minh (2011), Sđd, tập 3, tr. 1.

KẾT LUẬN

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân ở vùng đất giàu truyền thống yêu nước, nhân ái, trong khi cả dân tộc đang bị đè nén bởi hai tầng áp bức của thực dân, phong kiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm hấp thụ và nhận được sự giáo dục tốt nhất từ gia đình, quê hương, dân tộc. Bước vào tuổi thanh thiếu niên, song song với quá trình tích lũy vốn hiểu biết về văn hóa Việt Nam, văn hóa phương Đông, Người thấy được trong thực tiễn cảnh cùng cực của người dân do kẻ thù gây ra, cũng như nhận ra nhiều hạn chế cơ bản trong các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang thể nghiệm. *Từ tình cảm yêu thương gia đình, họ hàng, đồng bào ở quê hương, ở những nơi mình đến đã dần nhen nhóm, hình thành ở Chủ tịch Hồ Chí Minh lòng yêu nước, và ý chí đuổi giặc cứu nước*. Hoàn cảnh ra đời của một vĩ nhân ngoài tính tất yếu do nhu cầu và nhiệm vụ xã hội đặt ra, còn đòi hỏi vai trò vận động tự thân với

những phẩm chất, năng lực, trí tuệ của những con người có thể đáp ứng được nhiệm vụ lịch sử đặt ra. Trước lúc khởi hành trên con đường vạn dặm tìm kiếm chân lý, học thuyết và phương pháp đấu tranh chiến thắng kẻ thù xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích lũy được một vốn hiểu biết sâu sắc về văn hóa Việt Nam, và một số kiến thức về văn hóa Pháp rất cần thiết để đi vào một thế giới mới, mà Người đang cần khám phá do sự thôi thúc cấp bách của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào.

Cuộc hành trình gần mười năm tìm kiếm con đường mang lại độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào, đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh đến những vùng thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, đã giúp Người quan sát, nhận biết sâu sắc diện mạo của thế giới, trong đó thể hiện rõ rệt sự phân hóa, đối nghịch giữa phần đông những người bị áp bức, bóc lột và phần nhỏ những kẻ thống trị nắm quyền uy, giữa phần lớn các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với một số ít dân tộc đế quốc chủ nghĩa xâm lược và thống trị. Đó cũng là quá trình Người học tập, mở rộng tri thức, nghiên cứu lý luận, tham gia hoạt động trong một số tổ chức chính trị - xã hội, hòa nhập vào đời sống người thợ và cuộc sống của những người lao động. *Từ tình yêu dân tộc, tình yêu đất nước nồng cháy, đã hình thành ở Chủ tịch Hồ Chí Minh tình cảm sâu rộng, yêu thương, đồng cảm với những dân tộc thuộc địa, với những người lao động, những người vô sản thuộc mọi màu da bị áp bức bóc lột*. Khát vọng

cứu nước, cứu dân của Người được nhân lên thành khát vọng giải phóng của nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Bước ngoặt của cuộc hành trình là khi Hồ Chí Minh đọc được *Luận cương* của V.I.Lênin. Người tìm thấy trong đó cái "cẩm nang" giải phóng cho dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin, đã nhận biết được một tổ chức chính trị mà mình cần tham gia là Quốc tế III. Từ đây, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết tụ và hòa quyện những phẩm chất tinh túy, tốt đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và chủ nghĩa cộng sản.

Song song với hoạt động thực tiễn được triển khai trên một phạm vi rộng lớn, trong nhiều lĩnh vực từ 1921 - 1930, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào nghiên cứu tình hình Việt Nam, đánh giá thực trạng phong trào đấu tranh của nhân dân ta, để hình thành nên những *nội dung tư tưởng cơ bản của Người về cách mạng Việt Nam*. Đó là những luận điểm: cách mạng Việt Nam vận động và phát triển theo quỹ đạo cách mạng vô sản, hòa nhập vào trào lưu phát triển của thời đại; cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, xóa bỏ sự áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, trên nền tảng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cách mạng Việt Nam phải được tiến hành triệt để, đưa tới sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng đồng bào, giải phóng nhân dân lao động và xác lập vai trò làm chủ xã hội của họ. Để đưa sự nghiệp

cách mạng tới thành công phải có đảng cách mạng lãnh đạo. Đó là đảng của giai cấp công nhân được trang bị lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đoàn kết, thống nhất, có đủ năng lực lãnh đạo nhân dân và đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, với giai cấp vô sản và các phong trào cách mạng thế giới để thực hiện các mục tiêu cách mạng. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, trong đó giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là lực lượng nòng cốt, là "gốc của cách mạng". "Bầu bạn cách mạng của công nông" là học sinh, là nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ, là tiểu tư sản, trí thức, trung nông; phải lôi kéo, lợi dụng phú nông, trung tiểu địa chủ và tư sản. Sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng quần chúng lao động phải được tiến hành bằng sự nỗ lực của quần chúng. Nhân dân các dân tộc thuộc địa nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng chất chứa một nguồn lực cách mạng dồi dào được tạo nên từ nỗi bất bình cao độ của họ đối với chế độ thuộc địa tàn bạo. Sức mạnh đó sẽ gia tăng gấp bội khi họ nhận được sự giáo dục của những người xã hội chủ nghĩa, và lúc thời cơ đến sẽ gây nên bão táp cách mạng dữ dội, đánh đổ chế độ thực dân. Cách mạng thuộc địa có vị trí vô cùng quan trọng trong sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới. Mục tiêu đó được thực hiện bằng sức mạnh đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản ở chính quốc. Các dân tộc thuộc địa cần đoàn kết chặt chẽ, tạo nên một cái

cánh vững mạnh của cách mạng vô sản quốc tế. Thành công của cách mạng giải phóng dân tộc sẽ tước bỏ nguồn sinh lực chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và giúp cho cách mạng vô sản phương Tây những điều kiện thuận lợi để giải phóng hoàn toàn.

Những nội dung trên được xác định chính yếu ở *Đông Dương, Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường Kách mệnh*, trong các văn kiện thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (tháng 2/1930) và được tiếp tục phát triển sâu sắc hơn trên những chặng đường, những nấc thang hướng tới các mục tiêu của một chiến lược cách mạng Việt Nam là "làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Như vậy, độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, là mục tiêu, là thành tố quan trọng trong nội dung tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam. Đó cũng là mục đích nhất quán, chi phối toàn bộ tư duy, hoạt động của Hồ Chí Minh.

Cách mạng Việt Nam đã hoàn thành trọn vẹn mục tiêu cách mạng ở chặng đường đầu theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chặng đường giải phóng dân tộc thoát khỏi ách thống trị ngoại bang, khỏi chế độ thuộc địa và đang tiếp bước trên con đường đổi mới hướng tới chủ nghĩa xã hội. Học tập và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta trước hết cần phải kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Song, cũng cần quán

triệt sâu sắc quan điểm và tấm gương của Người về tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo; luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, không ngừng đổi mới và sáng tạo; không ngừng mở rộng, nâng cao nhận thức - tư tưởng v.v.. nhằm góp phần đưa công cuộc đổi mới đất nước đi tới những thắng lợi ngày càng to lớn hơn nữa.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. (1970), *Bác Hồ ở Pháp*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An (2008), *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (2002), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - tiểu sử và sự nghiệp* (tái bản lần thứ 7), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Bảo tàng Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2008), *Kỷ yếu Hội thảo nghiên cứu, xác minh tư liệu và di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ 1890 - 1911*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
5. Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế (2003), *Âm vang thời Bác Hồ ở Huế*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.

6. Bảo tàng Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Nghiên cứu, xác minh tư liệu và địa chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống và hoạt động ở nước ngoài từ năm 1911 đến năm 1941,* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Nguyễn Khánh Bật - Chủ biên (2010), *Sự tương đồng và khác biệt về quan điểm cách mạng Việt Nam giữa Hồ Chí Minh với Quốc tế cộng sản và Đảng Cộng sản Đông Dương những năm 1930 - 1941*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Phạm Văn Bính - Chủ biên (2007), *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Phạm Văn Bính - Chủ nhiệm (2009), *Chủ nghĩa Mác - Lênin - Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh,* Đề tài cấp cơ sở, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (dùng trong các trường Đại học, Cao đẳng), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. Rômét Chanđra (1990), *Hồ Chí Minh trong trái tim nhân loại*, Nhà xuất bản Tổng hợp, Phú Khánh.

12. Trường Chinh (1990), *Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự nghiệp vĩ đại, gương sáng đời đời,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

13. (1999), *Chuyên san Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước,* Bảo tàng Hồ Chí Minh Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. E. Côbêlép (2010), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 1 1924 - 1930.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

18. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

19. Phạm Văn Đồng (1998), *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

20. Phạm Văn Đồng (1966), *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

21. (1992), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

22. Võ Nguyên Giáp - Chủ biên (1997), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

23. Võ Nguyên Giáp (1993), *Tư tưởng Hồ Chí Minh quá trình hình thành và phát triển*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

24. Trần Văn Giàu (1958), *Giai cấp công nhân Việt Nam sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp "tự mình" đến giai cấp "cho mình"*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

25. Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

26. Trần Văn Giàu - Chủ biên (2009), *Vàng trong lửa*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

27. Trần Văn Hải - Chủ nhiệm (2009), *Ảnh hưởng của tinh hoa văn hóa phương Tây với quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*, Đề tài cấp cơ sở, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

28. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Hội thảo Khoa học "Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước"*, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

29. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 15 tập.

30. (1980), "Hồ Chí Minh - người bạn của tôi", Báo *Nhân dân* số ra ngày 16/5/1980, tr. 3.

31. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. Daniel Hémery (2001), *Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác* (Nguyễn Trọng Cổn lược dịch), Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

33. Nguyễn Văn Huyên - Chủ biên (2000), *Triết lý phát triển C.Mác, Ph.Ăngghen, V.L.Lênin, Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

34. Đỗ Quang Hưng - Nguyễn Văn Khoan (2011), *Dấu ấn của nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc*, Nhà xuất bản Thông tin truyền thông, Hà Nội.

35. Đỗ Quang Hưng (2004), *Công hội đỏ Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

36. Jean Lacuoture (1967), *Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Senli, Paris (Bản dịch lưu tại Viện Hồ Chí Minh, ký hiệu HC - 17, 238 trang).

37. Đinh Xuân Lâm (2008), *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

38. Hoàng Văn Lân, Tạp chí *Xưa và Nay* (154), tháng 12/2003.

39. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, tập 41.

40. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, tập 42.

41. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4.

42. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 39.

43. Phan Ngọc Liên - Chủ biên (1995), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về một số vấn đề quốc tế*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

44. Phan Ngọc Liên - Trịnh Vương Hồng (2001), *Hồ Chí Minh chiến sĩ cách mạng quốc tế*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.

45. Phan Ngọc Liên (2010), *Chiến sĩ quốc tế Hồ Chí Minh*

hoạt động thực tiễn và lý luận cách mạng, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

46. Nguyễn Bá Linh (1994), *Tư tưởng Hồ Chí Minh một số nội dung cơ bản*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

47. Nguyễn Bá Linh (2009), *Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

48. Đinh Xuân Lý - Chủ biên (2003), *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

49. Đinh Xuân Lý (2008), *Nguyễn Ái Quốc với việc lựa chọn con đường cách mạng và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - một số đặc điểm*, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và nhân văn*, 24 (1008), tr. 99 - 105.

50. C.Mác, Ph.Ăngghen (1962), *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, tập 1.

51. C.Mác, Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 1.

52. (2000), *Mãi mãi theo Người - Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

53. Furuta Motoo (1997), *Hồ Chí Minh Giải phóng dân tộc và đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

54. Trình Mưu (1993), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, (2), tr. 34 - 37.

55. (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 1.

56. (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 2.

57. (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Viện Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, tập 3.

58. GS Trịnh Nhu (1990), *Những quan điểm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong thập kỷ hai mươi về cách mạng Đông Dương*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, (1), tr. 36 - 43.

59. Phân viện Hà Nội - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2011), *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (tập bài giảng), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

60. Phùng Hữu Phú (2010), *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

61. Đinh Ngọc Quý - Chủ nhiệm (2010), *Sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam*, Đề tài cấp cơ sở, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

62. Nguyễn Văn Sáu - Chủ biên (2005), *Nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

63. (2006), *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

64. Nguyễn Anh Thái (1993), *Một vài suy nghĩ góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí *Lịch sử Đảng* (2), tr. 2 - 5.

65. Mạch Quang Thắng - Chủ biên (1996), *Một số chuyên đề về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

66. Mạch Quang Thắng - Chủ biên (2009), *Hồ Chí Minh nhà cách mạng sáng tạo*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

67. Lê Sĩ Thắng (1991), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

68. Nguyễn Thành - Chủ biên (1985), *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội*, Nhà xuất bản Thông tin lý luận, Hà Nội.

69. Song Thành - Chủ biên (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

70. Song Thành (2005), Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

71. Phạm Quốc Thành (2007), *Tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh những năm 20 của thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

72. Lê Thị Thảo (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam (1920 - 1930)*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Chính trị, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

73. Chương Thâu - Sưu tầm và biên soạn (1990), *Phan Bội Châu Toàn tập*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, tập 6.

74. Trần Dân Tiên (1975), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

75. (1982), *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

76. (1982), *Tìm hiểu tác phẩm Đường cách mệnh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

77. Thu Trang (2002), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917 - 1923)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

78. Trung tâm khoa học và nhân văn quốc gia (2003), *Nguyễn Khánh Toàn - Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.

79. Trường Đại học Vinh (2011), *Hội thảo khoa học "Bối cảnh lịch sử Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước"* (Lưu hành nội bộ), Nghệ An.

80. Trần Minh Trưởng - Chủ nhiệm (2009), *Ảnh hưởng các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc đến sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*, Đề tài cấp cơ sở, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

81. Hêlen Tuốcmêrơ (1992), "Trở thành Người Bác như thế nào", *Tạp chí Cộng sản*, (3), tr. 8.

82. (1994), *Tư tưởng Hồ Chí Minh - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Trung tâm Thông tin - tư liệu thuộc Học viện Chính trị quốc gia xuất bản, Hà Nội.

83. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1990), *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

84. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1985), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng Tháng Mười*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

85. Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2006), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 1 (1890 - 1929), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

86. Viện Hồ Chí Minh (1998), *Nguyễn Ái Quốc* ở Quảng Châu (1924 - 1927), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

87. Viện Mác - Lênin, Thành ủy Hà Nội (1990), *Hồ Chủ tịch người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.

88. Viện Mác - Lênin, Viện Xuất bản kinh điển và văn kiện Đảng (1987), *Nghiên cứu tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nhà xuất bản Thông tin lý luận, Hà Nội.

89. Viện Mác - Lênin (1986), *Tình đoàn kết chiến đấu vô sản Việt - Pháp*, Nhà xuất bản Thông tin lý luận, Hà Nội.

90. Viện Sử học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1999), *Lịch sử Việt Nam 1897 - 1918*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.

91. Đức Vượng (1993), *Quá trình hình thành tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

92. Phạm Xanh (2009), Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam 1921 - 1930, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Mục lục

Lời giới thiệu.....5

Chương 1
HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC,
THƯƠNG DÂN, CHÍ HƯỚNG CỨU NƯỚC
VÀ ĐẾN VỚI CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN (1890 - 1920)

I. Vấn đề phân kỳ tư tưởng Hồ Chí Minh.....9

1. Tiêu chí phân kỳ.....10

2. Khái quát các quan điểm phân kỳ.....12

II. Bối cảnh lịch sử.....20

1. Tình hình thế giới.....21

2. Tình hình trong nước.....26

III. Thời kỳ hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân và chí hướng cứu nước (1890 - 1911).....32

1. Hình thành tư tưởng yêu nước, thương dân.....33

2. Hình thành chí hướng cứu nước.....45

IV. Thời kỳ nghiên cứu, khảo sát thực tiễn, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, trở thành người cộng sản.....62

1. Khảo sát, nghiên cứu thực tiễn.....62

2. Đến với ý thức hệ vô sản 72
3. Trở thành người cộng sản 80

Chương 2
HÌNH THÀNH CƠ BẢN TƯ TƯỞNG
VỀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1921 - 1930)

I. Bối cảnh lịch sử và những hoạt động chủ yếu của Hồ Chí Minh 93
1. Bối cảnh lịch sử 93
2. Những hoạt động chủ yếu của Hồ Chí Minh 101
II. Nội dung tư tưởng cơ bản về cách mạng Việt Nam 115
1. Xác định con đường cách mạng..... 115
2. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng 122
3. Xác định đối tượng cách mạng 129
4. Xác định lực lượng lãnh đạo cách mạng 135
5. Xác định lực lượng tiến hành cách mạng..... 143
6. Xác định phương pháp tiến hành cách mạng..... 151
7. Xác định mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với thế giới 159
III. Vị trí, đặc điểm sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh (1890 - 1930)..... 167
1. Vị trí..... 167
2. Đặc điểm 171
KẾT LUẬN..... 180
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 186

Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là một vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu lịch sử tư tưởng của Người, vì để trở thành một hệ thống hoàn chỉnh, tư tưởng Hồ Chí Minh phải trải qua quá trình hình thành và phát triển. Do vậy, việc nêu rõ, đúng và chính xác sự phân chia các thời kỳ lịch sử tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp chúng ta "nắm được những nội dung tư tưởng cơ bản của Người trong từng thời kỳ, phản ánh khách quan hiện thực lịch sử và tài năng, trí tuệ của Hồ Chí Minh".

Những năm cuối thế kỷ XIX và ba thập niên đầu thế kỷ XX là giai đoạn đầy biến động của cách mạng dân tộc và thời đại. Với tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn này là giai đoạn từng bước hình thành và hình thành những quan điểm cơ bản về cách mạng Việt Nam nói riêng và cách mạng ở một nước thuộc địa nói chung. Vì vậy, nghiên cứu giai đoạn này có ý nghĩa to lớn trong toàn bộ quá trình nghiên cứu sự hình thành, phát triển và hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh.

(Trích *Lời giới thiệu*)

Sự hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh...
ISBN 978-604-58-4929-3
9 786045 849293
Giá: 57.000 đ
www.sachweb.vn